



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Là thư đầu năm

ISSN 1145-9557 Số 166 - Năm thứ 16, tháng 01-2003

2003

Năm đấu tranh quyết liệt giữa độc tài và dân chủ

Quý độc giả kính mến,

Nguyệt san Thông Luận bước vào năm thứ 16, một đoạn đường dài trong nghiệp vụ làm báo, đặc biệt là báo chính trị tại hải ngoại.

Thành tích này đã là cố gắng chung của toàn thể chí hữu trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, qua sự điều hợp của các chủ nhiệm Bùi Quang Hiếu (1988-1990), Phạm Ngọc Lâm (1991-1993), Vũ Thiện Hán (1994-2000), Diệp Tường Bảo (2001-2002), trong suốt thời gian qua.

Thay mặt độc giả, xin gửi đến những vị tiền nhiệm lòng biết ơn và sự quý mến.

Như quý độc giả đã có dịp nhận xét, ngoài chức năng thông tin và nghị luận, Thông Luận còn là diễn đàn đào sâu và khai phá những ý tưởng mới. Chính vì thế, nội dung nguyệt san Thông Luận đã không ngừng phong phú theo thời gian, đôi khi còn đi trước thời gian, để hướng dẫn cuộc đấu tranh vì dân chủ cho Việt Nam.

Sở dĩ phải đấu tranh là vì ước muốn dân chủ đang bị đàn áp. Việt Nam là một trong vài nước còn sót lại trên thế kỷ 21 chống lại dân chủ. Tình trạng này trái với lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên - mà Thông Luận là phương tiện chuyên chở - là xây dựng một chế độ dân chủ đa nguyên cho Việt Nam, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bằng những phương thức bất bạo động.

Trong cuộc đấu tranh này, tương quan lực lượng chênh lệch quá rõ. Một bên là chế độ độc tài hung hãn, sử dụng toàn bộ hệ thống quyền lực để đàn áp những người bất đồng chính kiến. Một bên là những người dân chủ ôn hòa, chỉ có lý luận để tự

vệ. Thông Luận là phương tiện phổ biến những tiếng nói dân chủ bị bóp nghẹt trong nước.

Nếu theo dõi kỹ chắc quý độc giả cũng đã có dịp nhận xét, trong năm 2002, cuộc đấu tranh cho dân chủ trong nước bước sang giai đoạn đấu tranh có tổ chức và có phối hợp, và quan trọng hơn nữa ngọn đuốc dân chủ đang bàn giao thế hệ. Tuổi trẻ Việt Nam, hơn một nửa sinh lực quốc gia, bắt đầu nhập cuộc và đang bị đàn áp gắt gao. Thông Luận sát cánh cùng những chiến sĩ dân chủ trong nước chống lại sự đàn áp của chính quyền cộng sản.

Một sự kiện khác ít được dư luận chú ý tới, đó là cố gắng bình thường hóa chế độ độc tài của chính quyền cộng sản Việt Nam, cùng những thế lực mafia và tư sản đồ ủng hộ nó, trước dư luận trong và ngoài nước. Đồng tiền bất chánh và chuyên chính vô sản đang kết hợp với nhau, để bảo vệ đặc quyền đặc lợi của chúng, là một đe dọa lớn cho phong trào dân chủ. Thông Luận tham gia chiến dịch phơi bày và tố cáo tội ác của chúng trước dư luận.

Quý độc giả kính mến,

2003 là năm đấu tranh quyết liệt giữa độc tài và dân chủ. Ánh sáng dân chủ nhất định sẽ đẩy lùi chế độ độc tài còn sót lại này vào bóng tối.

Trong cuộc đấu tranh chống độc tài và xây dựng dân chủ cho Việt Nam, ban biên tập nguyệt san Thông Luận trông đợi sự ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa của quý độc giả. Ủng hộ đầu tiên, và ở trong tâm tay của mọi người, là phổ biến rộng rãi báo Thông Luận trong vòng đai quyền thuộc.

Kính chúc quý độc giả cùng gia đình thành đạt những ước nguyện trong cuộc sống.

Nguyễn Văn Huy

Để trả lại hy vọng và sự sống cho tuổi trẻ

Năm 2003 sẽ là năm của một cuộc chạm trán quyết liệt giữa một bên là phong trào dân chủ vừa chứng tỏ một khí thế mới từ năm 2001 và bên kia là chính quyền cộng sản mà chính sách đàn áp đã được biểu lộ rõ rệt trong năm 2002. Cuộc đụng độ này là kết quả tự nhiên của một giai đoạn hậu cộng sản không viên kiến từ hơn 15 năm qua.

Chủ nghĩa cộng sản có thể coi như đã bị xóa bỏ trên nguyên tắc và thời đại hậu cộng sản đã bắt đầu từ năm 1987 với chính sách gọi là "đổi mới", trong đó quyền tư hữu và quyền tư doanh được nhìn nhận. Tuy vậy chế độ cộng sản vẫn chưa chết hẳn. Nếu cứu cánh xây dựng thiên đường cộng sản không còn nữa thì cái phương tiện của nó là nhà nước độc tài toàn trị vẫn còn được duy trì.

Chế độ hiện nay tại Việt Nam về thực chất chỉ là một chế độ tư bản, nhưng là một chế độ tư bản bệnh hoạn, không có cạnh tranh và luật pháp đúng nghĩa, không có đối lập chính trị, báo chí độc lập và kiểm soát của dư luận, không có tự do và nhân quyền. Nói chung đó chỉ là mô hình đã từng thấy tại châu Mỹ La Tinh. Nếu trong nhất thời chính sách "đổi mới" đã có tác dụng cải thiện một cách đáng kể đời sống vật chất của dân chúng, sau cùng nó cũng đã dẫn đến những hậu quả tự nhiên của các chế độ độc tài tùy tiện: tham nhũng, mafia; tài nguyên và tiềm năng của đất nước nằm trong tay một thiểu số rất nhỏ; chính quyền chỉ là công cụ để bảo vệ những đặc quyền đặc lợi của thiểu số này. Trong một đất nước mà tất cả đều có thể mua được thì quyền lực thực sự nằm trong tay những kẻ có tiền, và những kẻ này dĩ nhiên từ chối thay đổi một hiện trạng đang có lợi cho họ.

Phong trào dân chủ trong nước cho tới một ngày gần đây chủ yếu gồm những người thất vọng với chính sách đổi mới. Nhiều người vào những năm 1987-1988 đã tin là có đổi mới thực sự và muốn đóng góp cho đổi mới. Khi cánh cửa khép lại, đa số đã đi vào nền nếp trở lại, nhưng nhiều người đã không chấp nhận để nó khép lại. Phong trào dân chủ đã được nuôi dưỡng bởi những thành phần kiên trì và có bản lĩnh. Nó đã lấy phẩm bù lại cho lượng và nó đã tiếp tục tiến tới. Một tư tưởng chính trị và một dự án chính trị cho Việt Nam đã dần dần hình thành, các ý niệm tự do, dân chủ, đa nguyên, ngày càng có nội dung và đi vào xã hội, liên lạc giữa những người dân chủ trong và ngoài nước ngày càng gắn bó. Các cố gắng bền bỉ đã đem lại kết quả.

Đầu năm 2001 bắt đầu có những người trẻ nhập cuộc; phong trào dân chủ sau một vài năm đắn đo đã tiến lên một bước quyết định, bắt đầu đấu tranh có phối hợp và có tổ chức: Hội Chống Tham Nhũng, rồi Nhóm Dân Chủ ra đời. Phong trào dân chủ còn gặp một thời cơ rất thuận lợi bởi vì chế độ cộng sản đã bước vào giai đoạn phân hóa trầm trọng, các vụ tham nhũng khổng lồ ào ạt được phơi bày,

chính quyền bối rối và ứng xử một cách thô vụng, v.v, tất cả những sự kiện tiêu cực đó càng khiến yêu cầu dân chủ hóa trở thành cần thiết và cấp bách. Nếu không bị ngăn chặn chắc chắn phong trào dân chủ sẽ phát triển rất nhanh chóng và vượt tầm kiểm soát của chế độ.

Chính quyền cộng sản bắt buộc phải đàn áp. Nó không có chọn lựa nào khác. Nó không còn quyền quyết định. Nó không còn là một chính quyền đúng nghĩa mà chỉ còn là thụ ủy của một đám tài phiệt nhất định bảo vệ đặc quyền đặc lợi bằng mọi giá. Mặt khác, những người dân chủ cũng không thể lùi trừ khi phủ nhận những cố gắng và hy sinh từ trước đến nay. Cuộc đụng độ này không tránh khỏi.

Trước mắt, phe dân chủ đã chịu thiệt hại, bốn người dân chủ trẻ đã bị bắt, hai người đã bị xử những bản án rất nặng, hai người khác sắp phải ra tòa. Hai nhân vật chính của Nhóm Dân Chủ là Phạm Quế Dương và Trần Khuê đã bị bắt, toàn bộ Nhóm Dân Chủ có thể cũng sắp bị bắt và giải tòa. Nhưng cái ảo tưởng đàn áp được lực lượng dân chủ thật là ngây ngô. Một vụ bắt người và xử án thô bạo không chấm dứt sau hành động thô bạo, mà chỉ thực sự bắt đầu từ đó. Mọi cố gắng và sáng kiến sẽ tập trung tạo áp lực buộc Hà Nội phải trả tự do cho những người dân chủ này. Các áp lực từ nhân dân Việt Nam cũng như từ thế giới sẽ tăng lên chứ không giảm đi với thời gian và càng nhiều bản án bao nhiêu thì càng nhiều áp lực bấy nhiêu. Ở trong tù, trọng lượng của những Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Quế Dương, Trần Khuê còn lớn và sẽ còn đóng góp cho cuộc vận động dân chủ đặc lực hơn là ở ngoài đời. Chế độ cộng sản sẽ sa lầy và phải nhượng bộ, nhưng nhượng bộ lần này cũng tương đương với đầu hàng và chấp nhận để cho phong trào dân chủ phát triển và cuốn theo chế độ.

Không thể khác. Dân chủ càng ngày càng trở thành một giá trị áp đảo, các nước độc tài còn lại ngày càng ít, càng bị cô lập và kết án. Thế giới cũng ngày càng hiểu rằng hòa bình và phát triển đồng nghĩa với dân chủ và nhân quyền.

Và quan trọng không kém, chế độ này, cái xác chết đã lâu nhưng chưa chôn của chủ nghĩa cộng sản, sẽ ngày một ruỗng nát. Mùi hôi thối của nó sẽ trở thành không chịu đựng nổi cho ngay cả những người trong nội bộ đảng và nhà nước. Sự sụp đổ của chế độ có thể đến ngay từ bên trong.

Việt Nam đã mất quá nhiều thì giờ với giai đoạn hậu cộng sản bệnh hoạn này. Không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Tuổi trẻ Việt Nam đã tuyệt vọng và đang chạy trốn trong rượu chè hay tự hủy trong ma túy. Dân chủ phải đến thật sớm để trả lại cho họ hy vọng và sự sống.

Thông Luận

Nguyễn Khắc Toàn bị xử 12 năm tù

Ngày 20-12-2002, Nguyễn Khắc Toàn đã bị tuyên án 12 năm tù, sau một phiên tòa kéo dài suốt buổi sáng và một phần buổi chiều. Nguyễn Khắc Toàn tới tòa trong tư thế bình tĩnh và tỉnh táo, khác hẳn Lê Chí Quang ra tòa với tất cả dấu hiệu của một người bị đánh thuốc an thần.

Gia đình Nguyễn Khắc Toàn đã nhận được giấy thông báo chính thức ngày 19-12 cho biết anh sẽ bị xét xử về tội danh gián điệp. Chỉ một mình bà Nguyễn Thị Quyết, mẹ anh Toàn, được phép tham dự phiên tòa, nhưng vì bà cụ đang bệnh nặng không thể tới được nên không có ai được vào phòng xử cả. Đây là một phiên tòa xử kín.

Cả luật sư Trần Lâm lẫn bị cáo (Nguyễn Khắc Toàn, tư biện hộ) đã phản bác mạnh mẽ và hùng hồn những luận cứ của bản cáo trạng. Ông Trần Lâm đã tỏ ra là một luật sư đầy nghị lực và lương tâm, trái hẳn với tên "luật sư" Ngô Ngọc Thủy trong vụ xử Lê Chí Quang ngày 8-11 vừa qua. Luật sư Trần Lâm và thân chủ của ông khẳng định việc đã làm là giúp đồng bào lên Hà Nội khiếu kiện oan ức (chủ yếu về nhà đất) bằng cách giúp họ viết đơn khiếu nại và thông tin cho dư luận về những khiếu kiện của họ. Hành động này xuất phát từ lòng nhân đạo nên không thể bị coi là một tội, đó là chưa nói tới tội "gián điệp". Về gián điệp, cả luật sư lẫn bị cáo thách thức tòa trưng bằng cứ buộc tội gián điệp: gián điệp cho nước nào? nhận tiền của ai, bao nhiêu, bao giờ?

Viện Kiểm Sát đã không trả lời được những câu hỏi này mà chỉ viện dẫn điều 81 bộ luật hình sự, theo đó bị coi là gián điệp những ai cung cấp những thông tin để nước ngoài sử dụng chống lại nhà nước. Viện Kiểm Sát cũng không trả lời được là những tin tức về sự khiếu kiện của đồng bào có thể được sử dụng để chống lại nhà nước như thế nào và đã có nước nào sử dụng những thông tin này để chống nhà nước chưa. Viện Kiểm Sát đã chỉ đưa ra bốn "chứng cứ phạm tội" ngây ngô và lố bịch:

1. Nguyễn Khắc Toàn đã sao chụp nhiều bài viết của những người dân chủ đối lập như Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, Trần Độ v.v. Nhưng Viện Kiểm Sát lại không trả lời được chất vấn của luật sư là nếu những bài này là phạm pháp thì sao không truy tố những người viết mà lại truy tố người đọc.

2. Nguyễn Khắc Toàn đã mở trương mục ngân hàng "để nhận tiền từ nước ngoài, dù chưa nhận được gì cả" (nguyên văn cáo trạng). Viện Kiểm Sát cũng không trả lời được chất vấn của luật sư là trương mục này chưa nhận được một số tiền nào cả thì dựa vào đâu để nói rằng nó được mở ra để nhận tiền từ nước ngoài.

3. Nguyễn Khắc Toàn thường lui tới những nơi đồng bào tập trung để khiếu kiện để lấy tin tức. Tòa không trả lời được chất vấn của luật sư là tại sao đến nơi đồng bào tập trung để khiếu kiện lại là một hành động phạm pháp.

4. Nguyễn Khắc Toàn đã trao đổi 24 điện thư với một phụ

nữ tên là Thanh Vân ở Pháp, thuộc tổ chức Liên Minh Việt Nam Tự Do. Nhưng Viện Kiểm Sát lại không nêu ra được một thông tin nào có hại cho nhà nước. Lỗi mắng hơn nữa, bản cáo trạng còn nói thêm rằng hai người vừa trao đổi tin tức vừa tán tỉnh lẫn nhau vì cả hai đều độc thân.

Mặc dầu những lý luận rất hùng hồn của phía bị cáo và sự bối rối rõ rệt của Viện Kiểm Sát, chánh án sau cùng vẫn đọc một bản án đã được quyết định từ trước: 12 năm tù. Khi tòa vừa tuyên án, Nguyễn Khắc Toàn liền hô lớn: "Phi lý! Phi lý!", nhưng lập tức bị công an xông lại khóa tay lôi đi.

Đây không phải là một phiên tòa mà chỉ là một trò hề.

Trò hề thực ra đã bắt đầu trước đó. Sáng 17-12-2002 luật sư Trần Lâm được phép gặp Nguyễn Khắc Toàn lần đầu tiên. Hai công an hiện diện trong cuộc gặp mặt này. Luật sư Trần Lâm đã cực lực phản đối đòi được gặp riêng Nguyễn Khắc Toàn theo luật định. Công an cho biết họ nhận được lệnh của chính thủ tướng Phan Văn Khải không cho ông gặp riêng Nguyễn Khắc Toàn. Ông Lâm đã đến tòa án sau đó để phản đối sự vi phạm trắng trợn quyền bào chữa này và yêu cầu tòa rời phiên xử cho đến khi ông được gặp riêng thân chủ. Cuối cùng chính quyền đã phải chấp nhận cho ông gặp riêng anh Toàn. Cuộc gặp mặt đã diễn ra hôm 19-12-2002, chỉ một ngày trước phiên xử.

Từ nhiều tháng nay gia đình Nguyễn Khắc Toàn đã yêu cầu tòa cho ông Phạm Quế Dương, đại tá, nhà văn, nhà sử, nhà báo và phát ngôn viên Nhóm Dân Chủ, được bào chữa cho anh với tư cách bào chữa viên nhân dân theo luật Việt Nam nhưng bị từ chối. Lý do được tòa án nêu ra là ông Phạm Quế Dương là người cũng liên hệ tới vụ này, lý do này vô lý vì ông Dương không hề bị truy tố. Gia đình Nguyễn Khắc Toàn lại yêu cầu cho ông Dương được ra tòa với tư cách nhân chứng thì bị tòa từ chối vì lý do ngược lại là ông Dương không liên hệ đến vụ này, do đó không có tư cách để làm nhân chứng. Đúng là nói ngược cũng được, nói xuôi cũng được.

Hai em của Nguyễn Khắc Toàn cũng đã đến tòa để yêu cầu được vào phòng xử thì được trả lời rằng đây là một vụ án chính trị nên phải xử kín. Họ yêu cầu tòa giải thích tại sao đây lại là một vụ án chính trị trong khi nhà nước cộng sản Việt Nam không ngừng lặp lại là tại Việt Nam không có tù chính trị thì không được trả lời. Họ cũng xin cho biết anh Toàn bị buộc tội là gián điệp cho nước nào, không được trả lời.

Nhắc lại, Nguyễn Khắc Toàn, sinh năm 1955, đang học dở dang Đại học Sư phạm Hà Nội ban toán thì bị động viên và gởi vào chiến trường miền Nam. Năm 1977, Nguyễn Khắc Toàn được giải ngũ với cấp bậc trung úy, học tiếp và tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội ban Toán. Thay vì trở thành nhà giáo, Nguyễn Khắc Toàn chuyển sang kinh doanh và khá thành công. Từ đầu năm 2000, Nguyễn Khắc Toàn tích cực tham gia cuộc vận động dân chủ cùng với các bậc đàn anh (Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang và Phạm Quế Dương). Anh đặc biệt quan tâm đến tình trạng cơ cực của đồng bào oan ức kéo nhau về Hà Nội khiếu kiện, thường giúp họ viết đơn và thông tin về những khiếu kiện của họ trên mạng Internet. Chỉ có thể thôi mà chính quyền buộc anh vào tội gián điệp. Nguyễn Khắc Toàn bị bắt ngày 8-1-2002 trong một quán cà phê internet ở Hà Nội giữa lúc đang định

GIÁN ĐIỆP... "ĐỔI MỚI" ?

Nhờ có vụ xử ông Nguyễn Khắc Toàn, người viết được biết một định nghĩa **đổi mới** về "gián điệp" theo một nội dung cũng **đổi mới** về công tác gián điệp. Đây là những phát kiến chứng tỏ trình độ đỉnh cao trí tuệ của bộ trưởng công an, thành viên Bộ Chính trị ; đồng thời, gián tiếp giới thiệu tầm mức những bộ óc "vĩ đại" (*thực mà*) của những ủy viên khác trong cơ cấu đầu não của chế độ "ta" ("*tây*" làm sao có nổi - cả chế độ và nhân sự - như thế ?). Cho nên người viết thấy có trách nhiệm phải nêu lên để toàn dân thiên hạ thưởng thức (và *hết lòng ngưỡng mộ - đúng thôi*).

Bản cáo trạng - giấu kín, gia đình không biết, luật sư không có và chỉ được mượn đọc khi sửa soạn biện hộ (*ô hay, kêu ca gì đây ? gián điệp thì phải âm thầm bí mật chứ ?*) - buộc ông Nguyễn Khắc Toàn 4 hành động tạo thành "tội gián điệp" : 1. la cà ở những nơi có dân khiếu kiện ; 2. lưu trữ những tấm hình, bài viết của mấy ông Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, v.v. ; 3. nhận tiền nước ngoài ; 4. trao đổi tin tức với một tổ chức phản động trên E-mail.

Tội danh 1 và 2 mà là nội dung công tác "gián điệp" ư ? Đầu óc người bình thường (*như chúng ta*) thực không nhận thức được. Thế mà mấu chốt vụ án, sự phân cách đỉnh cao trí tuệ với vực thẳm cù lần, chính là ở chỗ đó.

Ông Nguyễn Khắc Toàn từ mấy năm gần đây đã xằng xái tới hồi hạn, an ủi những người dân, nhiều khi ở làng xa xa xôi miền Trung, miền Nam, lũ lượt kéo về Hà Nội "cắm trại" trước dinh thự các bậc "cửu trùng dân chủ" - cả trăm, cả ngàn một lần - để khiếu kiện sự lạm quyền, lạm quyền của cán bộ tham nhũng (*cường hào ác bá xã hội chủ nghĩa*). Đa phần bị chiếm đoạt nhà đất họ đang ở, ruộng vườn họ đang canh tác. Ông Toàn đã chỉ dẫn, giúp họ làm đơn kể tình tiết rõ ràng và đầy đủ hơn. Ông lại gửi ra hải ngoại tin trung thực, cải chính lời xuyên tạc của báo chí, đài nhà nước về những vụ khiếu kiện này - và tố giác sự đàn áp thô bạo của công an. Dữ kiện bất ổn nhất (*đối với chức quyền*), là ông Toàn không lấy thù lao, không mong cầu lợi lộc, không nhằm hạ bệ người này công kênh người kia ; ngược lại, ông bỏ tiền túi cáng đáng hết mọi sở phí. Chẳng làm việc cho đảng, cho bản thân mình, thì chỉ còn công tác cho "thế lực thù nghịch" chứ gì ?

Bằng chứng xác nhận điều ở trên, là những tấm hình và bài viết của các ông Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, v.v. tìm thấy khi xét nhà, thay vì hình Hồ chủ tịch, Lê rồi Nông tổng bí thư, và trọn bộ ấn bản "tư tưởng" của cấp lãnh đạo (*chưa có sách, thì phải sưu tập những lời tuyên bố, những báo cáo và nghị quyết liên hệ - dùng làm kinh nhật tụng*).

Do đó, tội danh 3 - và 4 sẽ nói tiếp sau - là hoa lá trang trí cho xôm tụ mà thôi. Ông Toàn có mở trương mục, nhưng chưa nhận bất cứ chuyển ngân nào từ "nước ngoài" (chính quyền, tổ chức, cá nhân ở hải ngoại). Có chương mục để nhận tiền là chỉ dấu minh bạch về hành động "gián điệp" (*thực mà*) ; dù còn trứng nước, phải diệt trừ ngay theo đúng châm ngôn cách mạng : "thà giết lầm 99 người, còn hơn để lọt lưới một kẻ địch".

Nhân vật nữ đề cập trong tội danh 4 chỉ là thành viên một hội người Việt hải ngoại, đã tiếp tay phổ biến tin tức do ông Toàn đưa lên mạng quốc tế và sau đó, giao dịch trực tiếp với ông trên cơ sở này. Bản cáo trạng nói ông Toàn đã "tán tỉnh" (*nguyên văn*) nữ đương nhân qua E-mail. Vậy là đúng tác phong gián điệp 007, cả thế giới đều biết qua những phim James Bond. Có điều Bộ Công an chưa điều tra ra ông Toàn là hạng mấy số không. Người viết thấy ông Toàn hơn James Bond vì phải vào loại 4 không (0000) lận : 0 (không) có tội ; 0 (không) ăn tiền ; 0 (không) chấp nhận sự bất công và 0 (không) ngoảnh mặt làm ngơ trước sự bất công. Nguy hiểm ghê lắm (*thực mà*).

Ông Nguyễn Khắc Toàn lãnh án 12 năm tù giam (chưa biết cộng thêm bao nhiêu năm quản thúc). Đổi lại, ông có vinh dự khai trương tội danh "gián điệp đổi mới" của triều đại xã hội chủ nghĩa ngay đầu đệ tam thiên niên kỷ. Ông sẽ không cô đơn trong tù : nhiều chỉ dấu cho thấy Bộ Công an (và Bộ Chính trị) đang xả thân làm việc ngày đêm để ông có một chuỗi bè bạn chung chí hướng theo chân ông vào cùm. Tuy nhiên, sự phẫn nộ trong và ngoài nước cũng gia tăng theo nhịp xử án cường điệu như thế ; liệu chế độ "công an trị" còn duy trì được bao lâu là dấu hỏi thời sự to lớn ở ngoài tầm kiểm soát và dự liệu của nhóm lãnh đạo cố thủ trên những chiếc ghế khập khiễng của họ.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

 gửi một thư điện tử và bị giải về nhà giam B14, làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Cũng nên biết hồi đầu tháng 9-2002 vừa qua, thân phụ Nguyễn Khắc Toàn là ông Nguyễn Văn Bái (80 tuổi) lâm bệnh nặng, mong được gặp con lần cuối trước khi lìa đời. Gia đình Nguyễn Khắc Toàn đã làm đơn yêu cầu công an áp giải anh về thăm cha lần cuối, nhưng bị từ chối. Ngày 9-9-2002, ông Nguyễn Văn Bái qua đời, gia đình anh lại xin công an áp giải anh về nhìn cha trước khi đóng nắp quan tài, đề nghị này cũng bị từ chối. Bà Nguyễn Thị Quyết, mẹ anh Toàn chỉ được phép gặp con một lần, đó là lần duy nhất sau gần một năm bị giam giữ.

Chỉ một giờ sau khi biết được bản án này, các hãng thông tấn thế giới đã đồng loạt thông tin và đánh giá phiên tòa này chỉ là một hành động đàn áp chính trị thô bạo. Hai tổ chức

nhân quyền uy tín nhất thế giới là Amnesty International, trụ sở tại London, và Human Rights Watch, trụ sở tại New York, đã lên án mạnh mẽ điều mà họ gọi là một đợt đàn áp qui mô. Human Rights Watch còn đi xa hơn, yêu cầu các nước trợ giúp cho Việt Nam xét lại khoản viện trợ dự trù 2 tỷ rưỡi USD cho năm 2003.

Nếu chính quyền công sản Việt Nam cho rằng những vụ án Lê Chí Quang và Nguyễn Khắc Toàn như thế là xong, họ lầm to. Giai đoạn đụng độ mới giữa một bên là chính quyền công sản và bên kia là phong trào dân chủ Việt Nam với sự yểm trợ của nhân dân Việt Nam, lương tâm thế giới và các tổ chức nhân quyền quốc tế chỉ mới bắt đầu. Đợt đàn áp chính trị này chỉ làm tăng nhanh tiến trình đào thải chắc chắn và không thể đảo ngược được của một chế độ đã hết thời.

Nguyễn Sơn Bá (Paris)

Ông Nguyễn Thanh Giang và Vũ Thúy Hà

YÊU CẦU BẢO AN NINH THỂ GIỚI ĐỈNH CHÍNH !

Hà Nội ngày 09 tháng 12 năm 2002

Kính gửi :

- Ông Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,
- Ông Bộ trưởng Công an,
- Ông Bộ trưởng Văn hóa - Thông tin,
- Ông Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam.

Báo *An Ninh Thế Giới* số ra ngày 5 tháng 12 năm 2002 đăng bài "Băng đĩa có nội dung phản động - Phần nổi của tảng băng chìm" của một người ký tên Đ.T. Kiên. Trong bài có câu "*Qua đoạn phim bọn phản động còn lồ bịch ca ngời, đề cao vai trò của những nhân vật phản động như Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Hồng Sơn*". Bài báo này bị bà Vũ Thúy Hà - phu nhân thạc sĩ, bác sĩ Phạm Hồng Sơn - phân tích rõ ràng đã "vi phạm trắng trợn và thô bạo điều 72 của Hiến pháp Việt Nam năm 1992 và điều 10 của luật Tố tụng Hình sự, ...điều 122 Bộ Luật Hình sự". Bà Vũ Thúy Hà yêu cầu báo *An Ninh Thế Giới* phải đính chính không được tùy tiện gọi chồng bà là "phản động", nếu không, bà sẽ chính thức khởi kiện ông Tổng Biên tập báo *An Ninh Thế Giới* và tác giả Đ.T.Kiên. Về phần tôi, tôi xin phép được trình bày cùng các quý ông như sau :

Tôi tham gia cách mạng từ kháng chiến chống Pháp và dạy học ở Thanh Hóa. Suốt quá trình công tác học tập liên tục tôi chưa hề phạm khuyết điểm dù chỉ ở mức bị cảnh cáo. Chẳng những thế, tôi từng là chiến sĩ thi đua nhiều năm liền, từng được cấp cơ sở đề nghị phong anh hùng lao động. Tôi cũng là người đầu tiên khẳng định khả năng chứa Uran ở một vùng mỏ miền Trung Việt Nam ; người thiết lập phòng thí nghiệm Cổ từ đầu tiên ở Đông Nam Á ; người Địa Vật Lý Việt Nam đầu tiên được Liên Hiệp Quốc mời trình bày công trình khoa học tại một hội nghị quốc tế ; nhà khoa học Việt Nam đầu tiên (trong đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa) được mời đọc báo cáo khoa học tại thủ đô Hợp chủng quốc Hoa Kỳ trong Hội nghị Địa chất Quốc tế lần thứ 26 ... (chủ tịch nước Trần Đức Lương hiện nay biết rõ những việc này).

Từ ngày nghỉ hưu, do bị bao vây, cô lập, khống chế, tôi không thể nào tiếp tục làm khoa học. Để tiếp tục làm người có ích cho nhân quần - xã hội tôi dành ngày càng chuyên tâm viết chính luận nhằm biểu lộ tư tưởng và đóng góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách và đường lối xây dựng đất nước. Cho đến cuối năm 2000, các chính luận của tôi đã được tập hợp trong hai cuốn sách: "*Khát vọng ngàn đời*" và "*Suy tư và ước vọng*". Đọc chính luận của tôi, tất cả những người khách quan đều xác nhận đây là những trang đầy tâm huyết, chứa chan một tấm lòng ưu dân ái quốc. Dễ dàng kiểm nghiệm thấy những điều tôi nói, cách đây dăm bảy năm bị xem là "nghịch nhĩ" thì nay sách, báo Đảng đang nói đúng như thế, ngày càng nhiều hơn. Nhiều người cho rằng, không lâu nữa sách của tôi tất sẽ được xuất

bản công khai trong nước và sẽ được đặc biệt trân trọng.

Nếu gọi đây là làm chính trị thì hoạt động chính trị của tôi chủ yếu chỉ có vậy. Tôi vốn là người trung thực, thẳng thắn, luôn cố vũ cho sự công khai và bản thân bao giờ cũng công khai. Đảng hoàng. Tôi thường được đánh giá là người dũng cảm, dám đương đầu để bảo vệ cho được những gì mình cho là đạo lý, là lẽ phải. Tuy nhiên, không bao giờ tôi cho phép mình làm điều gì trái hiến pháp, vượt khỏi khuôn khổ luật pháp, mặc dù biết rằng hiến pháp và luật pháp của ta còn rất nhiều điều bất cập, cần chỉnh sửa. Hoàn toàn chắc chắn không thể xoi mói trong đời tư, trong hành động, trong phát ngôn, trong bản viết... của tôi những yếu tố để chứng minh là người xấu, chống nhân dân, đất nước, phản bội tổ quốc, phản động...

Vậy thì tại sao báo *An Ninh Thế Giới* lại bêu riếu tôi là "nhân vật phản động" ? Đây chẳng qua là một đòn thù cá nhân hiểm hóc, đề tiện.

Số là, báo *An Ninh Thế Giới* ra ngày 4 tháng 1 năm 2000 có đăng bài "*Mặt thật của một vài người mượn danh hiền sĩ khoác chiêu bài dân chủ*" của Nguyễn Như Phong viết về các ông Hà Sĩ Phu, Mai Thái Linh... Đọc xong bài báo đó, tôi có viết một bài bình luận với lời khen : "Bài báo có cái tên quyết liệt và nghe có vẻ hạ nhục ở những chữ "mặt thật", "mượn danh", "khoác chiêu bài" nhưng nội dung lại tương đối hiền hòa và không xúc phạm trắng trợn. Khi nói đến ông Mai Thái Linh, tác giả còn sơ suất viết : Mai Thái Linh thế này, Linh thế kia ; nhưng nói đến tiến sĩ Hà Sĩ Phu, tác giả luôn trân trọng với đại từ nhân xưng "ông". Âu đây cũng là biểu thị một nếp sống văn minh, một tinh thần văn hóa mới của công an ta. Thật là mừng và đáng khích lệ. Sau lời khen là một ít chê và nhắc nhở nhẹ nhàng, từ tốn. Tiếc rằng bài bình luận của tôi phát hành hơi muộn. Trước đó Nguyễn Như Phong đã nhận được một bài chỉ trích gay gắt của một người xưng là ở quận Cầu Giấy (là quận tôi ở). Trong bài lại dẫn ra mấy đoạn trích tiếng Anh. Phong nghĩ đây là tôi. Anh ta hấp tấp viết bài thứ hai, rồi bài thứ ba đột nhiên xoay mũi tấn công vào tôi. Thậm chí còn bịa ra thư một độc giả bày tỏ lòng căm phẫn tôi hơn cả các ông Hoàng Cơ Minh, Nguyễn Kim và Nguyễn Ngọc Đức, hiện đang ở nước ngoài. Việc làm của Phong khuấy lên một làn sóng căm phẫn chưa từng có. Trên dưới 20 bức thư, bài viết được gửi đến *An Ninh Thế Giới* và các báo. Có những lão thành cách mạng ghi tên tuổi, địa chỉ rõ ràng, không kìm được cơn giận trước thái độ hỗn xược và những thủ đoạn ngang ngược, đố kỵ, đã mắng chửi Phong thậm tệ. Từ bấy Phong thâm thù tôi bầm ruột nhưng tìm mãi mới được cơ hội để nay trả thù.

Dù ký tên nào nhưng không mấy khó khăn để nhận ra bàn tay Nguyễn Như Phong ở đây. Hãy xét xem bài báo viết có mục đích gì ? Thử hỏi, cho đến nay, đã mấy người có và mấy ai biết mà tìm xem đĩa VCD nói về Hiệp định Biên giới Việt Trung đó ? Nhưng, sau bài báo giới thiệu,

nhất định số người tìm xem sẽ tăng gấp bội. Để chống tác động "xấu", lẽ ra tác giả phải phân tích cho được những sai trái của nội dung VCD sao lại bỏ nội dung chính của VCD mà tấn công vào mấy nhân vật trong nước như chúng tôi?

Điều sau đây càng thể hiện hoàn toàn rõ ràng tâm của Nguyễn Như Phong và báo *An Ninh Thế Giới* :

Một cán bộ an ninh, vô tình hay hữu ý, đã cho tôi biết rằng bốn người được ca ngợi trong VCD là Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình. Bài báo đã lưu manh đánh tráo tên Phạm Quế Dương bằng Phạm Hồng Sơn. Điều này hoàn toàn có thể tin là chính xác. Bởi vì, chỉ có bốn người trên mới từng phát biểu bằng văn bản vấn đề cắt nhượng đất biên giới. Bác sĩ Phạm Hồng Sơn chưa hề phát biểu về vấn đề này. Báo *An Ninh Thế Giới* vì quá máu mê trả thù đã dẫm tâm mắc tội xuyên tạc sự thật, trắng trợn đánh lừa độc giả.

Phải chăng đây chỉ là sai sót do nhầm lẫn ? Chắc chắn không phải. Càng không phải rằng người ta ưu ái gì đại tá Phạm Quế Dương mà khỏa lấp ông đi. Thay Phạm Quế Dương bằng Phạm Hồng Sơn bọn chúng mới có cơ lập lờ ghép tôi vào với tập hợp ba người hiện đang bị tạm giam để dễ phong cho là "phản động" trong khi, như trên đã trình bày, nếu tôi không được xem là có công với đất nước thì trong thực tế ít ra tôi cũng vẫn đang là một công dân bình thường, chưa hề bị kết tội ! Dễ dàng khẳng định được rằng, bài báo không có mục đích gì khác ngoài sự trả thù đối với tôi. Họ muốn tạo dư luận, khuynh loát chính quyền để kích thích người ta quy tội rồi tống tôi vào nhà lao ; không được vậy thì ít nhất họ cũng bôi nhọ được tôi, tăng cường thêm tình trạng bao vây, cô lập, đầy dọa tôi ngay trong trạng thái vẫn được tự do giữa xã hội.

Còn gì để cắng, vô lương tâm, tàn bạo hơn thế ?!

Kính thưa quý vị,

Vì sao Nguyễn Như Phong và báo *An Ninh Thế Giới* dám tự tung tự tác, ngang nhiên hoành hành, đổi trắng thay đen, ngấm máu phun người như vậy ? Có người nói rằng Phong vốn là đệ tử của Bùi Quốc Huy và nay vẫn tiếp tục được núp dưới ô dù của một vài thế lực quyền uy đen tối nào đó. Cứ xem cái thái độ ngang ngược, hống hách của *An Ninh Thế Giới* hăm dọa các báo *Nông nghiệp Việt Nam*, *Nông thôn Ngày Nay* khi bị các báo này vạch mặt là đã bảo kê, chạy tội cho Năm Cam cũng có thể thấy được phần nào thế lực maphia của họ.

Bởi vậy, kính mong quý vị cho điều tra rõ vụ việc này để có biện pháp xử lý thích đáng hết sức cần thiết. Dứt khoát không thể để bọn chúng lợi dụng diễn đàn chính thức của báo Đảng, Chính phủ thỏa mãn thú tính điên cuồng, thao túng dư luận, lung lạc xã hội, đánh lừa chính quyền đẩy tới những xử lý thất nhân tâm, phi pháp, vô đạo làm suy giảm đến mất hẳn lòng tin của nhân dân, đồng thời làm cho ta luôn bị mang tiếng đàn áp dân chủ, vi phạm nhân quyền, bị kỳ thị đối với thế giới tiên tiến,

Tôi xin chân thành cảm ơn nếu được quý vị quan tâm đến nội dung hệ trọng của bức thư này.

Trân trọng.

Nguyễn Thanh Giang

Hà Nội ngày 06-12-2002

Kính gửi :

- Ông Hữu Ước, Tổng biên tập báo *An Ninh Thế Giới*

Thưa ông,

Tên tôi là Vũ Thúy Hà, địa chỉ 72B - Thụy Khê - Tây Hồ, Hà Nội. chồng tôi là Phạm Hồng Sơn, thường trú tại địa chỉ trên, bị cơ quan an ninh điều tra (Bộ Công an) bắt tạm giữ từ 27-03-2002, vì theo cơ quan an ninh điều tra thì chồng tôi "đã có hành vi thu thập, cung cấp tin tức tài liệu để nước ngoài sử dụng chống Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam". Ngày 05-12-2002, báo *An Ninh Thế Giới* số 308 có đăng trên trang 16, bài "Phần nổi của tảng băng chìm" của tác giả Đ.T.Kiên. Trong bài có đoạn viết : "*Qua đoạn phim bọn phản động còn lộ bịch ca ngời, đề cao vai trò của những nhân vật phản động như Lê Chí Quang, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Hồng Sơn...*".

Sau đây là ý kiến của tôi về đoạn trích trên :

1. Việc trong đoạn báo trên tác giả gọi chồng tôi là Phạm Hồng Sơn là "nhân vật phản động" là vi phạm trắng trợn và thô bạo điều 72 của Hiến pháp Việt Nam năm 1992, và điều 10 của luật Tố tụng hình sự : "*Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*". Thực vậy, ông Phạm Hồng Sơn mới chỉ bị bắt tạm giam, việc điều tra chưa hoàn toàn kết thúc, chưa bị một tòa án nào qui tội chồng tôi. Vả lại, chồng tôi bị bắt là vì theo cơ quan an ninh điều tra, chồng tôi có "hành vi...", còn "hành vi" đó có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không thì còn là điều phải chứng minh. Do vậy, tôi xin nhắc để ông biết rằng : quá trình điều tra là để làm rõ sự việc, phân định mức độ phạm tội và nếu không có đủ bằng chứng để chứng minh yếu tố cấu thành tội phạm thì việc khởi tố sẽ bị hủy bỏ, theo tinh thần điều 89 của luật tố tụng hình sự. Lập luận cũng như vậy đối với ông Nguyễn Vũ Bình. Riêng đối với ông Nguyễn Thanh Giang, thì ông ấy là người chưa từng bị quy án, hiện vẫn sống tự do tại Hà nội với đầy đủ quyền công dân.

2. Việc bài báo nói trên gọi chồng tôi là nhân vật phản động là một hành vi của tội vu khống, theo điều 122 Bộ luật hình sự.

3. Bài báo trên khiến cho gia đình tôi hết sức hoang mang, ảnh hưởng trầm trọng đến danh dự, cũng như đến tinh thần và sức khỏe của mọi thành viên trong gia đình tôi.

Vì ba lý do nêu trên, và trên tinh thần tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản và hợp pháp của công dân, tôi đề nghị ông khẩn cấp ra lời đính chính, không được gọi chồng tôi là ông Phạm Hồng Sơn, và những người khác như ông Nguyễn Vũ Bình, ông Nguyễn Thanh Giang là "nhân vật phản động". Nếu tôi không nhận được hồi âm của ông về ý kiến chấp thuận đính chính, tôi sẽ chính thức khởi kiện ông với tư cách là Tổng biên tập tờ báo và ông Đ.T.Kiên với tư cách là tác giả của bài báo về tội vu khống.

Tôi rất mong nhận được hồi âm của ông trong thời gian sớm nhất.

Kính thư,

Vũ Thúy Hà

Thơ và tội ác

Nguyễn Gia Kiểng

Trước năm 1975 tôi chỉ nghe nói đến Tố Hữu như là một nhà thơ giữ một chức vụ cao trong đảng cộng sản. Người miền Nam biết nhiều về ông qua bài thơ ông khóc Stalin.

Tôi thực sự biết đến thơ Tố Hữu trong thời gian tù cải tạo. Một anh giáo sư trung học, vào tù vì là cựu sĩ quan, không biết tại sao lại được cảm tình của một viên quản giáo. Có lẽ vì anh ta rất hiền lành, đứng đắn và bị ở tù oan. Anh quản giáo cho Tùng mượn một cuốn tuyển tập thơ Tố Hữu và Tùng cho tôi mượn lại cuốn sách. Tùng nói : "Cuốn này đọc tự do vì quản giáo cho mượn". Rồi hấn xuống giọng mặc dầu không có ai ở gần chúng tôi : "Thối quá thối!". Tôi giữ tập thơ này và cái đuôi của nó khá lâu vì Tùng không thích thơ và anh quản giáo cũng không bao giờ đòi lại. Tuyển tập không có gì đặc sắc, gồm những bài thơ tuyên truyền vận động cho chiến dịch này, chính sách nọ, chỉ có một vài bài đọc được, trong đó bài khá nhất là bài *"Từ ấy"*. Nhưng cái đuôi của tuyển tập thật là đặc sắc. Đó là những bài thơ Tố Hữu mà các cán bộ cộng sản ở tù chung với chúng tôi chép lại trong một cuốn vở học trò. Vai trò chính của tuyển tập chỉ là để bảo đảm cho sự hợp pháp của cuốn vở này, được coi như phần bổ túc của tập thơ. Đó là những bài mà Tố Hữu muốn người ta đừng nhắc tới nữa, nhưng lại là những bài thơ được nhớ tới nhiều nhất.

Cảm nghĩ của tôi về Tố Hữu thay đổi nhiều lần với thời gian.

Phản ứng đầu tiên của tôi là phì cười. Làm sao có thể như thế được ? Tố Hữu nịnh một cách trắng tráo, nịnh hết lời và vận dụng hết trí tưởng tượng để nịnh, đến độ mà chính người được nịnh nếu có một chút liêm sỉ cũng phải ngượng.

Bài thơ ca tụng Stalin, mà hầu như người Việt Nam nào cũng biết vài câu : *"thương cha thương mẹ thương chồng, thương mình thương một thương ông thương mười"*, mô tả tên bạo chúa cùng hung cực ác này như một thiên thần :

*Nhớ ngày nào cho con xem ảnh
Ông Xít ta lín bên cạnh nhì đồng
Áo ông trắng giữa mây hồng
Mắt ông hiền hậu, miệng ông mỉm cười
Xít ta lín ! Xít ta lín !*

*Yêu biết mấy khi con học nói
Tiếng đầu lòng con gọi Xít ta lín.*

Ca tụng Mao Trạch Đông :

*Mao Trạch Đông, bóng người cao lồng lộng
Hồn của người tỏa rộng khắp năm châu.*

Nịnh ông Hồ Chí Minh :

*Bàn tay con nắm tay cha
Bàn tay Bác ắm vào da vào lòng
Bác ngồi đó lớn mênh mông*

Trời cao biển rộng ruộng đồng nước non.

Ca tụng Liên Xô và Trung Quốc :

Ta là chiến binh

Đấu tranh cho hòa bình

Ta mơ Liên Xô thành trì cách mạng

Ta yêu Trung Quốc vĩ đại đàn anh.

Phản ứng của cả "nhóm đọc thơ Tố Hữu" đều như nhau: sao nó có thể nịnh đến thế được, nịnh không tiếc lời, nịnh bất chấp sự thực, nịnh không biết ngượng, bất chấp cả nhân phẩm, quốc thể, bất chấp tất cả. Có người bàn : "hắn không phải người Việt, tổ quốc của hắn là phong trào cộng sản". Có người khen Tố Hữu nịnh giỏi, dùng những hình ảnh rất đẹp như đứa trẻ ngây thơ học nói, như tình nghĩa cha con, vợ chồng, như trời, biển, cánh đồng xanh, và hơn nữa dùng chữ thật là tài tình để nịnh. Một người bạn của tôi nói nếu có giải Nobel về nịnh thì chắc phải trao cho Tố Hữu.

Tôi cũng nhìn nhận Tố Hữu dùng tiếng Việt rất điêu luyện, nhưng bảo rằng Tố Hữu nịnh hay thì tôi không đồng ý. Tố Hữu nịnh lố lăng quá, mà cái gì quá lố lăng thì cũng thành trò cười. Cụ thể là cả bọn chúng tôi đều cười và ngượng thay cho Tố Hữu. Các hình ảnh và khái niệm cũng được sử dụng một cách lộn xộn, cứ có vần điệu là ghép vào, bất chấp sự liên hệ và hòa hợp. Thí dụ như hai câu *"Bác ngồi đó lớn mênh mông ; trời cao biển rộng ruộng đồng nước non"* chẳng liên hệ gì với nhau, những hình ảnh và cảm nghĩ chẳng cho phép một liên tưởng nào. Tại sao nhìn một người ngồi mà lại có thể nghĩ tới ruộng đồng ? Đúng là gặp đâu viết đó, thấy cái gì hay thì *"cút nhét bừa vào"* như chính lời Tố Hữu trình bày cách làm thơ của mình, hoàn toàn không có một ưu tư nghệ thuật nào.

Nhưng cũng có những câu thơ Tố Hữu tuy rất lố bịch mà không thể cười được, như bài thơ ông làm để cổ vũ cho chiến dịch cải cách ruộng đất đẫm máu :

*Giết, giết nữa, bàn tay không chút nghĩ
Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong
Cho đảng bền lâu cả nước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Xít ta lín vĩ đại*

Cái ngớ ngẩn thường làm bật ra tiếng cười. Bergson định nghĩa tiếng cười là máy móc gắn vào sự sống thực (du mécanique plaqué sur du vivant). Ở đây sự ngây ngô có thừa. Tại sao lại phải giết thật nhiều người để lúa tốt ? để thuế mau xong ? Và cũng là một thói quen cho Mao Trạch Đông và Stalin nữa, trừ khi coi họ là những quỷ dữ hay những con chằng phải tế bằng mạng người. Sự ngớ ngẩn có thừa nhưng không cười được vì nó ác độc và ghê rợn quá.

Sau một thời gian chúng tôi cười một cách khác, thí dụ như cụm từ *"mắt ông hiền hậu"* được chúng tôi dùng để chỉ những giám thị hắc ám nhất, nhưng tôi vẫn suy nghĩ miên man về Tố Hữu.

Một nhận xét rõ rệt là những bài thơ của Tố Hữu được biết tới nhiều nhất không phải là những bài thơ được tác giả chọn để đưa vào tuyển tập mà là những bài thơ mà ông xấu hổ và muốn người ta quên đi. Người ta chỉ nhớ đến những gì nhớ nhớt của thơ ông. Như sau này ông còn được

biết tới như là người thực hiện chính sách "giá lương tiền", trong cương vị phó thủ tướng đặc trách kinh tế, làm suy sụp cả nước. Đó cũng là một điều mà Tố Hữu muốn quên đi mà không được. Khi ông chết, một vài người cố gượng viết vớt vát một vài lời tưởng niệm ông. Và cũng không xong. Ông Trần Bạch Đằng tìm được bài thơ *Mã Chiêm Sơn* cho là hay của Tố Hữu để khen thì đó lại chính là bài mà năm năm về trước Hoàng Tiến đã từng dẫn ra là bài thơ bắt chước bài *Sở Bá Vương* của Phạm Huy Thông nhưng dở hơn nhiều. Thú chết để da người chết để tiếng. Tố Hữu sẽ để tiếng rất lâu. Ông không thể chết hẳn được. Chết hẳn trong quên lãng cũng là một giải thoát. Montaigne nói : "cái chết chết nhất là cái chết lớn nhất" (la mort la plus morte est la plus grande). Người ta không dễ quên Tố Hữu, ông sẽ còn "bị nhớ đến" rất lâu.

Hãy trả cho Tố Hữu những gì của Tố Hữu.

Ông đã rất tận tụy với đảng cộng sản của ông. Thật lòng hay chỉ vì mưu tìm danh vọng? Không ai biết, nhưng ông đã làm và sẵn sàng làm tất cả cho đảng. Công lao của Tố Hữu đối với đảng cộng sản lớn lắm. Hơn Trường Chinh, Lê Duẩn và Võ Nguyên Giáp. Những vần thơ của ông đã động viên biết bao thanh niên hy sinh cho đảng cộng sản. Những ai đồng hóa đảng cộng sản và chủ nghĩa cộng sản với đất nước Việt Nam có thể ghi công ông, nhưng liệu còn bao nhiêu người như vậy?

Tố Hữu có tình cảm nào thực không ? Những người cho là có thường nhắc đến một vài bài thơ tình cảm như bài "*bầm ơi*", bài "*từ ấy*". Nhưng Tố Hữu đã có thể ca tụng Mao Trạch Đông và Stalin, đã có thể kêu gọi giết người bằng những lời lẽ rất nồng nàn thì có gì bảo đảm là ông đã có cảm hứng thực khi viết những bài khác ? Tố Hữu có thể khóc thảm thiết theo yêu cầu công tác.

Tố Hữu có bài thơ hay nào không ? Cá nhân tôi không thấy. Nếu thấy thì tôi sẽ rất ngạc nhiên. Thơ là đẹp, mà tâm hồn Tố Hữu không đẹp chút nào. Ông có thể dùng những hình ảnh bình thường rất đẹp để ca tụng những tên sát nhân, những cảnh giết người gớm ghiếc. Ông không có giác quan về cái đẹp và cái ghê tởm. Ông cũng là một người rất hung ác. Thời gian ông chỉ huy ủy ban khởi nghĩa tại Thừa Thiên đã là thời gian đầy những cuộc thảm sát mà chính ông quyết định và chứng kiến một cách hân hoan. Ông là một kẻ sát nhân, và không có kẻ sát nhân nào là nhà thơ cả.

Nhiều người dù không ưa Tố Hữu vẫn coi ông là một nhà thơ. Đó là tùy ta hiểu thơ là gì. Nếu chỉ hiểu thơ là những câu ngắn có vần ở cuối, nghĩa là đồng hóa thơ với văn vần, thì Tố Hữu có thể là một nhà thơ.

Nhưng các nhà thơ lớn lại có một quan niệm khác về thơ. Đối với họ thơ phải là một ý tưởng hay một cái nhìn rất cá nhân và đầy nghệ thuật, diễn tả bằng một ngôn ngữ nghịch thường. Làm thơ là dùng bạo lực đối với ngôn ngữ để buộc nó chuyên chở những ý mà nó chưa hề chuyên chở hoặc bình thường không thể chuyên chở, với điều kiện là phải thành công. Sartre ví thơ với một con thuyền trong một cái chai, nghĩa là một vật ngộ nghĩnh. Mỗi bài thơ phải là một cố gắng quá tải ngoạn mục của ngôn ngữ, như một

vận động viên vượt sức mình để phá một kỷ lục. Mỗi bài thơ là một mưu toan xô đẩy giới hạn của ngôn ngữ để mở rộng và sáng tạo ra ngôn ngữ. Nếu hiểu thơ theo nghĩa này, nghĩa văn học, đòi hỏi và nhứt nhối, thì phải nói chúng ta có rất ít nhà thơ và cũng có rất ít những bài thơ đúng nghĩa. Nhưng ít ra cũng đã có những người muốn làm thơ và cố làm thơ. Đó không phải là trường hợp của Tố Hữu. Ông không để lại một cảm hứng mới nào, một cách nói mới nào, hay một từ ngữ mới nào và thực ra cũng không có ý định đó. Ông dùng văn vần để tuyên truyền bởi vì văn điệu dễ nhớ, lại dễ che dấu sự thiếu kém của kiến thức và lý luận, thế thôi.

Tóm lại, Tố Hữu có thể là nhà thơ nếu hiểu thơ một cách dễ dãi, nghĩa là ở mức độ thấp.

Tuy nhiên, một lần nữa, điều phải nhìn nhận nơi Tố Hữu là cách sử dụng tiếng Việt rất lưu loát trong những bài thơ của ông. Tố Hữu rất giỏi tiếng Việt, ông dạo chơi tung tăng trong tiếng Việt, tìm chữ, ghép vần một cách dễ dàng như cá lội trong nước; hơn thế nữa ngoài văn điệu thơ Tố Hữu còn có một âm nhạc rất thuận tai, làm người đọc dễ bỏ qua sự lộn xộn của những ý niệm và hình ảnh mà ông "*nhét bừa vào*". Đó là điều rất đáng nói. Ngôn ngữ là tài sản tinh thần quan trọng nhất của một dân tộc và là cả một cấu trúc tâm lý của dân tộc đó. Người sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và dễ dàng chắc chắn phải là người rất giàu dân tộc tính. Tố Hữu phải rất có tâm hồn Việt Nam và phải là một sản phẩm thực sự của văn hóa Việt Nam. Nền văn hóa đó, bên cạnh những nét đẹp, phải nói là một văn hóa mang tật nguyên của kiếp nô lệ. Nô lệ ngoại bang trong hơn một ngàn năm và nô lệ người bản xứ trong phần còn lại. Cái tâm lý của kẻ nô lệ bị chà đạp từ đời này qua đời khác, khiến con người trở thành nhỏ mọn, ghen tức, thù hận và ác độc với nhau, luồn cúi và bợ đỡ để có được chút ưu đãi, và nhất là không có ý thức dân tộc ngay cả khi tưởng rằng mình có.

Tố Hữu làm thơ nịnh Stalin, Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh, thì cũng không khác gì các quần thần ngày xưa tung hô các hôn quân bạo chúa tồi tệ nhất là "đức sáng muôn phương, ơn tràn trời đất", hay các ông bộ trưởng đi lùi trước ông Diệm. Rất nhiều người nịnh chứ không phải một mình Tố Hữu. Có khi còn trơ trẽn hơn cả Tố Hữu. Điều khác chỉ là Tố Hữu có tài hơn họ mà thôi.

Tố Hữu ác độc thì cũng là cái ác độc của kẻ nô lệ bị quen đánh đập và bị tàn sát rồi mơ ước được đánh đập và tàn sát người khác như là dấu hiệu của tự do và quyền lực. Lịch sử ta không thiếu sự dã man. Cuộc chiến vừa qua cũng đã có vô số những hành động man rợ ở mọi phía. Và cũng đừng quên là trong đợt cải cách ruộng đất năm 1955, không phải chỉ có các cán bộ cộng sản mà còn có cả những người nông dân chất phác đã thực sự hăm hở chửi mắng, đánh đập những nạn nhân vô tội. Cái ác có ở trong dân tộc ta, như nó có trong mọi tập thể nô lệ.

Tố Hữu có *tâm hồn dân tộc* nhưng hiển nhiên là không có *tinh thần dân tộc*. Yếu tố "cùng là người Việt" không có một tầm quan trọng nào đối với ông. Ông coi người cộng

sản Trung Quốc, Liên Xô, Cuba như cha mẹ, anh em ruột thịt và ông coi những người Việt Nam khác chính kiến là tử thù. Nhưng ngay về điểm này ông cũng không phải là một ngoại lệ. Trong thời Thế Chiến 2, một nắm nhỏ người Pháp, đã thua trận và mất nước, đã có thể duy trì một ách độc tài cực kỳ tàn bạo lên cả dân tộc ta và dựa vào chính người Việt để đàn áp người Việt. Và họ hoàn toàn không bị một "mặt trời chân lý" diên rồ nào chiếu qua tìm làm cho mê muội như trường hợp Tổ Hữu. Tổ Hữu đã trúng một "cú nắn" từ cái mặt trời tội ác Mác-Lênin và trở thành một con thú dữ mê cuồng trong tội ác.

Cơn mê cuồng tội ác này có nguồn gốc rất xa, từ cách mạng tháng 10 Nga năm 1917. Thực ra đây không phải là một cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng thực sự lật đổ Nga Hoàng đã xảy ra tám tháng trước đó và là một cuộc cách mạng dân chủ, thành quả của một cuộc vận động dân chủ kéo dài gần một thế kỷ của nhiều lực lượng, trong đó nhóm Bôn sê vich chỉ là một thành phần nhỏ. Lợi dụng những sơ hở của bước đầu, nhóm Bôn sê vich do Lenin cầm đầu đã đảo chính cướp chính quyền và hành động một cách thô bạo để loại bỏ các khuynh hướng khác. Sự thô bạo này đã dẫn đến những phản ứng tự vệ khác và cuối cùng dẫn đến cuộc nội chiến 1918-1923. Lenin không những không tiếc mà còn mong muốn cuộc nội chiến này. Đối với Lenin cách mạng vô sản là nội chiến, ông đã chủ trương nội chiến ngay từ đầu. Trong cuộc nội chiến này mọi phía, nhưng nhất là chính quyền Bôn sê vich, không dừng tay trước bất cứ một hành động thô bạo nào. Vả lại bạo lực và sự dã man luôn luôn là một hằng số trong lịch sử nước Nga. Trong truyền thống của nước Nga giết người là điều rất bình thường, tàn sát là một phương thức cai trị tự nhiên. Ý niệm về tội ác không có, hoặc rất mờ nhạt, tại nước Nga lúc đó. Chủ nghĩa Marx mà Lenin theo đuổi tự nó vốn đã mang mầm bạo lực, nhưng Lenin còn thừa hưởng cả một di sản bạo lực và dã man truyền thống của nước Nga. Đi xa hơn, Lenin và Trotsky còn lý thuyết hóa bạo lực và tội ác như một chân lý cách mạng không những biện minh được mà còn đúng, và không những chỉ đúng cho nước Nga mà còn đúng cho cả thế giới. Chưa đủ, Lenin và Trotsky còn vận dụng duy vật lịch sử của Marx để bịa đặt ra huyền thoại một cuộc cách mạng vô sản toàn cầu tất yếu, tất thắng và cần được rút ngắn bằng tất cả mọi phương tiện. Không thiếu những nhà tư tưởng châu Âu, trước hết là những lãnh tụ lớn của khuynh hướng xã hội đã lập tức bác bỏ và lên án những "lý thuyết" bệnh hoạn này. Lý luận của họ chính xác và đầy tính thuyết phục nên châu Âu, đặc biệt là Đức nơi phong trào xã hội mạnh hơn cả, đã không rơi vào thảm kịch của bạo lực. Nhưng Việt Nam lại khác. Nét đậm của Việt Nam là tuy có lịch sử dài nhưng lại hoàn toàn không có tư tưởng chính trị, đã thế xã hội Việt Nam sau hàng nghìn năm dưới các chế độ tàn bạo lại đã chín muồi cho một tiếng gọi thù hận. Không những thế chủ nghĩa Mác-Lênin còn có sức thu hút ghê gớm do chính sự giản đơn bịp bợm của nó. Nó đảo lộn tất cả mọi giá trị, phủ nhận mọi kiến thức và khẳng định những con người vô học cũng có thể là những cấp lãnh đạo lớn, chỉ cần thực sự tin

vào chủ nghĩa Mác-Lênin. Còn gì sung sướng hơn ! Chính vì thế mà những người cộng sản Việt Nam đã say sưa đón nhận lý thuyết bạo lực cách mạng của Lenin như một tôn giáo. Tổ Hữu coi nó như "mặt trời chân lý chiếu qua tìm". Không có gì lạ khi ông, và rất nhiều đồng chí của ông, coi sự tàn sát như một mệnh lệnh thiêng liêng. Lên án họ cũng đúng - vì tội ác dù giải thích được cũng không thể tha thứ được - nhưng phải hiểu rằng họ đã chỉ phản ánh sự nghèo nàn của trí tuệ Việt Nam và truyền thống bạo lực sẵn có trong xã hội ta. Cũng nên lưu ý là chính người cộng sản Việt Nam, chứ không ai khác, gọi cuộc cách mạng tháng 8 -1945 là hành động "cướp chính quyền". Đã cướp thì cần gì phải thắc mắc với một đạo lý nào, trừ một đạo lý mới do Marx và Lenin đề ra và không ngừng nhắc lại: "hợp đạo lý tất cả những gì có lợi cho chủ nghĩa cộng sản, trái đạo lý tất cả những gì bất lợi cho chủ nghĩa cộng sản".

Nghĩ cho cùng thì chủ nghĩa cộng sản, đảng cộng sản và những tội ác cộng sản tại Việt Nam chỉ là một sự u mê có gốc rễ từ lịch sử và văn hóa. Như đối với mọi tội ác do sự u mê, kẻ tội phạm cũng là nạn nhân.

Vậy hãy coi chừng, trong mỗi người Việt Nam đều có một Tổ Hữu chỉ chờ cơ hội để xuất hiện.

Nguyễn Gia Kiểng

Bài thơ nhỏ tặng Lê Chí Quang

Cây phượng vĩ nở hoa trái mùa đơn độc

Khi em chưa biết tôi, tôi đang ở trong tù
Em tặng tôi cây phượng vĩ nở hoa trái mùa đơn độc
Và hôm nay thay tôi
Em lại nằm trong ngục thất
Chỉ còn cánh phượng tàn duy nhất
Đung đưa thoi thóp đầu cành
Góc phượng già gửi tới mái đầu xanh
Con chim nhỏ mang trái tin đang sôi rục lửa
Người ở trong tù hay chẳng ?
Người ở ngoài tù máu ứa.

Vũ Cao Quận

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng tình hình Việt Nam đã gần chín muồi cho một chuyển biến hòa bình về dân chủ. Áp lực dân chủ hóa đang gia tăng nhanh chóng, chẳng bao lâu sẽ buộc chính quyền cộng sản phải nhượng bộ để tránh sụp đổ trong hỗn loạn. Trong cuộc vận động để gia tăng áp lực dân chủ hóa và để xây dựng mặt trận dân chủ, cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò chiến lược quyết định và cũng có khả năng để đảm nhiệm vai trò đó. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng đấu tranh để buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và trong đó những người dân chủ Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước đều có vai trò quan trọng như nhau".
(trích **Thành Công Thế Kỷ 21**, phần tóm lược, tr. 139).

Bói số đầu năm

Nguyễn Mạnh Hùng

Để có một ý niệm về tình trạng kinh tế cũng như động lực trong một xã hội, những con số thống kê phản ánh, đầu khó đầy đủ, nhưng phần nào cũng nói lên ít nhiều hiện

số năm đi học ở mọi cấp (với tỉ lệ 2/3). Thứ ba, lợi tức trung bình cho mỗi đầu người, tính theo đô-la PPA (nghĩa là gia giảm tùy theo chỉ số giá và mãi lực của tiền nội địa), và có nhuận chính theo trình độ phát triển, theo đó 1 đô-la với nước nghèo có giá trị tương đối cao hơn so với một nước giàu trong cách tính toán. Ba thành tố chính này có tầm quan trọng ngang nhau, với tỉ lệ 1/3, trong phương thức xác lập chỉ số HDI.

Để so sánh với 2 nước láng giềng, ta có :

Việt Nam và ASEAN : vài con số để so sánh (1)									
Quốc gia	Năm	HDI (2) xếp hạng trên thế giới		PIB/đầu người xếp hạng trên thế giới		PIB/đầu người (đô la PPP) (3)	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế trung bình (%)		Đầu tư / PIB (%)
		1994	1999	1994	1999	1999	1985-1995	1989-1999	1993-1995 1998-2000
Thái Lan		59	66	51	85	6.132	9.3	5.0	41.3 21.0
Mã Lai		60	56	47	72	8.209	8.4	7.1	38.0 24.9
Indonesia		99	102	92	133	2.857	7.6	4.6	27.6 23.8
Philippines		98	70	110	118	3.805	4.0	2.8	23.3 19.3
Việt Nam		121	101	147	153	1.860	6.5	7.1	17.5 22.3
(1) Nguồn tin : L'Etat du Monde 2000, Ed. La Découverte et Boréal. Số liệu thống kê dựa trên cơ sở của PNUD và ONU.									
(2) Chỉ số phát triển con người của PNUD									
(3) PPP tính lại giá trị đô la trên cơ sở giá sinh hoạt của quốc gia địa phương.									

thực. Năm 2001, cũng thời gian này, báo chí trong nước loan một tin vui : chỉ số phát triển con người (HDI-Human Development Indice) theo thống kê của PNUD, Chương Trình Phát Triển của Liên Hiệp Quốc, ở Việt Nam xếp hạng 101 trong số đầu gần 180 quốc gia trên thế giới năm 1999. So với năm 95, hạng xếp 121, thì quả là có thể ghi nhận Việt Nam có tiến bộ. Nỗi hồ hởi của quan chức đương đại không phải hoàn toàn vô căn cứ, và tính hả hê trong những diễn từ chính thức cho phép chúng ta, nghĩa là có những người Việt Nam sống ở nước ngoài – gọi là Việt Kiều – một thứ danh xưng khiến người Việt trở thành người ngoại quốc trên chính đất nước mình, cũng nghe có gì khang khác một niềm tuyệt vọng. Chúng ta nên lạc quan, nhưng chớ lạc quan tếu.

Tìm cơ sở lạc quan bằng phương pháp so sánh những con số thống kê của Liên Hiệp Quốc. Vậy HDI là gì ? Chỉ số này được tính toán từ 1990, chủ yếu dựa trên 3 thành tố trong một quốc gia. Thứ nhất, tuổi thọ trung bình tính từ ngày sinh. Thứ nhì, trình độ học vấn, biểu hiện qua tỉ số mù chữ (với tỉ lệ 1/3) và

Chỉ cần đọc sơ, Việt Nam ta nghèo đi, tuột từ hạng 147 xuống 153. Nhưng chỉ số HDI của Việt Nam tăng, từ 121 lên 101. Dựa trên cơ sở cách tính HDI, kết luận thế nào ? Câu trả lời rõ ràng : người Việt sống dai hơn, có học hơn, nhưng nghèo đi.

Như vậy, có hạnh phúc hơn không ? Câu hỏi này không thể giải đáp ngay. Chẳng hạn ai đó bảo, nghèo một chút, nhưng có tương lai thì sao lại không hơn giàu tí đỉnh, nhưng ngày mai đen tối, như những nước tay sai Đế Quốc, kiểu láng giềng Thái Lan cạnh ta chẳng hạn !

Hay so rộng ra, bạn xem cột 5 và 6, độ tăng trưởng kinh tế của ta tăng từ 6.5 lên 7.1%, và mức đầu tư từ 17.5 lên 22.3% PIB, trong khi đó tất cả những nước khác đều tụt hậu, cách nói rất thời thượng bây giờ.

Vâng, bạn nói thế, ta phải "bói" tương lai xem quẻ gì ? Kinh dịch bao nhiêu quẻ ? Tử Bình, có 64 lá số, bói cho cả nước chứ chẳng như Tử Vi, bói cho từng người.

Tôi mù mờ tướng số, đành lại phải thống kê, với số liệu của Liên Hiệp Quốc :

Cơ cấu kinh tế: so sánh giữa Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc trong 25 năm

	Việt Nam			Thái Lan			Trung Quốc		
Năm	1975	1985	1999-2000	1975	1985	1999-2000	1975	1985	1999-2000
PIB/người (đôla PPP)	...	936	1860	809	2072	6136	273	839	3617
Tỷ lệ phát triển kinh tế (%)	4.5	7.4	4.8	7.3	5.0	4.2	9.4	9.7	7.1
Tỷ lệ đầu tư (% PIB)	...	11.5	20.1	23.0	27.2	20.1	29.1	29.8	36.1
Tỷ lệ lạm phát (%)	5.0	91.6	4.1	5.3	2.4	0.3	1.1	9.3	- 1.4
Phân bố lao động									
Nông Nghiệp (%)	72.3	71.3	71.5	75.3	67.4	51.3	76.3	73.3	47.4
Công Nghiệp (%)	13.6	14.0	12.6	8.1	12.1	17.7	12.1	14.5	20.4
Dịch vụ (%)	14.1	14.7	15.8	16.6	20.5	31.0	11.6	12.2	32.2
Nợ nước ngoài (tỉ đôla)	...	0.1	22.5	1.9	17.5	105.0	5.8	16.7	154.6
Lãi nợ/Xuất khẩu	...	8.9	9.0	12.0	29.3	18.4	4.3	8.6	8.6
Ngoại thương									
Nhập (tỉ đôla)	...	...	3.13	0.63	1.85	13.58	2.02	2.28	26.67
Xuất (%)									
Nông phẩm, thực phẩm	37.3	82	45.7	74.1	52.7	33.7	42.4	16.2	8.6
Dầu,năng lượng	...	...	13.1	9.8	3.1	0.6	16.3	8.4	3.8
Công nghệ	...	...	???	13.2	42.7	73.1	47.5	71.4	85.3
Cán cân ngoại thương (tỉ đô la)	- 1.8	- 5.5	- 0.2	- 5.3	- 4.9	10.0	1.8	0	1.6

Nguồn : *L'Etat du Monde 2000*, Ed La Découverte et Boréal. Số liệu thống kê tính trên cơ sở số của PNUD và ONU.

Bình luận bảng thống kê trên, thời gian 1985 (bắt đầu Đổi Mới) đến 2000 cho phép so sánh nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với Trung Quốc và Thái Lan, ông khổng lồ hấu ăn và anh tí hon đối trự với tấm hơi mát xa. Về PIB/ đầu người : Việt Nam tăng 2 lần, Thái gần 3 lần, Trung Quốc thì 4.3 lần. Độ phát triển, Việt Nam từ 7.4% năm 85 thụt xuống 4.8% năm 1999-2000 trong khi đó Trung Quốc thụt từ 9.7% xuống 7.1%. Đầu tư : Thái tăng từ 23 lên 27.2 % PIB, Trung Quốc từ 29.8 lên 36.1 %, còn Việt Nam, cũng tăng, nhưng từ 11.5 chỉ lên 20.1%. Riêng về lạm phát, số liệu minh chứng Việt Nam ta là hàng đầu, là đỉnh cao, không ai chối cãi được !

Bạn đọc lại báo, đầu tư là vun xới tương lai, ta cũng vun xới đấy chứ. Dầu tương đối ít hơn láng giềng, nhưng đây mới bước đầu, "đất nước ta còn nghèo", chớ nóng vội, mất bình tĩnh, cả đại hết khôn. Vâng, xin nghe, và lại xét đến phần có tính cơ cấu.

Tính cơ cấu là những yếu tố rất quyết định cho tương lai. Trước tiên là phân bố lao động. Ở Việt Nam, từ 1975 đến 2000, lao động ở mức trên dưới 70-73% thuộc khâu nông nghiệp. Trong khi đó, mức này giảm từ 75.3 xuống 51.3 ở Thái, từ 76.3 xuống 47.4 ở Trung Quốc. Về phân bố lao động trong công nghiệp, Việt Nam giảm từ 13.6 xuống 12.6%, trong khi Thái tăng từ 8.1 lên 17.7 và Trung Quốc từ 12.1 lên 20.4 %. Trong khâu dịch vụ (thương nghiệp), Việt Nam loay hoay từ 14 –16%, Thái thì 31% và Trung Quốc 32.3% của toàn lực lượng lao động. Tóm lại, Việt

Nam ta chủ yếu (và dài dài ?) là một nước nông nghiệp. Tụt hậu, cơ cấu sản xuất của Việt Nam bằng cơ cấu sản xuất của Thái Lan cách đây 20 năm về trước. Nhưng bạn nhắc, một nước nông nghiệp vẫn có thể phát triển kinh tế được chứ ? Xin thưa, không ! Muốn phát triển, phải công nghiệp hóa trong thế giới ngày nay (các vị lãnh đạo hiện nay cũng nói thế !).

Cơ cấu sản xuất tất phản ánh rõ rệt trong khâu xuất khẩu ngoại thương. Năm 1999-2000, 45.7% xuất khẩu Việt Nam là nông, thực phẩm trong khi số đó là 42.4 % với Thái và chỉ 8.6% với Trung Quốc. Chết, ông anh khổng lồ thế là không chịu bán hàng rẻ (nông thực phẩm) mà quay sang xuất hàng công nghiệp có nhiều giá trị thặng dư (năm 2000, xuất khẩu hàng công nghệ Trung Quốc chiếm 85.3% tổng số). Dù chỉ ở tầm cỡ tiểu hay trung, ông anh cũng đã công nghiệp hóa được, con đàn em Việt Nam thì... cứ vẫn con trâu đi trước cái cày theo sau. Chắc đàn em ỉ có dầu thô để bán (năm 1999, chiếm 13.2% tổng xuất khẩu) ! Nhưng chỉ ăn thì, ông bà ta dạy, núi Thái Sơn cũng lở. Chẳng nhẽ hút mãi mà vẫn cứ còn dầu à ? Đâu cần lên đến chức trung ương ủy viên, cứ hỏi, đứa trẻ nào uống nước trong một cái ly nó cũng biết.

Cán cân ngoại thương cũng chẳng lấy gì làm hồ hởi. Việt Nam ta thì cứ thiếu hụt, tức là càng ngày càng nợ nước ngoài. Trong khi đó, từ 1985, cán cân đó thặng dư ở Thái, và chưa bao giờ thiếu hụt ở Trung Quốc 25 năm vừa qua. Kết luận : Việt Nam nợ to. Con số cho năm 2000 là 22.5

tỉ, so với PIB thì xấp xỉ 100%. Xưa nay, chỉ nước Bỉ đã từng có khi nợ đến 170% PIB.

Số nợ nước ngoài tính trên đầu người ở Việt Nam nhỏ hơn so với Thái, nhưng gấp 2 lần số tương đương của Trung Quốc. Hiện giờ, để quốc Mỹ nợ thì nợ nhiều nhất, nhưng tỉ số so với PIB chưa "bằng ta". Ta vẫn là một đỉnh cao. Để quốc nợ, nhưng nó có bom hạt nhân, missile Cruise. Còn ta, liệu có vị lãnh đạo nào hí hửng kiểu Phi Lạc của Hồ Hữu Tường sang Mỹ, vênh vang mắc nợ với tầm nhìn chiến thuật là quit nợ, chiến thuật Ba Giai Tú Xuất, vừa bắt lương vật vãn, vừa ... (thôi xin ngừng !). Không, Việt Nam ta có những thế hệ sau để trả nợ ngày hôm nay. Xin cứ yên tâm, các vị tài phiệt mà nay chúng tôi kính cần gọi là ngài, con dân chúng tôi gọi dạ bảo vâng, sai để là để, và sẽ làm cái nhiệm vụ quốc tế là đi "xuất khẩu lao động", thành ô-sin trăm nước anh em, và sớm muộn sẽ dịch vụ "mãi dâm" đóng góp vào nền kinh tế toàn cầu đầy hứa hẹn.

Năm 2002, Ngân hàng Thế Giới thông báo rằng Việt Nam hiện có 25 triệu người thất nghiệp, nghĩa là cỡ 60% lực lượng lao động đang ăn không ngồi rồi. Lỗi ai ? Dân tộc ta bỗng một sớm một chiều hết là một dân tộc cần cù rồi chẳng ?

Một năm nay, tôi cứ trần trở mong tìm ra chút lạc quan từ ngày nghe Chỉ số phát triển con người HDI ở Việt Nam là niềm tự hào của Đảng, của Nhà Nước, Quốc Hội. Và tôi mơ ước điều chỉnh quyền mọi cấp mơ ước, là Trần Độ sai, Phạm Quế Dương sai, Nguyễn Thanh Giang sai, Lê chí Quang sai, Nguyễn Vũ Bình thì là CIA gài, và... vân vân. Tôi tìm lạc quan, nhưng không thấy. Chỉ có câu thơ Trần Dần ngày nào văng vẳng :

*Tôi đã hát những lạc quan không hát
Bây giờ tôi hát lạc quan đen...*

Màu đen ? Màu của mafia, của thổ phỉ, của giặc. Việt Nam ơi, đầu năm, năm đầu với cái chỉ số HDI đó nhỉ ? Và ngày nào chuyên viên đo đạc trong khoa học nhân văn đưa vào chỉ số HDI ấy cả vấn đề tự do tôn giáo, ngôn luận, tư tưởng... thì chẳng biết Việt Nam ta sẽ sắp hạng bao nhiêu trong một thế giới không tiến đồng nghĩa với lùi. Và cứ tụt hậu mãi thì sẽ mọc đuôi, như một qui luật, mà chẳng cứ "đấu tranh giai cấp" làm gì cho mất sức.

Việt Nam ơi ! Những con số cho một đầu năm, nói ra lại đau lòng, đau là lòng Việt Kiều, thứ con hoang của mẹ Tổ Quốc ! Mong thay những vị lãnh đạo đất nước đừng hy sinh tiền đồ dân tộc, mà hy sinh quyền lực cơ quắp của mình cho tiền đồ của dân tộc. Cóc chết để da, người ta chết để tiếng.

Nguyễn Mạnh Hùng (Montréal, Canada)

Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó, đất nước ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ và bao dung, kỷ nguyên của những cố gắng chung và của thành công chung.
(Thành Công Thế Kỷ 21, Tóm lược, trang 142).

Xin đừng quên !

Nửa thế kỷ trước...

LTS : Chúng tôi vừa nhận một tài liệu rất công phu của ông Nguyễn Minh Cần về cuộc cải cách ruộng đất thập niên 1950. Chúng tôi rất tiếc khuôn khổ hạn hẹp của tờ báo đã không cho phép đăng hết tài liệu này. Độc giả có thể đọc toàn văn trên Web của Thông Luận (www.thongluan.org). Đây chỉ là một vài đoạn trích đăng chứ không phải bài tóm lược. Xin cáo lỗi cùng độc giả và tác giả.

Có thể bạn đọc sẽ trách tôi : trong dịp đầu năm mà nhắc đến chuyện quá buồn. Xin các bạn lượng thứ cho ! Nhưng chuyện này không thể không nói đến ! Nó cũng khủng khiếp không kém gì chuyện Tết Mậu Thân (1968). Vậy mà chuyện Tết Mậu Thân chúng ta vẫn phải đành lòng nhắc đến trong dịp Tết cơ mà ! [...] Chuyện tôi muốn nói đến hôm nay là cuộc cải cách ruộng đất đầy kinh hoàng ở miền Bắc Việt Nam, thảm họa khủng khiếp chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc.

[...] Xuất phát từ đâu mà trận bão táp ghê rợn đó đã tràn đến cái xứ sở đau thương này ? Số là trong chuyến đi bí mật của ông Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc (hồi cuối năm 1950) đến Moskva (đầu năm 1951), ông đã gặp Stalin và Mao Trạch Đông (lúc đó đang có mặt tại Moskva). Hai ông này đã nhận xét là Đảng Việt Nam coi nhẹ nhiệm vụ phản phong (ý nói hữu khuynh), và chỉ thị phải tiến hành cách mạng phản phong để "bồi dưỡng động lực cách mạng là nông dân lao động", nói cụ thể là phải làm cải cách ruộng đất ở các vùng gọi là "giải phóng". Sau khi về nước, ông Hồ đã cùng Thường vụ trung ương (Bộ chính trị sau này) đảng cộng sản trong hai năm trời bí mật và tích cực chuẩn bị tiến hành cải cách ruộng đất. Chuẩn bị cả về mặt tư tưởng, cả về mặt chính sách, đường lối, lẫn về mặt tổ chức. Theo sự phân công của Stalin, Trung Quốc sẽ giúp đỡ cho Việt Nam, nên ông Hồ đã mời các đoàn cố vấn Trung Quốc đến miền Bắc Việt Nam – tổng cố vấn là La Quý Ba đồng thời là đại sứ Bắc Kinh tại nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Vì Quốc Thanh đứng đầu đoàn cố vấn quân sự, còn đứng đầu đoàn cố vấn cải cách ruộng đất là Kiều Hiểu Quang, vốn là phó bí thư tỉnh ủy Quảng Tây. Đó là chưa kể đủ loại cố vấn khác, như cố vấn chỉnh huấn, cố vấn công an, cố vấn tổ chức, cố vấn tuyên truyền... Để chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quân đội, năm 1952, Bộ chính trị trung ương Đảng thực hiện "cuộc chỉnh huấn" trong Đảng và "cuộc chỉnh quân" trong quân đội, theo đúng mẫu mã "cuộc chỉnh phong" của Đảng Cộng Sản Trung Quốc, chỉ có cái tên hơi khác một chút mà thôi. Chuẩn bị về mặt tổ chức, Bộ chính trị trung ương đã thành lập Ủy ban Cải cách Ruộng đất trung ương, gồm có Trường Chinh, tổng bí thư Đảng Lao Động Việt Nam làm chủ nhiệm, hai phó chủ nhiệm là Hoàng Quốc Việt, ủy viên Bộ chính trị và Lê Văn Lương, ủy viên Bộ chính trị, còn ủy viên thường trực là Hồ Viết Thắng, ủy viên trung

ương Đảng. [...]

Trong năm 1952, Bộ chính trị trung ương Đảng Lao Động Việt Nam, tức là đảng cộng sản khoác tên mới từ năm 1951, cho làm thí điểm cải cách ruộng đất ở sáu xã thuộc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên. Trong lần thí điểm này có một sự kiện "động trời" : tòa án cải cách ruộng đất xử tử hình bà Nguyễn Thị Năm, tức là Cát Thành Long, người mà thời trước cách mạng đã từng che giấu, nuôi ăn, giúp đỡ các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Lê Thanh Nghị, Lê Giản... Còn trong Tuần Lễ Vàng, gia đình bà đã hiến 100 lạng vàng cho chính quyền mới. Bà đã hoạt động trong Hội phụ nữ, lại có con trai đi bộ đội làm trung đoàn trưởng. Thế mà bà đã bị quy là địa chủ cường hào ác bá, bị đoàn cải cách ruộng đất xử án tử hình, Ủy ban Cải cách Ruộng đất trung ương duyệt y và Bộ chính trị trung ương Đảng Lao Động Việt Nam cũng chuẩn y ! Những người lãnh đạo cộng sản trong Bộ chính trị và đứng đầu chính phủ đã từng được bà che giấu, nuôi ăn, tặng vàng, nay đang làm chủ tịch nước, tổng bí thư, ủy viên Bộ chính trị, thủ tướng, phó thủ tướng đã lạnh lùng chuẩn y một cái án tử hình như vậy ! Phát súng đầu tiên của cải cách ruộng đất nổ vào đầu một người phụ nữ yêu nước đã từng giúp đỡ cho những người cộng sản ! Phát súng đó tự nó đã nói lên nhiều điều về các lãnh tụ cộng sản ! Nó báo hiệu trước những tai họa khôn lường cho toàn dân tộc !

[...] Dựa trên tài liệu chính thức của đảng cộng sản, tôi xin ghi lại những cái mốc lịch sử đau thương của dân tộc ta trong cuộc cải cách ruộng đất đầy máu và nước mắt này:

- Cuối tháng 01-1953 : hội nghị lần thứ tư của trung ương Đảng Lao Động Việt Nam để thông qua bản Dự thảo cương lĩnh Đảng về chính sách ruộng đất. Tại hội nghị, ông Hồ đọc báo cáo đề ra nhiệm vụ triệt để giảm tô, tiến tới cải cách ruộng đất.

- Đầu tháng 03-1953 : Hội đồng Chính phủ họp thảo luận báo cáo của phó thủ tướng Phạm Văn Đồng về mục đích, phương châm, kế hoạch phát động quần chúng. Hội đồng Chính phủ đã thông qua các văn bản về chính sách ruộng đất và phát động quần chúng, tức là đã "luật pháp hóa" nghị quyết của trung ương Đảng.

- 01/05-03-1953 : báo *Nhân Dân* đăng tải bài "Chỉnh đốn chi bộ" của ủy viên Bộ chính trị Đảng Lao Động Việt Nam, trưởng ban tổ chức trung ương Lê Văn Lương, người trực tiếp phụ trách cuộc Chỉnh đốn tổ chức trong cải cách ruộng đất, và ngày 16-03-1953 - Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra thông tư về việc chỉnh đốn chính quyền cấp xã qua việc phát động quần chúng. Đây là những hướng dẫn cho việc gắn liền cuộc Chỉnh đốn tổ chức với cải cách ruộng đất, với tinh thần "không dựa vào [thực tế là đánh vào - người viết] tổ chức cũ mà lập nên tổ chức mới" ở nông thôn !

- 12-04-1953 : Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra ba sắc lệnh : 1. sắc lệnh quy định chính sách ruộng đất, trong đó có việc tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất chia cho nông dân ; 2. sắc lệnh quy định việc thành lập Tòa án nhân dân ở những nơi phát động quần chúng ; 3. sắc

lệnh quy định việc trừng trị những địa chủ ở những nơi phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất.

- 01-06-1953 : báo *Nhân Dân* đăng bài về Chương trình cải cách ruộng đất.

- Tháng 06-1953 : Đảng Lao Động Việt Nam tổ chức cái gọi là "đợt chỉnh huấn chính trị" để nâng cao lập trường giai cấp cho cán bộ đảng viên trong cuộc đấu tranh cải cách ruộng đất.

- 14-11-1953 : hội nghị lần thứ năm trung ương và Hội nghị toàn quốc của Đảng Lao Động Việt Nam để quyết định tiến hành cải cách ruộng đất. Ông Hồ đã phát biểu ý kiến tại hội nghị nhấn mạnh phải "phóng tay phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất".

- 01/04-12-1953 : kỳ họp thứ ba của Quốc hội khóa 1, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc báo cáo "Tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất" và ngày 04-12-1953 : Quốc hội nhất trí thông qua Luật cải cách ruộng đất. Sau đó, chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh ban hành Luật cải cách ruộng đất do quốc hội thông qua. Từ đó, bắt đầu các đợt cải cách ruộng đất, mà đợt đầu tiên hành ở 47 xã tỉnh Thái Nguyên và 6 xã tỉnh Thanh Hóa, sau đó lan tràn trên khắp miền Bắc, trừ các vùng miền núi. Đợt năm là đợt cuối cùng, phần lớn diễn ra ở các xã đồng bằng Bắc bộ và các vùng bị Pháp chiếm trước đây. May mắn cho đồng bào miền núi, vì Đảng Lao Động Việt Nam chủ trương sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất ở vùng đồng bằng mới làm ở miền núi. Do sự phẫn nộ của quần chúng đã bùng lên dữ dội, nhiều cuộc nổi dậy của nông dân đã nổ ra ở Quỳnh Lưu, Phát Diệm, nên về sau, trung ương Đảng Lao Động Việt Nam chỉ tiến hành cái gọi là "cải cách dân chủ" ở miền núi, nghĩa là dẹp bỏ phong kiến địa phương (tức là các phe phái) mà không dùng bạo lực quá mạnh vì sợ dân chúng chạy sang Trung Quốc, Lào... Huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, nắm sát giới tuyến tiếp giáp Việt Nam Cộng Hòa, cũng được chiếu cố nhưng chỉ dùng bạo lực vừa phải "để không gây ảnh hưởng xấu đến miền Nam".

- Tháng 09-1956 : hội nghị lần thứ 10 của trung ương Đảng Lao Động Việt Nam kiểm điểm tình hình cải cách ruộng đất. Do ảnh hưởng của đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng Sản Liên Xô vạch trần những tội ác của Stalin, do sự bất mãn trong dân chúng, cộng thêm sự phản ứng khá mạnh của cán bộ, trung ương Đảng buộc phải thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng trong cải cách ruộng đất và chủ trương sửa sai. Tại hội nghị, trung ương đã thi hành kỷ luật như sau : Trường Chinh mất chức tổng bí thư, chỉ còn làm ủy viên Bộ chính trị, còn Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương mất chức ủy viên Bộ chính trị, Hồ Viết Thắng bị đưa ra khỏi trung ương Đảng Lao Động Việt Nam. Ông Hồ Chí Minh kiêm nhiệm tổng bí thư, còn Lê Duẩn làm bí thư trung ương, thường trực Bộ chính trị.

- 29-10-1956 : mít tinh lớn tại Nhà Hát Nhân Dân Hà Nội, ủy viên Bộ chính trị đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt chủ tịch Hồ Chí Minh và trung ương Đảng Lao Động Việt Nam chính thức công nhận những sai lầm nghiêm trọng trong cải cách ruộng đất. Nhân đây, xin nói rõ : một vài người viết không đúng là cuộc mít tinh tổ chức tại sân

vận động Hàng Đẩy và ông Hồ đã đến dự và khóc trước dân chúng. Tôi được giao cho việc tổ chức mít tinh nên biết rõ. Hồi đó, chúng tôi được giải thích : "Bác đến không tiện", nhưng chúng tôi đều hiểu là ông Hồ muốn đưa ông Giáp ra "chịu trận" thay mình, nên không hề có việc ông Hồ khóc trước dân chúng.

[...] Cho đến nay, không ai biết số người bị quy oan, bị tù oan và bị giết oan là bao nhiêu vì đảng cộng sản giấu tịt. Những con số mà nhiều người đưa ra chỉ là ước đoán. Hồi cuối năm 1956, khi tôi được Thành ủy Hà Nội giao cho trách nhiệm sửa sai cải cách ruộng đất ở ngoại thành Hà Nội. Vì tính chất quan trọng của việc đó ở thủ đô, nên ông Võ Nguyên Giáp được Bộ chính trị phân công giúp đỡ việc sửa sai ở Hà Nội. Vì thế, thỉnh thoảng tôi đến nhà ông Giáp làm việc. Đôi khi chúng tôi cũng nói chuyện với nhau về những vấn đề chung. Một hôm tôi hỏi thẳng ông : trong cải cách ruộng đất có bao nhiêu người bị oan. Ông Giáp nói hai vạn. Lúc đó tôi không dám hỏi thêm cụ thể hơn - thế thì bao nhiêu người bị chết oan, vì tôi biết là mình đã đụng đến vấn đề cấm kỵ nhất của Đảng. Cho đến nay, tôi không biết con số mà ông Giáp nói với tôi có thật hay không, nhưng hôm đó ông trả lời tôi tức thì, không nghĩ ngợi gì, nên tôi cũng có phần tin. Còn số người bị hành quyết trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức thì tôi ước đoán là chừng năm-sáu nghìn người. Đó là chưa kể nhiều người bị chết vì các lý do khác, như tự tử trước khi xét xử, chết khi bị tra của hay bị giam cầm ở xã, chết trong tù, người nhà địa chủ chết đói do bị bao vây, v.v... Tại cuộc mít tinh tối 29-10-1956, ông Võ Nguyên Giáp chỉ cho biết con số 12 nghìn cán bộ và đảng viên đã được trả tự do mà thôi ! Con số đó đúng hay không, ai mà biết được ! Tóm lại, những con số về người bị thiệt mạng trong cải cách ruộng đất vẫn chưa xác định được. Dù thế chẳng nữa, với những con số ước tính đã cho thấy đây là một tội ác tày trời. Tội ác này chính là tội ác chống nhân loại !

[...] Khi hội nghị lần thứ 10 của trung ương Đảng Lao Động Việt Nam hồi tháng 09-1956, trung ương buộc phải thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng trong cải cách ruộng đất, người ta cũng đổ lỗi một phần cho cấp dưới đã thi hành sai, chứ trung ương Đảng không nghiêm khắc tự phê phán mình, họ vẫn coi "đường lối của trung ương về cơ bản là đúng", chỉ có "việc tổ chức thực hiện không đúng" mà thôi. Họ vẫn khư khư khẳng định : cải cách ruộng đất dù có sai lầm "nhưng về cơ bản vẫn giành được thắng lợi lớn". Điều đó nói lên sự giả dối, ngụy biện, sự không thực lòng hối hận của họ. Thế thì làm sao mà Đảng sửa sai được ? Còn cái gọi là thi hành kỷ luật với các ông lãnh đạo cải cách ruộng đất cũng chỉ là trò hề "giơ cao đánh khẽ" để lừa dối dư luận mà thôi. Trường Chinh mất ghế tổng bí thư, nhưng lại vẫn là ủy viên Bộ chính trị, chuyển sang ngôi ghế chủ tịch quốc hội, lại phụ trách công tác tư tưởng, rồi chính ông ta đã cùng Tố Hữu bày ra vụ Nhân Văn - Giai Phẩm đàn áp quyết liệt anh chị em trí thức ưu tú, khao khát tự do, làm bao văn nghệ sĩ tài ba bị tù đầy, bị đàn áp, bị treo bút trong hàng mấy chục năm trời, đánh một đòn nặng nề vào nền văn học miền Bắc, làm nó bị thu hẹp trong

nhiều thập niên. Hoàng Quốc Việt (một người nổi tiếng "ác liệt nhất" chẳng những trong cải cách ruộng đất mà trong nhiều vụ trước nữa, chẳng hạn, vụ H122 xảy ra trong kháng chiến chống Pháp, ông phụ trách xét vụ này, đã bắt giam nhiều cán bộ, phần đông là cán bộ quân đội, và làm chết oan nhiều người), bị đưa ra khỏi Bộ chính trị thì lại trao chức vụ viện trưởng Viện Kiểm Sát Tối Cao là chức vụ nắm quyền sinh quyền sát con người, Lê Văn Lương chịu trách nhiệm về chỉnh đốn tổ chức đã làm cho nhiều cán bộ đảng viên ở xã bị bắn giết, bị tù đầy, phải ra khỏi Bộ chính trị thì sau này lại được đưa về làm bí thư Thành ủy Hà Nội, còn Hồ Viết Thắng bị đưa ra khỏi trung ương Đảng thì lại cho làm ủy viên thường trực Ủy ban kế hoạch nhà nước ! Trái lại, người ngoài Đảng mà dám thẳng thắn phát biểu ý kiến với đảng cộng sản, cho dù nhẹ nhàng chẳng nữa, như trường hợp luật sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài tham luận tại hội nghị Mặt Trận Tổ Quốc phê phán cuộc cải cách ruộng đất và đưa ra những đề nghị hợp lý thì Đảng tru dập ông, dồn ông vào cảnh khốn cùng cho đến chết ! Và thử hỏi có bao giờ trung ương Đảng thành thực sám hối về những sai lầm, những tội ác của mình hay không ?

[...] Không những cải cách ruộng đất đánh một đòn rất mạnh vào nền đạo lý và truyền thống nhân bản, mà nền văn hóa dân tộc cũng vì nó mà bị tổn hại rất nặng nề. Nhiều miếu đền uy nghiêm bề thế, nhiều bia đá là những di tích văn hóa lâu đời của dân tộc đã bị hủy hoại trong cải cách ruộng đất. Đảng cộng sản giấu kín những chuyện này, nhưng cũng có thể nêu ra vài trường hợp. Mong rằng các bạn xa gần, trong và ngoài nước sưu tầm và bổ sung thêm. Chẳng hạn, cụ Nguyễn Mai (1876-1954) là hậu duệ đời thứ 14 của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, gọi thi hào Nguyễn Du (1765-1820) đời thứ 11 là bác. Đầu năm 1954, lúc 78 tuổi cụ bị đội và đoàn cải cách ruộng đất quy là địa chủ (vì có vài mẫu cho phát canh để sống) lại bị "kích" lên thành phần phong kiến cường hào (vì cụ từng đỗ cử nhân khoa Canh Tý (1900) lúc 24 tuổi, lại đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904) lúc 28 tuổi), mà thật ra cụ không hề nhận chức tước, phẩm hàm gì, chỉ cam phận sống thanh nhân ẩn dật. Cụ bị đấu ba đêm liền, bị kết án 15 năm tù khổ sai, bị giam ở trại Đàng, tỉnh Hà Tĩnh, là nơi nước rất độc, nên ngay mùa thu năm ấy, cụ bị phù thũng chết trong trại tù, vùi xác ở ven rừng. Cụ Nghè Nguyễn Mai từ trần trong uất hận là nỗi đau lớn, nhưng nỗi đau còn lớn hơn nữa cho dân tộc là do cụ bị quy oan như vậy, mà đội cải cách ruộng đất đã phá hủy nhiều đền đài, bia, miếu thờ của các danh nhân họ Nguyễn Tiên Điền và nghiêm trọng hơn nữa đã đốt cháy ngôi nhà năm gian chứa đầy thư tịch quý giá của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, trong đó có di cảo của thi hào Nguyễn Du. Một sự mất mát lớn lao về văn hóa không có gì bù lại được ! (Xem *"Bể Dâu Trong Dòng Họ Nguyễn Du"* của Đặng Cao Ruyện, nxb Miền Đông Hoa Kỳ, 2002, tr. 200, 201).

[...] Tuy là chuyện cải cách ruộng đất đã qua từ lâu rồi, nhưng ngày nay, vẫn cần phải nói đến, vì tập đoàn lãnh đạo đảng cộng sản đang cố viết lại lịch sử, đang cho bọn bồi bút xuyên tạc lịch sử để chạy tội cho ông Hồ Chí Minh và cho Đảng Cộng Sản Việt Nam trong cải cách ruộng đất

và cả trong nhiều việc khác nữa.

Cần phải nói công bằng là trước năm 1950, ông Hồ và đảng cộng sản Việt Nam không nói đến cải cách ruộng đất, chỉ nói đến giảm tô, mà cũng chỉ trên giấy tờ và rất coi nhẹ việc thực hiện. Chỉ từ năm 1952, vấn đề giảm tô và cải cách ruộng đất mới đặt ra một cách gắt gao. Như vậy có thể nói là việc cải cách ruộng đất là do sức ép của Stalin và Mao Trạch Đông. Nhưng khi ông Hồ đã nhận làm cải cách ruộng đất là ông và đảng cộng sản Việt Nam đã làm một cách tin tưởng và tích cực. Cũng có thể do yếu tố tâm lý của một người trước đây đã từng bị Stalin và Quốc tế cộng sản coi là hữu khuynh, thậm chí bị nghi ngờ, không giao việc trong thời hạn dài, nay lại bị nhận xét là coi nhẹ nhiệm vụ phản phong, thì ông càng phải cố tỏ rõ tinh thần khẩn cấp, kiên quyết của mình. Quả là hồi đó, ông Hồ và đảng cộng sản Việt Nam cũng thật tin tưởng vào Stalin và Mao Trạch Đông. Chẳng thế mà ông đã công khai nói trước hội nghị cán bộ (1950) tại chiến khu Việt Bắc để chuẩn bị cho đại hội 2 của đảng cộng sản sẽ họp năm sau là : "Các cô các chú nên biết rằng : ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được". Chính tôi có mặt trong cuộc hội nghị đó, tôi nghe rõ, nhiều người khác cũng nghe rõ như thế, có điều bây giờ họ không muốn hay không dám nhắc lại mà thôi. Đến đại hội 2 của Đảng (tháng 03-1951), ông Hồ lại cũng nói đúng như thế, và cụ Nguyễn Văn Trăn cũng đã kể lại chuyện đó trong sách của cụ *"Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội"*. Cho nên ông Hồ làm cải cách ruộng đất rõ ràng với sự tin tưởng và tích cực. Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà cụ Vũ Đình Huỳnh, người gần gũi ông nhất thời gian đó sau này đã "khẳng định người chịu trách nhiệm chính trong sự gây ra những sai lầm trong cải cách ruộng đất là ông Hồ Chí Minh, chứ không phải ông Trường Chinh, như đã có sự ngộ nhận kéo dài nhiều năm. Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ" (xem *"Đêm Giữa Ban Ngày"*) của nhà văn Vũ Thư Hiên). Theo tôi, đúng là ông Hồ phải chịu trách nhiệm chính, như cụ Vũ đã nói, nhưng Trường Chinh chẳng phải là "con dê tế thần" với cái nghĩa "oan dương" đâu, vì ông ta vừa là tổng bí thư, vừa là chủ nhiệm ủy ban cải cách ruộng đất trung ương, ông ta là người điều hành mọi việc cải cách ruộng đất hồi đó, cho nên, nếu Trường Chinh không phải là thủ phạm số một thì cũng phải là thủ phạm số hai. Cái ý của cụ Vũ, theo tôi hiểu, là trung ương Đảng trong hội nghị lần thứ 10 (09-1956) đã không dă động gì đến Hồ Chí Minh, đã không dám nói đến trách nhiệm của ông Hồ (vì thi hành kỷ luật chủ tịch Đảng, chủ tịch nước thì... ôi thôi, đảng cộng sản còn gì nữa !) mà chỉ đưa Trường Chinh và các ông khác ra "chịu trận" mà thôi.

Sau này, trong giới thân cận với giai cấp cầm quyền, có những người hay tung ra những câu chuyện về Hồ Chí Minh không tán thành chủ trương cải cách ruộng đất, không tán thành việc xử tử bà Nguyễn Thị Năm, không tán thành làm chính đồn tổ chức trong cải cách ruộng đất, v.v... Nhưng, xét cho cùng, loại chuyện đó chỉ là những huyền thoại không hơn không kém. Những huyền thoại ấy nhằm

đánh lừa những người không biết tình hình thực tế hồi thập niên 50 ở miền Bắc và những thế hệ trẻ hậu sinh, nhằm chạy tội cho ông Hồ để vớt vát cái gọi là "tư tưởng Hồ Chí Minh" làm phao cứu mạng cho tập đoàn thống trị cộng sản. Hoàng Tùng, nguyên tổng biên tập báo *Nhân Dân*, nguyên bí thư trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, nhiều năm làm tuyên huấn, v.v... là một trong số những "chuyên gia" sáng tác huyền thoại kiểu đó. Trong hồi ký *"Những Kỷ Niệm Về Bác Hồ"*, ông ta có kể lại về thái độ của ông Hồ đối với án tử hình bà Nguyễn Thị Năm như sau : "Hợp Bộ chính trị Bác nói : "Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà, mà người ấy cũng giúp đỡ cho cách mạng. Người Pháp nói không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa". Sau cố vấn Trung Quốc La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói : "Thôi tôi theo đa số, chứ tôi vẫn cứ cho là không phải". Và họ cứ thế làm" (xem đoạn trích, đăng trên tờ *"Diễn Đàn Forum"* ở Paris, số 123/11-2002, tr.15). Khi kể chuyện này, Hoàng Tùng đã cố lờ đi mấy điều thực tế lịch sử rất quan trọng : 1. vào thời điểm nửa đầu thập niên 50, uy thế của ông Hồ trong Đảng là tuyệt đối, một lời của ông đã nói ra thì không một ai, kể cả các ông trong Bộ chính trị, dám làm trái ý ông hết ; 2. tất cả các ông trong Bộ chính trị trung ương, không trừ một ai hết, đều răm rắp giữ đúng tư cách một người học trò khiêm tốn, không bao giờ được phép quyết định những chủ trương lớn mà không có ý kiến ông, huống hồ là việc làm trái ý ông. Hồi 1952-1953 thì không thể nào có chuyện "Thôi tôi theo đa số" và "Và họ cứ thế làm" được ! Nếu thật sự ý thức được là "không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa", mà ông Hồ chỉ lắc đầu một cái thôi, chứ không cần phải nói nhiều lời như Hoàng Tùng kể, thì chắc chắn là ông đã cứu được bà Nguyễn Thị Năm ! Mà không chỉ một mình bà Năm ! Thêm nữa, cái chữ "họ" trong câu của Hoàng Tùng "Và họ cứ thế làm" rất mập mờ : "họ" là ai? Các ông trong Bộ chính trị hay các cố vấn ? Các ông trong Bộ chính trị thì chắc chắn là không. Còn các ông cố vấn có thể họ trái ý với ông chủ tịch nước, chủ tịch Đảng của Việt Nam, nhưng họ không thể bắt ép ông được, họ chỉ là cố vấn, chứ không có quyền biểu quyết, quyết định. Những cơ quan nào đã từng làm việc với cố vấn Trung Quốc hồi đó đều biết cái nguyên tắc đó. Cho nên có thể khẳng định rằng : trong vụ án Nguyễn Thị Năm, đúng là ông Hồ đã không cứu bà Năm. Cũng như sau này, trong vụ án Xét lại – chống Đảng, ông đã không cứu ông Vũ Đình Huỳnh. Dù rằng ông biết rõ về họ.

Hơn nữa, một câu hỏi hoàn toàn chính đáng được đặt ra : trong suốt ba-bốn năm đằng đẳng lẽ nào ông Hồ và Bộ chính trị không hề hay biết gì hết đến những thảm họa của người dân ở nông thôn mà họ cai trị hay sao ? Lẽ nào ông Hồ, Trường Chinh và các ông khác trong Bộ chính trị không biết rằng ở quê hương mình những người đồng hương của họ đang khốn khổ ra sao ? Lẽ nào trong giới thân cận của ông Hồ và các ủy viên Bộ chính trị không có một ai dám phản ánh tình trạng bi đát của người dân cho họ biết hay sao ? Câu trả lời dứt khoát là : các ông ấy đều có biết,

nhưng các ông đều im lặng ! Im lặng đến nỗi ông Vũ Đình Huỳnh một lần đang ốm cũng cố chống gậy lên Chủ tịch phủ gặp ông Hồ và nói toạc vào mặt ông : "Máu đồng bào, đồng chí đã đổ mà Bác ngồi yên được à ? Chúng ta tuy không có học, chúng ta dốt, chúng ta phải vừa làm vừa xây dựng chính quyền, vì dốt nát chúng ta mắc mọi sai lầm, nhưng chúng ta không có quyền để tay chúng ta nhuộm máu đồng bào, đồng chí !" ("*Đêm Giữa Ban Ngày*"). Hoàng Tùng cũng đã lờ tịt cái thực tế lịch sử phũ phàng này : Trong suốt thời gian cải cách ruộng đất, ông Hồ, với tư cách là chủ tịch nước, chưa hề ký một lệnh ân xá nào cho một ai bị án tử hình. Chỉ từ sau Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng Sản Liên Xô và nhất là sau hội nghị cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng (từ 28-04 đến 03-05-1956), do phản ứng rất mạnh của cán bộ thì mới có lệnh tạm thời chưa thi hành các án tử hình. Nhưng, than ôi, lúc đó thì... cải cách ruộng đất về cơ bản đã gần xong rồi ! Lúc đó các đoàn và ủy ban cải cách ruộng đất trung ương đang bắt tay làm báo cáo tổng kết để chuẩn bị cho hội nghị trung ương Đảng kiểm điểm cải cách ruộng đất (tháng 09-1956).

Ngay cả việc chỉnh đốn tổ chức trong cải cách ruộng đất, Hoàng Tùng cũng cố tình đổ lỗi cho cố vấn Trung Quốc là chính, chứ không phải lỗi của ông Hồ và Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ông Tùng viết : "Thuyết của họ là không dựa vào tổ chức cũ mà tổ chức lại một số tổ chức của Đảng, họ phủ nhận hết các tổ chức khác, như chính quyền, các đoàn thể. Ai lãnh đạo cách mạng thắng tám thành công, ai lãnh đạo cuộc kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1953. Thế mà họ thẳng tay bỏ hết, trong đó có mấy ngàn người bị xử tử. Mục đích của họ không phải là cải cách ruộng đất mà là đánh vào Đảng ta. May mà đến năm 1956 ta kịp dừng lại (bao nhiêu đầu rơi, máu đổ và cải cách ruộng đất cũng đã gần xong, thế mà bảo là "kip" ! - người viết), nếu không thì tan nát hết". Một đoạn khác : "Đánh thuế công thương nghiệp, cải tạo tư sản cũng là do Trung Quốc đề ra. Hậu quả là hơn một triệu người di cư vào Nam. Ta đổ tội cho Pháp, Mỹ, điều đó chỉ đúng phần nào, còn là do ta vội, làm ẩu, đánh tràn hết. Không phải địa chủ mà phú nông, thậm chí trung nông cũng đánh. Đảng viên tốt cũng bị đánh. Kết quả của những chính sách, cải cách lúc đó là như thế" (xem từ "*Diễn Đàn Forum*" nói trên). Đúng là các cố vấn Trung Quốc chỉ biết có kinh nghiệm cải cách ruộng đất ở Hoa Nam, khi Hồng quân tiến xuống phía Nam, hầu như không có cơ sở tổ chức của đảng cộng sản, nên có nhiều người không phải cộng sản cũng đã đứng ra lập tổ chức, lập chính quyền, vì thế khi làm cải cách ruộng đất thì Đảng Cộng Sản Trung Quốc cố tình nhân cơ hội ấy quét sạch các tổ chức đó đi lập những tổ chức mới của họ. Còn ở miền Bắc Việt Nam, tình hình hoàn toàn khác hẳn. Không thể làm rập khuôn theo kinh nghiệm Hoa Nam được. Tôi cũng chẳng thích gì các cố vấn Trung Quốc, nhưng tôi nghĩ rằng cần phải xét vấn đề khách quan theo đúng sự thật lịch sử, chứ không thể đổ lỗi, đổ tội tùm lum cho họ tất cả được. Ông Hồ và Bộ chính trị trung ương Đảng Lao Động Việt Nam sống và làm việc ở Việt Nam, có phải là trẻ con đâu mà bảo các ông cố vấn Trung Quốc xúi gi

là làm nấy ? Chẳng qua chỉ vì khi đã say men "lập trường giai cấp đấu tranh", say men Marxisme-Leninisme, Stalinisme, Maoisme... trong cuộc lên đồng tập thể, thì chính các ông lãnh tụ cộng sản Việt Nam cũng "hăng hái" không kém gì người ta. Tôi còn nhớ, có lần đọc bài nói chuyện của ông Hồ với cán bộ cải cách ruộng đất đảng trên tờ nội san "Cải cách Ruộng đất" (tạp chí lưu hành trong nội bộ), trong đó ông giải thích rất mộc mạc chủ trương không được dựa vào tổ chức cũ như sau : "Tổ chức cũ là "tổ kén", các cô, các chú không được dựa vào...". Lại cũng cái lối dùng hình ảnh như việc uốn tre đã nói trên ! Năm 1962, khi nói chuyện về *Tuyển tập Hồ Chí Minh* với anh Nguyễn Kiến Giang, lúc đó là phó giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật, anh kể rằng : "Làm tuyển tập đó chúng tôi mệt lắm, phải rà soát lại cả, bao nhiêu bài nói của ông cụ trong cải cách ruộng đất phải loại bỏ hay thu gọn lại". Tôi hỏi anh có nhớ bài ông cụ nói "Tổ chức cũ là "tổ kén" không ? Anh trả lời: "Có chứ ! Bài đó phải loại bỏ. Cán bộ đảng viên nông thôn người ta đang oán giận đùng đùng, đưa vào tuyển tập thế nào được !". Nếu ông Hồ không tán thành chủ trương của các cố vấn đối với tổ chức cũ ở nông thôn thì có ai bắt ông phải nói thế đâu ?

Tôi kể lại những chuyện đó chỉ để đi đến kết luận này: Đảng Cộng Sản Việt Nam chớ nên đổ lỗi, đổ tội cho ai cả, mà cần thấy hết cái trách nhiệm lớn lao của mình trong cải cách ruộng đất. Chừng nào Đảng Cộng Sản Việt Nam chưa sám hối được về những tội ác đã gây ra, thì người dân chớ có hy vọng là Đảng sẽ sửa đổi, sẽ đổi mới và sẽ không tái diễn lại những tội ác trước đây.

Cũng xin mọi người đừng quên : cải cách ruộng đất không phải là thảm họa đầu tiên, cũng chẳng phải là thảm họa cuối cùng mà tập đoàn thống trị cộng sản Việt Nam đã gây ra cho dân tộc ta ! Tôi không kể những thảm họa trước cải cách ruộng đất, mà chỉ nói ngay liền sau cải cách ruộng đất là vụ án Nhân Văn - Giai Phẩm, vụ án Xét lại - chống Đảng, rồi cải tạo công thương nghiệp, đánh đổ tư sản ở miền Bắc, rồi cái nghị quyết số 49/NQ/TVQH của Thường vụ Quốc hội do Trường Chinh ký ngày 20-06-1961, nhốt hàng chục vạn người vô tội ở miền Bắc vào các trại tập trung khủng khiếp, rồi Tết Mậu Thân, v.v... và v.v... Nếu kể hết thì ta thấy cả một chuỗi dài tội ác khủng khiếp đã qua và đang tiếp tục mãi cho đến tận ngày nay. Cố nhiên, ngày nay người ta dùng thủ đoạn tinh vi hơn, nhưng bản chất tội ác vẫn thế.

Tội ác mới gần đây nhất là vụ án Lê Chí Quang, xử một nhà yêu nước chân thành, một chí sĩ đáng kính dù chỉ mới ngoài ba mươi tuổi ! Cái "tội" của anh là đã dũng cảm dấn thân vì nước, đã dám kêu gọi dám cầm quyền hiện nay hãy cảnh giác kẻ mang tội bán nước cho Bắc triều, đã dám đứng chân vào "Hội Nhân Dân Chống Tham Nhũng" những mong trừ được quốc nạn cho dân tộc. Tập đoàn thống trị cộng sản Việt Nam đã trắng trợn bày trò xử án để tống người thanh niên yêu nước vào tù, người thanh niên đã từng tuyên bố đánh thép chí hướng của anh trong bài tiểu luận nổi tiếng "Hãy Cảnh Giác Với Bắc Triều" : "Tôi viết bài này khi đang bị kìm kẹp trong vòng nghiệt

ngã của các lực lượng bảo thủ và tay sai cho Bắc Triều. Biết rằng, bài viết này không làm cho hào quang lấp lánh trên đầu tôi mà trái lại, càng đẩy tôi sâu thêm vào vòng nguy hiểm. Ngay như đối với một công thần của cách mạng, mà họ còn ngang nhiên tuyên bố xanh rờn : "...Sẵn sàng hy sinh Hoàng Minh Chính để bảo vệ chế độ". Hướng chỉ tôi chỉ là *con tốt đen dễ dàng bị biến thành vật tế thần cho bàn thờ Bắc Triều*. Dẫu sao trước hiểm họa khôn lường của tồn vong đất nước, tôi đâu dám nề hà xả thân, bởi tôi tâm niệm câu nói của Hàn Phi Tử : "**Nước mất, mà không biết là bất tri. Biết mà không lo liệu, là bất trung. Lo liệu, mà không liều chết là bất dũng**". Chỉ mong sao tác lòng nhỏ mọn này, được lương tri dân tộc trong và ngoài nước soi thấu, và hết lòng, hết sức chỉ giáo" (01-10-2001).

Rất mong rằng trong dịp nhớ lại thảm họa cải cách ruộng đất, "lương tri dân tộc trong và ngoài nước", nhất là lương tri giới trẻ nhận thức rõ rằng chế độ độc tài đảng trị mà còn thì những thảm họa tương tự vẫn sẽ còn tiếp tục, vì tập đoàn thống trị cộng sản không tôn trọng con người, không tôn trọng sinh mạng và quyền tự do của con người, không tôn trọng luật pháp mà chỉ coi trọng quyền lực của họ là tối thượng mà thôi. Nhắc lại thảm họa cải cách ruộng đất, chúng tôi rất mong mọi người, nhất là giới trẻ noi gương Lê Chí Quang, thêm quyết tâm tranh đấu sớm xóa bỏ chế độ độc tài nhằm chuyển hóa đất nước ta thành một xã hội dân chủ đích thực, tạo điều kiện cho sự phát triển và phồn vinh của Tổ quốc chúng ta.

Nguyễn Minh Cần (Moscova, 15-12-2002)

Nguyệt san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 33 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 00 77 70 82 94 - Bankleitzahl : 50 19 00 00.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Hoa Kỳ : Thông Luận, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 40 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@juno.com

Tại Canada : Phạm Chu Thái, 6220 Bois Brillouse, Anjou - Québec H1M-1Y1. Giá một năm báo là 50 CAD. Ngân phiếu xin đề : *Pham C. Thai*.

Tại Úc : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 60 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

Có một thế hệ văn học mới cũng đang "đoạn tuyệt để lên đường" ?

Đoàn Xuân Kiên

Thế hệ là một tập hợp những con người trong một khoảng thời gian nhất định, cùng chia sẻ những tâm tình chung trong đời sống. Cùng sống và chia sẻ những tâm tình chung đó, một thế hệ sẽ phả những nét tâm tình chung ấy vào các mặt sinh hoạt của họ, trong đó văn học nghệ thuật là một phương tiện chủ yếu trong các mặt sinh hoạt văn hóa và đời sống, và hẳn nhiên là sẽ phản ánh khá trung thực tâm tình của những con người cùng thế hệ. Nói thế không có nghĩa là mỗi thế hệ đều có những tâm tình đồng dạng. Thế hệ nào cũng có những nét tâm tình chung nhưng không bao giờ là những nét tâm tình đồng phục cả. Cùng chia sẻ tâm tình của một thế hệ "theo mối hoàn toàn theo mối không hề do dự", thế mà Nguyễn Công Hoan viết rất khác với Nhất Linh. Rồi ngay trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn, văn Khái Hưng cũng khác Nhất Linh lắm ở nhiều khía cạnh.

Mỗi thế hệ văn học đều hình thành trên những bối cảnh học thuật khác nhau, những điều kiện văn hóa - xã hội khác nhau. Họ phải tự chọn lựa để tự kết toán với gia sản và lên đường tự tìm kiếm cho mình bản sắc riêng của thế hệ mình, tự định đoạt vận mệnh mình bằng tài năng của mình. Sự đổi mới tâm tình của một thế hệ do vậy không hẳn là kết quả của một ảnh hưởng của một tư tưởng, một ý thức hệ mà đủ.

Ngày nay nhìn lại hai mươi năm văn học miền Nam, có thể nhận thấy một bức xúc lớn của thế hệ này thể hiện rất rõ qua những thao thức trăn trở trong thơ và truyện Thanh Tâm Tuyền từ những ngày mới xuất hiện *Sáng Tạo*. Bây giờ các nhà phê bình thường quên một chi tiết nhỏ nhưng không kém ý nghĩa, là Thanh Tâm Tuyền chỉ mới là chàng thanh niên hai mươi tuổi khi in thơ *Tôi không còn cô độc* và truyện *Bếp lửa*. Những thao thức về một cuộc đổi mới hẳn là phải gay gắt lắm chứ không phải là một món thời trang văn nghệ thoảng qua.

Tất nhiên là thực tiễn sẽ không cho phép ai có thể chôn giấu, xóa bỏ đi cả một kho lưu trữ tâm tình của một thế hệ văn học trong hai mươi năm đó. Nó vẫn còn lẩn khuất đâu đó để chờ khai quật. Vạn nhất, cứ cho là những thành tựu nhỏ nhoi của hai mươi năm văn học miền nam rất có thể bị xóa bỏ sạch sẽ, thì hậu quả sẽ ra sao ? Cùng lắm thì đời sau chỉ ngậm ngùi đôi chút. Trong không khí giao lưu văn hóa rộng rãi thời hai mươi năm Việt Nam Cộng Hòa, văn nghệ có một số thành tựu nhất định. Những thành tựu của văn học thời kỳ này không ra ngoài những xu hướng chung của văn học thế giới vào những thập niên 1960 và 1970. Những nhà nghiên cứu và phê bình văn học rồi ra vẫn có thể dò tìm và khai quật lại những mảng tâm tình của một thế hệ văn học ở miền Nam qua ảnh chiếu những tư trào văn hóa lưu hành trong xã hội thời kỳ vừa qua, và qua những hồi quang của thời kỳ nối dài của nó tại hải ngoại.

Nói đến thế hệ *Phong Hóa* và *Tự Lực Văn Đoàn* cũng là nói đến một tâm cảnh khác, gồm những thao thức trần trở khác. Khi đăng những bài có chủ trương đổi mới của báo trên *Phong Hóa* bộ mới số đầu tiên (tháng 9-1932), nhóm biên tập mới đã có một chủ trương dứt khoát về văn học : dứt khoát làm mới ngôn ngữ văn học, làm mới nội dung tác phẩm văn học, làm mới cách nhìn văn học... Nhóm thanh niên trí thức trẻ, *rất trẻ*, lúc ấy có thừa lí do để đoạn tuyệt với dĩ vãng. Bối cảnh văn hóa-xã hội những năm đầu thập niên 1930 đã chín muồi cho một yêu cầu thay đổi. Sự xung đột giữa văn hóa cũ và mới đã trở nên bức xúc. Không có *Phong Hóa* và nhóm nhà văn *Tự Lực* thì cũng sẽ có những người khác.

Khi Nhất Linh lượng giá lại nghệ thuật viết tiểu thuyết của chính mình, ông đã nhận thấy sự hạn chế của loại tiểu thuyết gọi là luận đề. Nhưng vào thời điểm xuất hiện, tiểu thuyết luận đề đã sắm được vai trò xung yếu và quyết định của nó : khẳng định chỗ đứng và hướng đi của một thế hệ mới. Tâm tình của thế hệ thanh niên buổi ấy không chỉ giới hạn trong những thôi thúc về đổi mới văn chương mà thôi. Lớn rộng hơn thế, thế hệ *Tự Lực Văn Đoàn* có những ước vọng bao trùm hơn về mặt văn hóa, đời sống. Trang báo *Phong Hóa* không chỉ có thơ mới, có truyện ngắn truyện dài mà thôi. Còn có anh Xã Xệ và anh Lý Toét cười cợt những cái lỗ bịch của xã hội đương thời, những bài luận thuyết sắc sảo phê phán những cái gọi là tiêu cực trong xã hội, không cứ là về mặt văn học. Và nói riêng về văn học, *Phong Hóa* cũng soi vào cả những "hạt đậu gợn" để làm việc mà người sau này gọi là "giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt". Những trang viết như thế phản ánh một tâm tình chung của thế hệ. Các nhà văn nhà báo tụ tập quanh những tập san khác cùng thời có thể đối lập với báo *Phong Hóa* về chủ trương "theo mới, hoàn toàn theo mới không do dự", có thể phản đối những luận đề trong một số tiểu thuyết đăng từng kì trên báo *Phong Hóa* ; nhưng họ không hề chống lại *Phong Hóa* theo nghĩa là phải đảo ngược lại hết những quan điểm và lập trường đổi mới của nhóm *Phong Hóa*. Nói một cách khác, nhóm *Phong Hóa* thành công trong sứ mệnh dẫn đầu một thế hệ văn học là vì họ bắt đúng mạch của tâm tình thế hệ của mình chứ không phải là dựa nhờ trên một thứ tư tưởng thời thượng nào.

Thế kỉ XX không phải chỉ có hai thế hệ văn học mà chúng ta đang nhắc đến. Thế kỉ này mở đầu với một thế hệ thanh niên khác, với những tâm tình nóng bỏng khác. Thế hệ những thanh niên như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, và bao nhiêu người khác tập hợp nhau trong phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ, rồi phong trào Duy Tân khắp bắc trung nam, và rồi Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội. Có lẽ chưa có một cuộc vận động văn hóa-xã hội nào ở xứ ta trước kia lại tập hợp được thật nhiều thành phần trí thức trẻ và tâm huyết đến thế. Họ gặp nhau ở tư tưởng duy tân và sẽ sống chết với nó, dù cho Đông Kinh Nghĩa Thục không còn.

Ảnh hưởng sâu rộng của Đông Kinh Nghĩa Thục có thể nhận thấy khá rõ ở những hoạt động sau khi trường bị đóng cửa. Sau Đông Kinh Nghĩa Thục văn hóa văn nghệ đã không còn như trước nữa : không còn thứ văn chương nhàn phóng như là thứ văn chương điển hình của thời đại, không còn thứ văn

hóa độc quyền của nhà nho vào buổi thoái trào của Nho học. Hàng loạt những diễn đàn báo chí ra đời phản ánh một thôi thúc mới, một tâm cảnh mới của thế hệ mà Đông Kinh Nghĩa Thục đã nghiệm nhiên là những người mở đường, bởi vì những người biên tập các báo đó hầu như đều xuất thân từ Đông Kinh Nghĩa Thục cả : Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Bá Học, Phan Kế Bính, Trần trọng Kim, Phạm Quỳnh, Dương Bá Trạc, Nguyễn Hữu Tiến... Cho dù thế hệ sau (thế hệ *Tự Lực Văn Đoàn*) có báng bổ, cười cợt một số người đại biểu cho thế hệ của họ, thế hệ những nhà nho cấp tiến của thế hệ Đông Kinh Nghĩa Thục đã làm được vai trò dẫn đạo một thế hệ duy tân, quyết chặt đứt những trói buộc của một thời hủ lậu để tiến về hướng duy tân.

Như thế thì những thế hệ đã đi qua thế kỉ XX với những tâm tình khác nhau nhưng đều có những nét chung : họ nung nấu trong mình những thao thức về một cuộc thay đổi toàn diện, mà văn học chỉ là một khía cạnh của các tâm tình thế hệ đó. Ở đây có thể nói đến mối quan hệ văn hóa - xã hội với văn học của mỗi thời kì. Đó đây có những người lập ngôn ở mỗi thế hệ văn học đều muốn phủ nhận mối tương quan này, và chỉ muốn nhìn nhận một khoảnh ao riêng của cái gọi là "làng văn", hoặc văn vẻ hơn, "cộng hòa văn chương". E rằng chỉ là những định kiến chủ quan hoặc dối lòng. Một nét chung khác nữa : những người mở đường đều là những người trẻ tuổi, hoặc ít nữa cũng là trẻ trong tâm hồn để có thể nhạy bén với những tâm tình mới, những trần trở mới của một thế hệ.

Trong toàn cảnh sinh hoạt văn nghệ hải ngoại từ 1975 đến nay, *Hợp Lưu* có thể xem là một diễn đàn hiếm hoi hoàn toàn muốn bứt phá những trói buộc về nhiều mặt mà nhóm chủ trương xem như là những cản trở cho một hướng sinh hoạt văn nghệ mới. Đọc lại những trang viết cũ, chỉ thấy nổi lên xu hướng bao quát chung đó mà thôi. Tập san *Hợp Lưu* lúc mới góp mặt đã hứng chịu những chống phá, nhưng không phải là từ chủ trương đoạn tuyệt với quá khứ văn học, vì lẽ đơn giản là nhóm biên tập không phân chia ranh giới mới cũ nào về văn học.

Về mặt văn học, tỉ lệ khá lớn những bài thơ và những truyện ngắn đăng trên *Hợp Lưu* không có những dấu hiệu của một công phu bút phá, những đoạn tuyệt nào với quá khứ văn học miền nam thời kì 1954-1975. Thỉnh thoảng có một vài truyện thật đặc sắc, nhưng người đọc vẫn vẫn không thấy những đột phá về nghệ thuật dựng truyện xứng đáng gọi là những vượt bỏ thành tựu trước kia. Không khí trong một số thơ và truyện in trên các trang báo *Hợp Lưu* - mà chẳng cứ là *Hợp Lưu* - dường như là những khoảnh tâm tình nổi dài của một thế hệ văn học đã qua. Rất hiếm hoi những sáng tác bút đi từ một tâm cảnh khác, thuộc về một thế hệ khác. Rút lại trong hơn mười năm qua, dễ chừng chỉ đọng lại mấy bài nghị luận văn học cổ vũ cho một hướng phê bình văn học mới, xem như một vài món thời thượng của một thời mới. Một số những bài nghị luận loại này muốn lập thuyết, muốn cách mạng văn học với những thuật ngữ to tát. Nhưng tất cả những ước vọng của các nhà lập thuyết còn đang đợi thực tiễn sáng tác chứng độ cho. Nếu không có sáng tác thì những hô hào như thế sẽ chẳng có giá trị lí luận hoặc thực tiễn nào.

Đưa ra nhận xét trên không có ý là phủ nhận vai trò tập hợp của tập san *Hợp Lưu*, mà chỉ muốn nói đến một sự thực hiển nhiên là tâm tình chung của thế hệ văn học hôm nay tại hải ngoại không thể không quan hệ với những nét tâm tình của người cùng thế hệ ở trong nước. Nhà văn Việt Nam hôm nay viết là viết về hiện thực của dân tộc mình đã nhức nhối từ hơn năm trăm năm qua. Mà thôi, hãy nói đơn giản hơn, những nhức nhối của hiện thực Việt Nam hôm nay có thua kém gì đâu với hiện thực thời Nguyễn Du về những kinh nghiệm đoạn trường, mà sao một Nguyễn Du hôm nay vẫn đang còn lẫn khuất đâu đó ?

Nói thế là gián tiếp nói đến một thành tựu có thực của *Hợp Lưu* trong hoàn cảnh và chỗ đứng của nó trong lòng thế hệ hôm nay : *Hợp Lưu* đã vượt thoát những vòng rào của những ghetto tâm lý và văn hóa để hoà vào dòng chủ lưu những thao thức mới, những trăn trở mới, những tâm tình mới của một thế hệ khác vừa đi qua chiến tranh, chia cắt và nay đang thu lượm những mảnh vỡ mà hướng về một thời xây dựng lại con người, dựng lại mái nhà tâm tình mới. Chủ trương như thế là một xu hướng mạnh mẽ trong tâm tình của thế hệ hôm nay, không chỉ trên mặt văn học mà thôi đâu. Cho nên về mặt này, những người chủ trương *Hợp Lưu* đã bắt được mạch chính của tâm tình thế hệ. Từ đó đến chuyện làm văn chương cho thế hệ lại còn là một ẩn số khác cần có đáp số. Những ẩn số này, khó thay, lại không tùy thuộc vào bất cứ một thứ tuyên ngôn ồn ã nào cả, mà nằm ở chính nội lực của nhà văn của thế hệ này. Phải nhận là ở mặt này thành tựu văn học đang còn mong.

Vậy thì *Hợp Lưu* là một diễn đàn văn học nghệ thuật đã làm được vai trò đóng trống mở đường cho một tâm tình mới của một thế hệ đang tới. Có lẽ thế hệ hôm nay vẫn còn đang chờ đợi những thành tựu có trọng lượng của một cuộc cách tân văn học như đã từng thấy qua những thế hệ trước kia. Điều kì vọng này chẳng có gì cao xa cả, mà chỉ là chuyện tất nhiên của văn học mà thôi.

Con đường mới như thế là đã vạch ra, khá dứt khoát. Nhưng *Sáng Tạo* thật ra vẫn không hẳn là chặt đứt với quá khứ. Sự kiện này không phải là họ cách mạng nửa vời, mà chỉ là hiện tượng kế thừa và phát triển của văn nghệ mà thôi. Những lời lẽ khiêu khích, bút chiến trong một số bài viết trên *Sáng Tạo* thật ra nên được hiểu là những kĩ thuật "tiếp thị", một kĩ thuật thông thường của mọi diễn đàn văn nghệ tiên phong ở mọi nơi, và mọi thời. Tín điệp của cả thế hệ văn học mở đầu từ *Sáng Tạo* nên được hiểu ở giữa hai hàng chữ.

Thế hệ *Tự Lực* và thế hệ *Sáng Tạo* có thể đã đoạn tuyệt với di sản để lên đường không bằng những điểm tựa tư tưởng nào, mà chỉ là do sự bức xúc về một sự thay đổi. Từ định hướng như thế - mà có một đạo làng văn hay nói là "những dự phóng văn chương" - đến những thành tựu về văn học là một khoảng cách dài, do kết quả của tài năng đảm lược của nhà văn mà có chứ không phải là từ những bài luận thuyết ồn ào bốc lửa. Bao giờ vẫn thế, văn học chỉ là những gì còn lại sau khi mọi thứ chữ nghĩa xô bồ đã lắng xuống.

Thế hệ hôm nay có những may mắn riêng của họ, trong đó có cả sự may mắn là họ được thừa tự di sản của thế hệ văn học đã đại náo miền nam trong hai mươi năm lẻ, và họ cũng

thừa tự cả nền học mà có người nghiêm giọng gọi là "văn học phải đạo". Di sản đã có đấy rồi, không thể có lí do nào để hư hóa nó đi. Một may mắn khác nữa là từ sau cuộc "cởi trói văn nghệ", nhà văn Việt Nam có thể có điều kiện giao lưu với thế giới bên ngoài. Trong thời thế này không thể hãnh tiến mà tự bằng lòng với di sản văn học trong khoảng ao nhà bé nhỏ được nữa rồi. Phải làm một cuộc lên đường thôi, như các thế hệ trước đều đã phải miệt mài học hỏi thế giới chung quanh ta trong thời điểm của họ. Thế hệ Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục đã tìm về tân thư ở Tàu và Nhật, thế hệ Tự Lực Văn Đoàn và thế hệ Sáng Tạo cũng đã trang bị những hành lí văn học của thời đại mình chứ không bào giờ hãnh tiến trong ao tù tư duy cả. Trong ý nghĩa đó, chúng ta có thể đồng ý với Thụy Khuê là học hỏi từ di sản hay từ thế giới thì sau cùng tài năng và đảm lược của nhà văn vẫn là yếu tố của thành công (và thất bại) của một thế hệ.

Có người sẽ nói rằng thế hệ hôm nay đang hình thành một nền văn học khác, không cần phải lưu luyến gì với những tâm tình già cỗi của người đi trước. Có thể là thế. Đi tìm bản sắc cho mình luôn luôn là một hành trình gian nan và cô đơn. Nhưng hình như vẫn là quy luật, là sự vận hành xã hội thường theo những tiến trình của nó. Chu kì sinh thành và phát triển của thế hệ văn học hôm nay sẽ đi qua tiến trình mà cha anh họ đã trải qua : buổi đầu thường vẫn chiêm trống ồn ào, tuyên ngôn này nọ. Khi lĩnh chiếm được trận địa rồi thì tập hợp nhà văn sẽ phải xắn tay áo mà "lao động miệt mài", quay cuồng vật vã trên thửa ruộng bát ngát. Sau những ồn ã, vật vã và miệt mài, sẽ chỉ còn lại những gì mà thời gian không xóa được. Đó là những giá trị của một thời. Văn học cũng như bao nhiêu hình thái sinh hoạt của ý thức, phải chịu thử thách nghiệt ngã của thời gian.

Đến đây, xin trở lại lần nữa câu chuyện về điểm tựa tư tưởng làm đòn bẩy tư duy văn học cho một thế hệ. Khó mà tách rời cái điểm tựa đó ra khỏi toàn cảnh một tâm tình chung của một thế hệ trong một hoàn cảnh xã hội mà mọi người cùng chia sẻ số phận chung. Có lẽ vì thế mà những người tiên phong của mỗi thế hệ đã qua đều không dừng lại ở sinh hoạt văn học. Họ lần lượt nối nhau tham gia các sinh hoạt xã hội khác để làm cho hoàn chỉnh cái đòn bẩy tư duy mà thế hệ của họ cần đến.

Đông Kinh Nghĩa Thục thì ai cũng biết rồi, rục rủa tâm can của thế hệ. Đến những người của thế hệ Tự Lực Văn Đoàn thì văn chương cũng chẳng là một cộng hoà riêng lẻ và lạc lõng. Phong trào Ánh Sáng đã nhúm lên ngọn lửa hoạt động của nhóm Phong Hóa, bên cạnh phong trào Truyền Bá Quốc Ngữ... Ai bảo là thế hệ *Sáng Tạo* chỉ là thuần văn chương ? Những người chủ trương của nhóm như Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền... cũng đã cùng với thế hệ của họ, "xuống thuyền" - theo cách nói của Camus - cả trong văn chương lẫn ngoài đời sống xã hội.

Thế hệ hôm nay tất yếu cũng phải có một cuộc lên đường, cũng phải "xuống thuyền" thôi. Con thuyền của thế hệ hôm nay là đâu ? Những người thủy thủ đang nghĩ và sẽ làm gì ?

Đoàn Xuân Kiên
(London, Anh Quốc)

Mùa Xuân (chợt) nhớ chuyện mai sau

Tướng Năng Tiến

*Ở mỗi thời kỳ, mỗi dân tộc
sẽ phải cam chịu hay có một số phận
xứng đáng với sự lựa chọn và cách sống của họ.*
Ngô Thế Vinh

Có lẽ do ảnh hưởng khí hậu cũng như thời tiết của mùa Xuân, và vì - dường như - bữa đó, trong không khí, có thoang thoảng chút hương vị Tết nên tôi uống (chắc) nhiều. Cao hứng tôi cất tiếng ngợi khen một nhà văn thứ dữ, ông... Võ Phiến :

- Cái bài anh viết về những bản thảo cũ của Nhất Linh, đăng trên *Thế Kỷ 21* (số tháng 7 năm 2002) đọc hay quá xá. Sao anh minh mẫn, hóm hỉnh và trí nhớ vẫn còn tốt quá trời quá đất như vậy - há ?

Thỉnh thoảng thăm hỏi và nói với nhau đôi lời chân thành và tử tế - kể cả vào lúc (có hơi) quá chén như thế - vốn không phải là chuyện vẫn thường xảy ra giữa hai người Việt ! Bởi vậy, tôi cứ ngỡ là ông Võ Phiến sẽ cảm động chết luôn và sẽ mỉm cười (vô cùng) sung sướng.

Tôi lầm. Ông không cười (cười gượng cũng không luôn); đã thế, còn hóa đăm chiêu rồi bỗng dưng trông nghiêm và buồn - thấy rõ :

- Tui đọc cuốn *Xóm Cầu Mới* của Nhất Linh vài chục năm trước, nhiều đoạn bây giờ vẫn còn nhớ như in... Nhưng cái đầu của mình bây giờ lạ lắm, nó chỉ linh hoạt khi nghĩ tới những chuyện xa xưa, và hay loay hoay tìm về dĩ vãng, chớ không thiết tha gì đến tương lai nữa.

Nghe rồi, tôi cũng thấy buồn luôn, và cũng "hóa đăm chiêu", đầu chùng... nửa tháng. Ông Võ Phiến, dù lập gia đình muộn chẳng nữa, vẫn dư sức có một thằng con trai út - lóc nhóc cỡ tuổi tôi. Tôi trẻ hơn ông rất nhiều mà sao cái đầu cũng quyết liệt từ chối không nghĩ tới tương lai nữa. Coi có ghê không chớ ? Mà đây không phải chỉ là "chuyện riêng" của tôi và ông Võ Phiến đâu nha. In tổng như là cả dân tộc Việt Nam - bất kể tuổi nào, bất kể đang sống nơi đâu - cũng đều như vậy tuốt !

Cầm thử bất cứ một cuốn đặc san nào đó xuất bản ở hải ngoại mà xem. Khởi cần coi kỹ, chỉ cần đọc tựa của mấy bài viết không thôi là cũng đủ thấy ngậm ngùi, xót dạ và buồn rầu quá cỡ : quê xưa - chốn cũ, thầy xưa - trường cũ, chiến trường xưa - đồng đội cũ, người xưa - tình cũ, giòng sông xưa - con đò cũ, xóm làng xưa - bè bạn cũ...

Và đó mới chỉ là những nỗi buồn hạng nhẹ, của những người không nặng ký - chỉ tầm tầm cỡ thường dân - những kẻ mà tâm sự có thể giải bày trong những bài thơ nhỏ, hoặc vài ba trang tùy bút. Những nhân vật quan trọng thì họ viết nguyên cả một cuốn hồi ký đằng hoàng.

Cuốn nào cũng đều mang nặng cả "trời tâm sự". Đôi khi, tâm sự của người này lại đụng chạm đến tâm sự của người kia - hoặc của nhóm người kia - nên sinh ra tùm lum

xung đột, hiềm khích, oán thù, tranh chấp... rất ồn ào và (thường khi) rất không cần thiết !

Đó là chưa kể đến những bài khảo cứu công phu về "chuyện xưa tích cũ" (liên quan đến nhân vật này, áng văn kia hay những lỗi lầm - trong quá khứ - của tôn giáo này hoặc tôn giáo nọ), cùng với những giòng thơ văn hoài cổ... đây nhóc trong sách báo xuất bản ở hải ngoại.

Một đám người thua cuộc, nhà tan cửa nát, hốt ha hốt hải bỏ của chạy lấy người - thoát thân, rồi nằm buồn rầu thoi thóp ở một góc trời xa lạ - và cứ ngoái trông về cố lý mà thương nhớ mãi bến nước xưa, cây cầu cũ, hay cứ tiếc nuối hoài những ngày tháng an bình (hoặc vàng son) đã mất thì (tưởng) cũng là chuyện bình thường thôi chớ ? Có gì lạ đâu mà kiếm chuyện (cà khịa) nãy giờ vậy cha nội?

Ý Trời, đừng nói vậy chớ ! Như vậy là gieo tiếng ác và mang tội chết (mẹ) à nha. Tui thiệt tình không (bao giờ) dám kiếm chuyện đăm hơi hay châm chọc gì ai. Nói tình ngay, chả qua vì thấy dĩ vãng của chúng ta quá nặng nề khiến mọi người hóa lê mê (khi xoay trở với hiện tại) và bất hảo khi nghĩ đến tương lai nữa (nếu không phải là chuyện tương lai của *riêng* mình) nên tôi có hơi ái ngại (và "bàn ra") chút đỉnh - vậy thôi.

Hơn nữa - như đã thưa - cái tâm cảm "*nước còn cau mặt với tang thương*", không phải chỉ tìm thấy nơi những kẻ sống ở nước ngoài hay những người bại trận. Nhà thơ Nguyễn Duy (một chiến sĩ và thi sĩ nổi tiếng của phe thắng trận) ghé về thăm quê - sau hơn một thập niên, kể từ ngày "đất nước được hoàn toàn giải phóng" - cũng đã không nén được bồi ngùi :

*Cha ta cầm cuốc trên tay
nhà ta xơ xác hơn ngày xa xưa
lưng còng bạc nặng thâm mưa
bụng nhăn lép kẹp như chưa có gì.*
(Thanh Hóa - cuối năm Thìn 1988)

Bây giờ là đầu năm Mùi, thêm mười lăm năm nữa đã trôi qua. Dân quê Việt Nam vẫn cứ sống trong những căn "nhà xơ xác hơn ngày xa xưa", và vẫn tiếp tục "cầm cuốc trên tay" - như nông dân của thời Trung Cổ. Những kẻ sinh sau đẻ muộn, không còn đất để cuốc, dất dúi nhau rời bỏ làng quê, lần vào thành phố kiếm ăn.

Họ đi xin (nếu không có máu hay có thân hình bán được), hoặc bán sức lao động - dưới mọi hình thức - để sống qua ngày. Giản dị nhất là trở thành cửu vạn. Khởi phải làm đơn, khởi tốn tiền "cò", không cần hộ khẩu, và cũng chả lo đến lý lịch - kể cả loại lý lịch trích ngang - vì dân cửu vạn chỉ là một thứ phụ phen (xuống cấp) của thời đại mới. Họ là những kẻ sống bên lề, lề đường, của xã hội cộng sản.

Họ đứng ngồi chờ trực suốt ngày (và suốt đêm) để đợi người "ới" đi làm. Họ sẵn sàng làm tất cả việc nặng nhọc và bẩn thỉu : khuân vác, dọn nhà, dọn vườn, móc cống, vét rãnh, thông cầu... Và tiền công thì hoàn toàn tùy thuộc vào lòng hảo tâm của người đối diện !

"*Giảng Võ, 12 giờ đêm. Đám người lao động ngoại tỉnh, kẻ đứng người nằm la liệt trên suốt hơn 1 km đoạn đường từ đầu ngã tư Cát Linh - Giảng Võ - Đê La Thành. Thôi thì đủ quê từ Hà Tây, Thái Bình, Nam Định nhưng đông hơn*

cả vẫn là Thanh Hóa ..."

"Trung bình một ngày họ kiếm được từ 15-20 ngàn đồng, rất vất vả. Thông thường mỗi buổi sáng họ thức dậy từ 6 giờ, quần vải mưa, chần chiếu dúi vào một góc nào đó để tản ra 'đứng đường' chờ việc. Trưa và tối thì tạt vào những hàng cơm bụi với mỗi suất ăn giá khoảng 2.000 đồng, thậm chí những hôm không có ai thuê, đành nhịn". (Quang Hiệu và Vương Linh, "Cửu Vạn Đêm", Lao Động 11-8-2002).

Dễ có đến chừng nửa dân số Việt Nam đang sống (dở) và chết (dở) - như thế - trong những căn "nhà xơ xác" ở thôn quê, hay trên những vỉa hè ở phố thị. Với họ, khi "bàn" đến tương lai, có lẽ tất cả sẽ đều nghĩ ngay đến một... nắm xôi - cho buổi sáng sớm mai !

Phần dân chúng còn lại ở Việt Nam thì hẳn là phải có một mức sống khả kham (hoặc khá giả) hơn như vậy. Dù ở thôn quê hay thành thị họ cũng có đủ cơm ăn áo mặc, có nhà cửa (hay "cơ ngơi") tử tế. Dự phóng về tương lai của họ, đối với không ít kẻ, đã vượt qua những nhu cầu vật chất "cơ bản" (như đồng hồ hay xe đạp...) từ lâu. Với những người này - cũng như phần lớn những đồng bào "ăn nên làm ra" của họ ở nước ngoài - khi nói đến chuyện mai sau, họ có thể nghĩ đến tốt... cái sân sau (đang trồng cây ăn trái) hoặc mảnh bằng trước mặt của đứa con vừa (hay sắp) vào đại học. Không ít kẻ còn lo xa cả đến một chỗ để nằm, sau khi tắt thở !

Chung cuộc - xem ra - dường như chỉ có những người đang nắm quyền ở Việt Nam là có khả năng thích ứng với thực tại, và có viễn kiến về tương lai. Sau khi mở cửa với thế giới bên ngoài, chấp nhận luật chơi của kinh tế thị trường, đến khóa họp trung ương đảng kỳ V - từ 18 tháng 2 đến ngày 2 tháng 3 năm 2002 - Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chính thức cho phép đảng viên được phép làm kinh doanh tư nhân.

Quyết định "lột xác" biến (cái rết) từ vô sản sang tư sản của họ, tiếc thay, đã không được dân Việt hoan nghênh hay khích lệ. Không những thế, ông TTN, một nhân vật ẩn danh, hiện đang sống trong nước, đã đưa ra một nhận định (vô cùng) khinh thị - như sau :

"Như thế là mọi chuyện bất chính, bất lương, bất hợp pháp nay trở thành danh chính ngôn thuận hết. Cứ việc nhân danh Đảng mà phù phép biến hóa của công thành của riêng, xí nghiệp quốc doanh thành xí nghiệp tư nhân, của tham nhũng hối lộ thành bổng lộc hợp pháp. Một tuyệt chiêu lưu manh vô địch" (TTN, "Tư Bản Đỏ", Đàn Chim Việt, Sept. 2002-31).

"Tuyệt chiêu" này không được tán thưởng bởi những người Việt khác, dù đang sống ở (tận) nước ngoài :

"Đừng để bị huyền hoặc vì danh xưng «tư sản đỏ». Tư sản không có màu sắc, không có tư sản đỏ và tư sản xanh, chỉ có tư sản kinh doanh trong một nước dân chủ pháp trị lành mạnh và tư sản lưu manh trong một chế độ độc tài tùy tiện. Tư sản đỏ tại Trung Quốc và Việt Nam hiện nay là bọn tư sản lưu manh. Chúng không kinh doanh, chúng bóp nghẹt kinh doanh và làm giàu bằng hối mại quyền thế. Chúng không làm kinh tế thị trường, chúng bóp nghẹt thị trường và làm giàu bằng đặc quyền đặc lợi. Chúng không mưu lợi

cho đất nước, chúng cướp đoạt tài nguyên và tiềm năng đất nước để mưu lợi cho riêng chúng. Chúng không cần tài năng dù chúng đứng đầu những công ty lớn, vì chúng không phải cạnh tranh với ai cả. Chúng không cởi mở và tiến bộ dù chúng đi xe hơi sang trọng và du lịch khắp thế giới. Chúng càng không phải là một chặng đường trong cuộc chuyển hóa về dân chủ, trái lại chúng chống lại cuộc đấu tranh cho dân chủ để giữ nguyên đặc quyền đặc lợi". (Nguyễn Gia Kiểng, "Ai Cầm Quyền ?", Thông Luận, Dec. 2002-06).

Khi mà gần nửa dân tộc chỉ nghĩ được tới nắm xôi, nửa còn lại cũng không mấy kẻ nghĩ xa hơn... tô phở - hay bún bò hoặc hủ tiếu... gì đó - và những người lãnh đạo đất nước lại là những kẻ "lưu manh vô địch", chỉ chăm chăm "cướp đoạt tài nguyên và tiềm năng đất nước để chỉ mưu lợi riêng cho chúng" thì chuyện non sông ("gấm vóc") kể như là... rồi - chớ còn (khí) gì nữa?

Vậy mà vẫn còn có một... nhóm người, có tên là Nhóm Bạn Cửu Long, cứ bản khoản mãi về sinh mệnh của một dòng sông (<http://mekongriver.org>). Theo họ : "*Cửu Long Cạn Dòng (là) Biển Đông Dậy Sóng*". Đây cũng là tên tác phẩm mới nhất của nhà văn Ngô Thế Vinh, đã được nhà Văn Nghệ (Hoa Kỳ) tái bản hồi đầu năm 2002.

Khi trả lời phỏng vấn của *Tập San Hợp Lưu* (số 56, tháng 12-2000 & 01-2001 - do Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện) Ngô Thế Vinh đã bày tỏ sự quan ngại về tình trạng toàn vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có nguy cơ bị tràn ngập bởi nước mặn, với hậu quả là "... *vĩnh viễn chẳng còn đâu một nền Văn Minh Miệt Vườn và cũng không còn đâu vựa lúa để nuôi sống ngót 100 triệu dân của cả nước*".

Nếu "cả nước" - từ trong ra ngoài - chỉ quay đầu nhìn về dĩ vãng (để nuôi tiếc hay hậm hực) hoặc chỉ cúi đầu (vì bận kiếm ăn hay vì sợ bị ở tù), và "trộn gói" non sông mang giao cho những kẻ "lưu manh" - những kẻ đủ nhẫn tâm để tháo cạn nước của một giòng sông và đốt cháy nguyên một khu rừng, khi cần vài con cá nướng trui cho bữa ăn chiều trong gia đình họ - thì hiểm họa đang đe dọa dòng sinh mệnh của cả dân tộc Việt, chứ đâu có riêng chi một dòng sông.

Nói chuyện tương lai, giữa những mùa xuân ly loạn, đã không có gì vui mà (dám) còn làm cho không ít người buồn. Nếu lỡ như vậy thì tôi mong được sự bao dung và độ lượng của "toàn thể đồng bào" trong ba ngày Tết. Nếu không có Tết, và không có rượu, bà nội mẹ tui cũng không dám làm mích lòng - cùng lúc - cả đồng người như thế !

Tướng Năng Tiến (San Jose, Hoa Kỳ)

Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận.
Bìa màu, giấy láng, trình bày trang nhã, 56 trang,
khổ A4. Phát hành mỗi năm 12 số, giá 30 USD.
Đặt mua và liên lạc : **Đàn Chim Việt - E-Club**
Stryjenskich 6 UH2 str., 02-796 Warsaw, Poland.
Email : danchimviet@post.pl
ĐT : 00 48 22 446 3457 - Fax : 00 48 22 637 3042

Thời kỳ mở nước và dựng nước

Nguyễn Văn Huy

Từ sau nửa thế kỷ thứ hai sau công nguyên, phần lãnh thổ cực nam Giao Chỉ trở nên khó trị, dân cư bản địa liên tục nổi lên chống lại chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Hán. Huyện Tượng Lâm trở thành nơi tranh chấp thường trực giữa quan quân đô hộ và nhân dân địa phương.

Năm 190, người Tượng Lâm nổi lên giết thứ sử Chu Phù và chiếm huyện thành. Vài năm sau, năm 192, dân cư Tượng Lâm lại nổi lên giết huyện lệnh (huyện trưởng) và tôn Khu Liên, con một quan công tào (xã trưởng) địa phương, lên làm vua. Khu Liên tự tiện xén một phần lãnh thổ cực nam của quận Nhật Nam - huyện Tượng Lâm - thành lập một vương quốc riêng : Lâm Ấp.

Lâm Ấp : một biến cố lịch sử

Cho đến nay gần như không một sử gia Việt Nam nào quan tâm đến biến cố Lâm Ấp. Có lẽ nhiều người cho rằng Lâm Ấp không quan trọng vì không dính líu gì, nếu không muốn nói là thù địch, với người Việt Nam. Tất cả đều rất lầm. Cuộc nổi dậy của người Lâm Ấp là của chính dân tộc Việt Nam, người Việt cổ, vào thời đó. Lâm Ấp là một biến cố lịch sử trọng đại, mở đầu giai đoạn đấu tranh giành độc lập của những dân tộc bị đặt dưới ách đô hộ của người Hán.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa, một lãnh thổ đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của thiên triều đã tự tách ra và tuyên bố độc lập. Sự kiện này trái với nguyên tắc tổ chức chính quyền của người Hoa, vì từ thế kỷ thứ hai trước công nguyên trở đi, dưới thời nhà Hán, nguyên tắc trung ương tập quyền đã là nền tảng của các chính sách cai trị của người Trung Hoa, không có ngoại lệ. Giao Chỉ thời đó là một phần lãnh thổ Trung Hoa, các quan cai trị đều do thiên triều trực tiếp chỉ định, mọi ý đồ ly khai hay tự trị đều bị trừng trị. Mục đích của chính sách trung ương tập quyền này là giữ gìn và bảo vệ sự toàn vẹn giống nòi, người Hán không chấp nhận bất cứ một pha trộn chủng tộc nào ngoài chủng tộc Hán với nhau.

Một lần cản khó chịu là trong suốt thời Bắc thuộc, đại bộ phận giới "quí tộc" Lạc Việt (Lạc hầu và Lạc tướng), và người Kinh - bị khuất phục bởi văn minh và văn hóa do người Hán mang lại - đã hợp tác với người Hán trong việc quản trị đất nước, đương nhiên ở những địa vị thấp hơn. Những cuộc nổi dậy chống lại chính sách cai trị hà khắc và muốn tách khỏi văn minh và văn hóa của người Hán, phần lớn đều do người Mường (hai Bà Trưng năm 42 và bà Triệu năm 248) và người Nam Đảo (Mai Thúc Loan năm 722) khởi xướng. Những cuộc nổi dậy của người Kinh - Lý Bí, Triệu Quang Phục, Lý Phật Tử (thế kỷ 6 và 7), Phùng Hưng và Dương Thanh (thế kỷ 8), Khúc Thừa Mỹ và

Dương Đình Nghệ (thế kỷ 10) - đều xuất phát từ động cơ bất mãn của những người cộng tác không được ưu đãi hơn là ý chí giành độc lập hay muốn tách khỏi ảnh hưởng của người Hoa. Chỉ đến thời Ngô Quyền ý chí độc lập của người Việt mới rõ ràng nhưng người Kinh lại xem người Chăm là đối thủ, nên đã không ngừng phân biệt đối xử vì văn hóa khác biệt và uy hiếp họ trong suốt thời kỳ tự chủ, quên hẳn quá khứ ruột thịt đã qua.

Trở về với Lâm Ấp, khi thành lập vương quốc riêng có lẽ Khu Liên không có ý định tách rời ảnh hưởng văn minh và văn hóa Trung Hoa, nhưng với thời gian quyết tâm tách khỏi quỹ đạo Trung Hoa ngày càng rõ nét. Sở dĩ có sự đoạn tuyệt này là vì tổ chức chính trị xã hội của người Hoa không còn phù hợp với nền tảng chính trị xã hội Lâm Ấp nữa.

Vào thời kỳ này, thương nhân và tu sĩ Ấn Độ đã giao tiếp mật thiết với người Chăm sinh sống ven biển miền Trung. Khi ở lại chờ thuận buồm xuôi gió trở về quê cũ, những người Ấn này đã truyền cho giới quí tộc địa phương văn minh và văn hóa của họ, và đương nhiên truyền luôn cả cách thức tổ chức xã hội. Khác với người Hoa, tổ chức xã hội của người Ấn dựa trên nguyên tắc tảo quyền và phân quyền, phù hợp với nếp sống và ước nguyện tự trị của người địa phương nên rất được ưa chuộng. Đặc điểm của người Ấn là không dùng bạo lực để áp đặt văn hóa hay uy quyền chính trị của mình trên những xã hội khác, kém hơn, mà để các thân hào địa phương tự nguyện làm thay, sau khi hấp thụ văn minh và văn hóa của họ.

Tranh chấp văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ trong nội bộ Lâm Ấp ngã ngũ sau khi Khu Liên qua đời, chữ Phạn cổ (sanskrit, một loại chữ viết xuất phát từ miền nam Ấn Độ cách đây hơn 2.000 năm) trở thành chữ viết chính thức của các triều vương. Các bia ký tìm được trong giai đoạn này đều khắc bằng chữ Phạn. Quốc thư trao đổi của Lâm Ấp với Trung Hoa thời đó được viết bằng chữ "Hô" (chữ của nước Hồ Tôn Tinh, tức chữ Phạn) thay vì chữ Hán. Văn hóa Ấn Độ, từ phía Nam đưa lên, trở thành văn hóa của toàn vương quốc Lâm Ấp. Đạo Bà La Môn và đạo Phật được phổ biến rộng rãi trong quần chúng, lần ắt ảnh hưởng đạo Khổng và đạo Lão của văn hóa Trung Hoa để lại trong vương quốc. Cũng nên biết thờ cúng ông bà là tín ngưỡng dân gian của người bản địa, Kinh hay Chăm, do đó rất được kính trọng, giáo lý và nghi lễ các tôn giáo khác phải thích hợp theo nếu muốn được ủng hộ.

Về chính trị, các vị vua Lâm Ấp đều gán ghép tên mình với một thần linh, thường là với Siva (còn gọi là Isvara) để có độc quyền cai trị. Uy quyền vua thể hiện qua cái lọng màu trắng mà dân gian không được dùng. Phụ tá nhà vua là các quan lại trung ương và địa phương, được phân chia thành ba hạng : đứng đầu là hai vị tôn quan (senapati và

tapatica-hai tể tướng võ và văn), kế là thuộc quan gồm ba hạng : luân đa đình (dandavaso bhatah-tướng chỉ huy cấm vệ), ca luân trí đế (danay pinang, quan hầu hầu) và ất tha già lan (yuvaraja-kế vương), sau cùng là ngoại quan (quan lại địa phương). Quân lực Lâm Ấp khoảng từ 40 đến 50.000 người, gồm kỵ binh, tượng binh và thủy binh,

Triều đình Trung Hoa có lẽ cũng muốn chấm dứt tình trạng tranh chấp văn hóa và chính trị kéo dài quá lâu này nên đã chấp nhận sự ly khai một cách miễn cưỡng, họ đặt tên quốc gia mới này là Lâm Ấp, thay vì Hồ Tôn Tinh hay Tượng Lâm như trước kia, và duy trì mối quan hệ tốt để nhận càng nhiều phẩm vật triều cống càng tốt.

Về danh xưng, Lâm Ấp chỉ là sự biến nghĩa của chữ Tượng Lâm. Đối với nhà Đông Hán, danh xưng Lâm Ấp là một khinh miệt, vì đó chỉ là một phần đất nhỏ không quan trọng ở vùng cực nam để thiên triều phải quan tâm trực tiếp. Sách *Thủy Kinh Chú* giải thích : "Lâm Ấp là huyện Tượng Lâm, sau bỏ chữ Tượng để chỉ còn chữ Lâm". Cũng nên biết ngôn ngữ Trung Hoa trong thời kỳ này có nhiều hạn chế trong việc phiên âm các tên ngoại quốc : Lâm Ấp là cách phát âm Việt hóa từ chữ Lin-yi, phiên âm từ chữ "Hindi" hay "Indi", tức người Ấn. Có người nói đó là cách phiên âm từ chữ Phạn "Indrapura" (đất của người Ấn Độ). Về sau người Chăm đặt tên phần đất từ Quảng Bình đến Thừa Thiên là Indrapura (đất của Indra, thần sấm sét). Lâm Ấp cũng có thể do sự phát âm Việt hóa từ chữ "Krom" hay "Prum" (hai tộc của người Việt cổ) mà ra. Bình dân hơn người ta giải thích : Lâm là rừng, Ấp là thôn nhỏ v.v... Nói chung, cho dù diễn giải thế nào Lâm Ấp là một định chế độc lập với vương triều Trung Hoa tại Giao Chỉ.

Về tên gọi Khu Liên cũng thế, có rất nhiều tranh cãi. Sử sách Trung Hoa viết tên vị vua đầu tiên của Lâm Ấp là Khu Liên, có sách viết là Khu Quy, Khu Đạt hay Khu Vương. Nhiều sử gia cho rằng Khu Liên thuộc dòng dõi của bộ tộc Dừa ở phía Bắc... Thật ra Khu Liên không là tên của người nào cả, đó chỉ là cách gọi một cách kính trọng một người có ngôi vị cao trong một định chế tập thể (làng, xã, huyện...). Đối với dân chúng địa phương, "Khu" không phải là tên riêng mà là tước vị của một tộc trưởng (lãnh chúa), phiên âm từ chữ "Kurung" (như các vua Hùng) của người Việt cổ – hay chữ "Varman" của người Chăm từ tiếng Phạn, có nghĩa là tước tộc trưởng, lãnh chúa hay vua.

Trước đó, năm 137, các quan đô hộ nhà Hán gọi quân phản loạn ở Tây Nguyên (Quảng Bình) là "rợ Khu Liên". Như vậy Khu Liên chỉ là tên gọi chung những người không cùng văn hóa với người Hán ở phía nam Giao Chỉ. Tên gọi này không liên quan gì đến danh xưng Sri Mara (tên một vị vương tôn người Chăm khác cùng thời kỳ, con bà Lona Lavana ở Panduranga) tìm thấy trên một bia ký bằng đá granit (ngang 1 mét, dày 1 mét, cao 2,5 mét) ở làng Võ Cạnh (nay thuộc xã Vĩnh Trung), Nha Trang.

Về địa lý, vương quốc Lâm Ấp ở đâu, rộng hẹp như thế nào ? Còn rất nhiều điểm tối, không ai rõ. Theo sử cổ Trung Hoa thì lãnh thổ vương quốc này là huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam, phía nam huyện Lô Dung

(Thừa Thiên ngày nay). *Đường Thư* nói Lâm Ấp từ huyện Tây Nguyên (Quảng Bình) trở xuống. *Đại Nam Nhất Thống Chí* nói Tượng Lâm là Bình Định và Phú Yên. *Thủy Kinh Chú* cho biết thủ phủ Lâm Ấp lúc đầu không biết ở đâu, sau được biết đặt tại Khu Lật (Huế, Thừa Thiên), phía Nam có sông Lô Dung (sông Hương) chảy qua. Một cách tóm lược, dựa vào sử sách xưa, lãnh thổ Lâm Ấp có thể đã trải dài từ Quảng Bình đến Quảng Nam.

Một số chuyên gia Champa cho rằng Lâm Ấp là lãnh thổ Indrapura (đất của thần Indra), từ mũi Hoành Sơn đến đèo Hải Vân, do vương triều Gangaraja, tức những người Ấn Độ đến từ sông Gange, khai sinh ra. Sự kiện này cần được ghi nhận với tất cả dè dặt vì cho đến nay chưa một dấu tích bia ký nào giải thích sự kiện này.

Các triều vương Lâm Ấp

1. Triều vương thứ nhất (192-366) : khai sinh vương quốc

Khu Liên lên ngôi năm 192, trị vì trong nhiều năm, nhưng không biết mất năm nào và ai là người kế vị. Sử cổ Trung Hoa (*Lương thư*) cho biết trong khoảng thập niên 220-230, con cháu Khu Liên có gởi phái bộ đến thống đốc Quảng Đông và các thái thú Giao Châu (Lã Đại và Lục Dận) triều cống và duy trì quan hệ ngoại giao.

Sự kiện nổi bật sau thời Khu Liên là cuộc dấy binh của bà Triệu năm 248 tại quận Cửu Chân chống lại quân Đông Ngô (Trung Hoa). Bà Triệu, còn gọi là Triệu Trinh Nương, là một thiếu nữ Mường cưới voi ra trận làm khiếp đảm quân địch. Bà Triệu cũng là mẫu người lý tưởng của chế độ mẫu hệ : thân hình nẩy nở (vú dài ba thước !?) và can đảm (dám đứng ra gánh vác việc nước). Có lẽ trong giai đoạn này con cái của Khu Liên gia nhập vào đội quân của bà Triệu rất đông vì cuộc khởi nghĩa này được sử Trung Hoa ghi nhận là cuộc nổi dậy của nhân dân Lâm Ấp.

Nhà Đông Ngô phong danh tướng Lục Dận tước An Nam hiệu úy, tức thứ sử, sang Giao Châu dẹp loạn. Lục Dận vừa dùng mưu vừa làm áp lực chiêu dụ các bộ lạc nổi loạn ; sau hơn 6 tháng cầm cự quân của Bà Triệu bị cô lập và bị đánh bại phải chạy về miền Nam lánh nạn. Lục Dận xua quân xuống chiếm Khu Lật (Huế), bắt theo hàng ngàn thợ khéo tay mang về Giao Châu rồi dâng cho nhà Đông Ngô năm 260. Những vùng đất bị nghĩa quân Lâm Ấp chiếm đóng đều bị lấy lại. Lãnh thổ Lâm Ấp trở về vị trí cũ, tức huyện Tượng Lâm, quân Đông Ngô không dám tiến xuống xa hơn.

Có lẽ truyền nhân đích tôn của Khu Liên đã chết trong cuộc khởi nghĩa này vì không còn được nhắc tới nữa. Sách *Lương thư* cho biết năm 270, cháu ngoại của Khu Liên là Phạm Hùng (Fan Hiong hay Fan Hsung) lên làm vua.

Cũng nên biết "Phạm" ở đây là cách phiên âm Hán hóa từ chữ "Po" (hay Pô, Phò, Pha) của người Chăm, tức là người đứng đầu, lãnh tụ hoặc là ngài, chứ không phải là cách phiên âm từ chữ "varman" của người Ấn, cũng có nghĩa là vua, vương, ngài, hay "họ Phạm" của người Việt Nam mà ra. Cũng nên biết người Lâm Ấp theo chế độ mẫu hệ, chỉ có tên chứ không có họ.

Dưới thời Phạm Hùng, lãnh thổ Lâm Ấp được mở rộng tới thành Khu Túc, cạnh sông Gianh, phía bắc và tới Khánh Hòa (Kauthara) phía nam. Phạm Hùng cũng đã chinh phục và thống nhất các tiểu vương quốc khác nằm trong các lùm đất dọc duyên hải miền Trung : Amavarati (Quảng Nam), Vijaya (Quảng Ngãi, Bình Định) và một phần lãnh thổ Aryaru (Phú Yên). Nhưng sau hơn 10 năm chinh chiến (271-282), Phạm Hùng bị quân Tây Tấn (do Đào Hoàng chỉ huy) đánh bại, năm 283 con là Phạm Dật (Fan Yi) lên ngôi thay. Năm 284, Phạm Dật gửi một sứ bộ sang Trung Hoa cầu hòa ; Lâm Ấp được thái hòa và Phạm Dật trị vì 52 năm thì qua đời.

2. Triều vương thứ hai (337-420) : mở rộng vương quốc

Phạm Dật qua đời năm 336, một tể tướng cướp ngôi vua tự xưng Phạm Văn (Fan Wen). Phạm Văn không phải là người Chăm mà là một người gốc Hoa quê ở Dương Châu, bị bán làm nô lệ cho một quan cai trị huyện Tây Quyển tên Phạm Tương. Năm 15 tuổi, vì phạm tội gian Văn phải trốn theo một thương gia người Lâm Ấp sang Trung Hoa và Ấn Độ buôn bán, nhờ đó đã học hỏi được kỹ thuật luyện kim và xây thành lũy của người Hoa. Khi về lại Lâm Ấp năm 321, Văn trở thành người thân tín của Phạm Dật và được giao trọng trách xây thành, đắp lũy, dựng cung đài theo kiểu Trung Hoa, chế tạo chiến xa và vũ khí, chế biến dụng cụ âm nhạc v.v... và được thăng chức tể tướng.

Dưới thời Phạm Văn, kỹ thuật luyện sắt (rèn kiếm, đúc lao) đạt đến tột đỉnh. Nhà vua áp dụng văn minh Ấn Độ thăng vào đời sống : cải tổ lại hệ thống quan lại theo khuôn mẫu Ấn Độ, nhờ đó guồng máy tổ chức chính quyền chạy đều và mang lại hiệu quả tốt ; xây dựng thủ phủ chính trị tại Khu Lật (K'iu-sou, hay Thành Lôi, Huế), hình chữ nhật, chu vi 2100 mét, tường cao 8 mét, có 16 cửa, dân chúng sống chung quanh chân thành, mỗi khi có loạn, các cửa thành đều đóng lại. Với thế mạnh này, Phạm Văn đánh thắng hai nước Đại Kỳ Giới và Tiểu Kỳ Giới (có thể đây là hai vương quốc trên đất Lào ngày nay), chinh phục nhiều bộ lạc khác như Che Phou, Siu Lang, Khiu Tou, Kan Lou và Fou Tan (có thể là những bộ lạc thiểu số gốc Thái trên dãy Trường Sơn), tăng cường số phụ nữ mang về từ các lãnh thổ đánh chiếm được và tăng nhân số trong quân đội (khoảng từ 40.000 đến 50.000 người).

Năm 340, Phạm Văn xin nhà Đông Tấn cho sát nhập quận Nhật Nam, gồm các huyện Tây Quyển, Tỹ Cảnh, Chu Ngô, Lô Dung và một phần đất phía nam quận Cửu Chân huyện Hàm Hoan (Thanh Hóa) vào lãnh thổ Lâm Ấp nhưng không được toại nguyện. Phạm Văn liền xua quân tiến công vào nội địa Nhật Nam, chiếm huyện Tây Quyển, giết sứ Hạp Hầu Lâm, lấy mũi Hoàn Sơn (nam Thanh Hóa) làm biên giới phía bắc, cho xây lại thành Khu Túc (cạnh sông Gianh) phòng giữ. Từ đó phần lãnh thổ từ đèo Ngang trở xuống thuộc về Lâm Ấp và cũng kể từ đó phía bắc đèo Ngang là nơi xảy ra những trận thư hùng giữa Lâm Ấp và Giao Châu trong suốt hai thế kỷ 4 và 5. Năm 349 nhà Đông Tấn phản công, quân Lâm Ấp bị đánh bại, Phạm Văn bị trọng thương và qua đời, con là Phạm Phật (Fan Fo) lên thay.

Phạm Phật là một vị tướng tài ba, được nhiều sử gia cho là người mở đầu vương triều Gangaraja (Bắc Chiêm Thành). Vừa lên ngôi, Phạm Phật tấn công quân Đông Tấn tại Nhật Nam và vây thành Cửu Chân. Năm 351, quân Lâm Ấp bị đánh bại phải bỏ chạy về phía tây tại Lăng Hồ, huyện Thọ Lãnh (Thanh Hóa), thành Khu Túc bị chiếm, ranh giới được thiết lập lại tại huyện Tỹ Cảnh gần sông Nhật Lệ (Quảng Bình). Năm 359, quân Đông Tấn chiếm huyện Thọ Lãnh và đánh bại quân Lâm Ấp tại vịnh Ôn Cấn, chiếm thành Khu Túc ; Phạm Phật xin hòa và gửi sứ bộ sang Trung Hoa triều cống (372 và 377). Phạm Phật mất năm 380 nhường ngôi cho con là Phạm Hồ Đạt.

Phạm Hồ Đạt (Fan Houta) được nhiều học giả cho là vua Dharmamaharaja, hiệu Bhadravarman I, người sáng lập vương triều Gangaraja. Dưới thời Phạm Hồ Đạt, Phật giáo tiểu thừa (Thevada) phát triển mạnh, nhiều nhà sư đến trực tiếp từ Ấn Độ sang truyền đạo. Thành Khu Lật (Huế) vẫn là trung tâm chính trị nhưng đổi tên thành Kandapurpura, nghĩa là Phật Bảo Thành (vì là nơi có nhiều đền đài và hình tượng Phật và Siva). Bên cạnh đó nhà vua còn cho xây dựng thêm một trung tâm tôn giáo mới tại Amavarati, tức thánh địa Hào Quang (nay là Mỹ Sơn, một thung lũng cách Đà Nẵng 70km về phía tây). Nhiều đền thờ Bà La Môn được xây dựng tại Mỹ Sơn để thờ thần Siva và tượng Linga, tượng trưng sức mạnh phái nam. Ngôi đền đầu tiên được xây bằng gỗ vào cuối thế kỷ 4 mang tên Bradresvara, kết hợp giữa tên vua Bradravarman I và thần Isvara (hay Siva). Kể từ thế kỷ thứ 4 trở đi lãnh tụ chính trị và tôn giáo tại Lâm Ấp là một : thờ thần tức thờ vua, vua thay mặt thần Siva cai quản muôn dân. Siva vừa là thần bảo hộ xứ sở vừa là vị thần giữ đền (Dvarapala) để dân chúng đến thờ phượng và dâng lễ vật.

Năm 399, Phạm Hồ Đạt mang quân chiếm quận Nhật Nam, giết thái thú Khổng Nguyên, tiến công quận Cửu Đức, bắt sống thái thú Tào Bình nhưng bị quân của thống chế Đỗ Viện đánh bại phải rút về dưới đèo Ngang. Năm 413, Phạm Hồ Đạt mang bộ binh chiếm đóng Nhật Nam, ra lệnh cho thủy binh đổ bộ vào Cửu Chân đốt phá các làng xã ven duyên. Thứ sử Đỗ Tuệ Độ mang quân ra nghênh chiến, chém được con của Phạm Hồ Đạt là Phạm Trân Trân (tiểu vương đất Giao Long) và tướng Phạm Kiện, bắt làm tù binh hơn 100 người, trong có một hoàng tử tên Na Neng, tất cả đều bị chém đầu. Phạm Hồ Đạt trốn vào rừng sâu rồi mất tích. Trong khi chưa tìm được một vị vua mới, triều đình Lâm Ấp tiếp tục triều cống Trung Hoa để được yên về chính trị.

Trong thời gian từ 413 đến 420, con cháu Phạm Hồ Đạt tranh giành ngôi vua, nội chiến xảy ra khắp nơi. Năm 413, một người con của Phạm Hồ Đạt là Dịch Chấn (Ti Chen), đạo sĩ Bà La Môn, được triều thần đưa lên ngôi vua, hiệu Gangaraja (sông Gange bên Ấn Độ). Dịch Chấn là người đam mê văn hóa Ấn Độ muốn nhường ngôi cho em là Dịch Khải (Ti Kai) để sang Ấn Độ sống những ngày cuối đời, nhưng Dịch Khải sợ bị triều thần ám hại, dẫn mẹ chạy trốn vào rừng. Ngôi báu đành nhường cho Manorathavarman, cháu Dịch Chấn nhưng tể tướng Thiệu Lâm (Tsang Lin)

chống lại vì người này không được sinh ra từ một người mẹ có dòng máu tinh khiết (tức đẳng cấp Brahman), nên bị Manorathavarman giết chết.

3. Triều vương thứ ba (420-530) : tranh chấp với Trung Hoa

Năm 420, con cháu của Thiếu Lâm ám sát vua Manorathavarman và đưa người em cùng mẹ khác cha của Địch Chấn là Văn Địch (Wen Ti) lên thay. Văn Địch xưng hiệu là Phạm Dương Mai I (Yan Mah hay Fan Yang Mai), có nghĩa là Hoàng tử Vàng, nhưng không trị vì lâu vì bị chết trong một cuộc tấn công của quân Đông Tấn. Con là thái tử Đốt, 19 tuổi, được nhà Đông Tấn phong vương năm 421, hiệu Dương Mai II.

Nhân tình thế loạn lạc bên Trung Hoa (nhà Tống dẹp nhà Đông Tấn), năm 431, Dương Mai II dẫn hơn 100 chiến thuyền tấn công các làng ven biển tại cửa Thọ Lãnh, Tứ Hội và Châu Ngô (quận Nhật Nam và Cửu Chân) nhưng bị đánh bại, quân Tống chiếm thành Khu Lật, Dương Mai II chạy trốn ra Cù Lao Chàm (Quảng Nam). Năm 433, Dương Mai II xin "lãnh" đất Giao Châu về cai trị nhưng vua Tống không chịu, chiến tranh lại xảy ra. Năm 443 vua Tống Du Long phong thống chế Đàn Hòa Chi làm thứ sử Giao Châu, cùng hai phó tướng là Tống Xác và Túc Canh Hiến, mang đại quân đánh Lâm Ấp, Phạm Dương Mai II chạy thoát được ra cửa Tượng Phố, vịnh Bành Long (Bình Định), tổ chức lại lực lượng, tăng cường thêm nhiều đội tượng binh rồi ra lệnh tổng phản công nhưng không địch nổi quân Nam Tống. Những người sống sót chạy sang Láng Cháng (Luang Prabang tại Bắc Lào) tị nạn, một số chạy đến Champassak (Nam Lào) ẩn náu. Đàn Hòa Chi thu rất nhiều vàng bạc, châu báu, tượng đồng và đập phá rất nhiều đền đài. Sử Trung Hoa (*Tống Thư*) chép rằng Đàn Hòa Chi lấy được nhiều tượng vàng (mười người mới ôm xuể), đem nấu chảy nấu được hơn 10 vạn cân (50.000 kí-lô vàng y?). Từ đó Trung Hoa biết Lâm Ấp có nhiều vàng nên mỗi khi có dịp là tiến quân xuống đánh cướp. Trong thời này, nhiều nhà sư Phật giáo Trung Hoa ái mộ nét kiến trúc và tượng đài trong các đền thờ tại Mỹ Sơn sang Lâm Ấp tìm hiểu và học hỏi rất đông, nhiều tượng Bồ Tát của Phật giáo Đại Thừa Trung Hoa được tìm thấy trong các chùa (chùa Quảng Khê) trong vùng.

Trong lúc chạy trốn về phía nam, Dương Mai II chinh phục luôn các tiểu vương tại Vijaya (Bình Định), Aryaru (Phú Yên), thống nhất lãnh thổ phía Bắc. Năm 443, Dương Mai II về lại Khu Lật, thấy cảnh hoang tàn, buồn rầu rồi mất năm 446. Lãnh thổ phía Bắc của Lâm Ấp bị đẩy lùi về huyện Lô Dung (Thừa Thiên), con cháu Dương Mai II lại tranh chấp quyền hành.

Năm 455 con Dương Mai II là Phạm Chút (Fan Tou) lên ngôi, hiệu Trần Thành (Devanika). Trung tâm chính trị vẫn tại Khu Lật, nhưng Trần Thành cho xây dựng thêm một trung tâm văn hóa và tôn giáo mới tại Amaravati, gọi là thánh địa Hào Quang (Mỹ Sơn, Quảng Nam). Vương quốc Lâm Ấp tiếp tục được mở rộng xuống phía nam đến tận sông Ba (Tuy Hòa), thuộc lãnh thổ Aryaru (Phú Yên)

và vùng núi non phía tây lân cận (cao nguyên Kontum, Darlac), và phía tây tới Champassak (Nam Lào), nhiều bộ lạc Thượng sống trên dãy Trường Sơn cũng theo về triều cống. Phạm Trần Thành mất năm 472, Lâm Ấp không có vua, nội bộ triều đình có biến động.

Năm 484, một người Khmer tên Phạm Đăng Căn Thăng (Kieou Tcheou Lo), con vua Phù Nam Jayavarman tị nạn tại Lâm Ấp, cướp ngôi và cầm quyền trong gần 20 năm. Năm 492, con Phạm Trần Thành là Phạm Chư Nông giết Căn Thăng giành lại ngôi báu. Phạm Chư Nông bị chết đuối năm 498, con cháu tiếp tục trị vì đến năm 527 : Phạm Văn Tổn (Fan Wen Kuoan) trị vì từ 498 đến 502, Phạm Thiên Khởi hiệu Devavarman (510-514) và Cao Thúc Thăng Khởi hiệu Vijayavarman hay Bất Tô Bất Ma (526-527).

4. Triều vương thứ tư (529-757) : củng cố và ổn định lãnh thổ

Năm 529, Vijayavarman mất không người kế tự. Triều đình Lâm Ấp phong Luật Đa La Bất Ma lên làm vua, hiệu Rudravarman I. Năm 577 Luật Đa La Bất Ma mất, con là Prasastadharma lên kế nghiệp, hiệu Phạm Phạn Chi (Sambhuvarman). Dưới thời Phạm Phạn Chi, văn hóa Lâm Ấp tỏa rộng khắp Đông Nam Á. Năm 598, nhà Tùy chiếm đóng Lâm Ấp và phân chia thành ba châu : châu Hoan (Tỷ Cảnh), châu Ái (Hải Âm) và châu Trong (Khương). Năm 605, Phạm Phạn Chi dời kinh đô về Sinhapura, thành phố Sư Tử (nay là Trà Kiệu, cạnh sông Thu Bồn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam). Danh xưng Campa (Chiêm Thành) chính thức xuất hiện trong thời này.

Năm 629 Phạm Phạn Chi mất, con là Phạm Đầu Lê (Kandharpardharma) kế nghiệp. Năm 645 Phạm Đầu Lê qua đời, vương triều Lâm Ấp loạn lạc. Phạm Trấn Long (Prabhasadharma), con Đầu Lê, vừa giành được ngôi vua liền bị giết chết, dân chúng đưa con trai của một công chúa, em gái của Trấn Long, tên Chư Cát Địa lên làm vua, hiệu Bhadresvaravarman (sự ghép tên giữa thần Bradresvara và vị tổ Bradravarman). Chư Cát Địa làm vua được một năm (646) thì bị triều thần lật đổ, công chúa Tchou Koti, con gái của chánh phi của Phạm Đầu Lê, được tôn lên làm nữ vương, hiệu Jagaddharma. Đức độ của bà Jagaddharma rất được dân chúng kính trọng. Sau khi qua đời, nữ vương Jagaddharma được dân chúng lập đền thờ tại tháp Po Nagar (Xóm Bống, Nha Trang).

Năm 653 Tchou Koti nhường ngôi cho chồng (người Khmer) tên Prakasadharma (Po Kiachopamo), hiệu Vikrantavarman I. Năm 685, Vikrantavarman I qua đời, nhường ngôi cho con là Vikrantavarman II (Kientotamo).

Dưới thời Vikrantavarman II, văn hóa Lâm Ấp tỏa khắp Đông Nam Á, các quốc gia lân bang đều muốn kết thân. Năm 731, Vikrantavarman II qua đời, con là Rudravarman II (Lutolo) trị vì đến năm 757 thì mất. Con là Bhadravarman II lên thay nhưng bị các vương tôn miền Nam hạ bệ, chấm dứt vai trò lãnh đạo của vương triều miền Bắc.

Nguyễn Văn Huy

Đức Chúa Trời và Phật Thích Ca là một ?

LTS : Hội Thánh Tin Lành Việt Nam xin mở một giáo đường ở Thanh Hóa và được "hướng dẫn" tới Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam để giải quyết. Những sự kiện này đã gợi cho ông Phạm Quế Dương một số suy nghĩ.

[...] Tổng Hội Thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc được thành lập 13-3-1955. Điều lệ của Giáo hội được Nhà Nước công nhận năm 1963. Từ 1988 đến 2001, hoạt động của Giáo hội gặp nhiều khó khăn vì không thể tổ chức họp Hội đồng hàng năm được do nhiều vị lãnh đạo cao nhất của Giáo hội đã qua đời. Tất cả bây giờ chỉ còn 4 vị.

Ngày 8-8-2001, Ban Trị Sự Tổng Hội phải họp để lo việc điều hành hoạt động bình thường của Giáo hội. Nhưng ngày 27-8-2001, Ban Tôn giáo Chính phủ có công văn không công nhận cuộc họp này. Do vậy, việc chuẩn bị cho Đại hội đồng Tổng hội lần thứ 32 theo ý kiến của Nhà Nước rất là khó khăn... Đồng thời, Giáo hội xin tôn tạo nhà thờ tại thành phố Vinh, lâu nay bị các cơ quan nhà nước chiếm dụng, vừa bị phá đi. Và cũng xin tôn tạo nhà thờ ở thành phố Thanh Hóa. Tất cả nội dung trên được viết trong Đơn thỉnh nguyện, ngày 7-5-2002, của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc, có chữ ký của 13 vị mục sư, giảng sư. Vậy mà, Giáo hội Tin Lành lại nhận được sự trả lời bằng Phiếu Hướng Dẫn của Vụ Thanh tra xét khiếu tố. Toàn văn như sau :

"Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2002

Phiếu Hướng Dẫn

Kính gửi: Ông (bà) Đào Ngọc Huệ

Địa chỉ: Hội thánh tin lành việt nam, số 2 Ngõ Trạm, thành phố Hà Nội

Thanh tra Nhà nước đã nhận được đơn của ông (bà),

Đơn có nội dung : Kiến nghị những vấn đề trong hoạt động của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam Miền Bắc trụ sở tại số 2 Ngõ Trạm, Hà Nội.

Sau khi xem xét nội dung trình bày, căn cứ Luật Khiếu nại tố cáo. Thanh tra Nhà nước trả lại đơn và hướng dẫn ông (bà) trình đơn đến : Ban trị sự Hội Phật Giáo Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm xem xét.

Vụ thanh tra xét khiếu tố, Thanh tra viên

Võ Thị Quế

(ký tên và đóng dấu)"

Buồn cười không ! Đơn Thỉnh Nguyện là lời đề nghị, cầu xin chứ đâu phải là Đơn Khiếu nại, tố cáo. [...]

Phiếu Hướng Dẫn để nguyên chữ in sẵn, gọi trống không là Ông (bà), kính gửi ông Đào Ngọc Huệ là Mục sư ký tên cùng trong đơn 13 chữ ký có chức sắc rõ ràng. Nội dung bảo Hội Thánh Tin Lành phải đến Ban Trị Sự Hội Phật Giáo Việt Nam để giải quyết. Vài ngày sau họ nhận được văn bản của Hội Thánh Tin Lành, toàn văn như sau:

"Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2002

Kính gửi: Ông Tạ Hữu Thanh, Tổng Thanh tra Nhà nước
Thưa Quý Ông,

Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam miền Bắc chúng tôi đã nhận được công văn có tên "Phiếu hướng dẫn" của Thanh tra Nhà nước (Vụ Thanh tra xét khiếu tố, số 67897/HD-XKT đề ngày 31 tháng 5 năm 2002) gửi cho ông Đào Ngọc Huệ, là Ủy viên của Ban Trị sự Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam miền Bắc. Nội dung của "Phiếu hướng dẫn" là : Căn cứ vào nội dung của "Đơn Thỉnh Nguyện" (đề ngày 7 tháng 5 năm 2002) của các vị chức sắc thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam miền Bắc, và "căn cứ Luật Khiếu nại tố cáo, Thanh tra Nhà nước trả lại đơn và hướng dẫn ông (bà) trình đơn đến Ban Trị sự Hội Phật giáo Việt Nam, là cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm xem xét".

Ban Trị sự Tổng hội và hàng ngũ các giáo phẩm của Giáo hội Tin lành Việt Nam miền Bắc chúng tôi sau khi đọc kỹ nội dung của "Phiếu Hướng Dẫn" trên đây, vô cùng hoang mang và cảm thấy như bị sỉ nhục, vì :

1. "Đơn Thỉnh Nguyện" của Giáo phẩm thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam miền Bắc được gửi đến Thủ tướng Chính phủ, và Đồng Kinh gửi đến Ông Trưởng ban Dân vận Trung ương Đảng, Ban Tôn giáo của Chính phủ để xin Đảng và Nhà nước xem xét giải quyết những vấn đề bức xúc trong hoạt động của Giáo hội chúng tôi, chứ không phải khiếu nại, tố cáo hoặc kiện tụng một cá nhân hoặc tổ chức nào cả. Chúng tôi không biết vì sao "Đơn Thỉnh Nguyện" này không đến được Thủ tướng Chính phủ, mà lại được chuyển qua Thanh tra Nhà nước?

2. Hội thánh Tin lành Việt Nam miền Bắc là một tổ chức tôn giáo có tư cách pháp nhân (đã được Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công nhận từ năm 1955), độc lập và khác biệt hoàn toàn với Hội Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi xin quý Ông soi xét, chỉ dạy và giảng giải cho chúng tôi được rõ là : vì sao Giáo hội Tin lành (một tôn giáo tôn vinh Đức Chúa Trời Ba Ngôi) lại phải trình đơn đến Hội Phật Giáo (là tôn giáo thờ Đức Phật Thích Ca) để được xem xét và giải quyết ?

Chúng tôi rất mong sớm nhận được hồi âm của Ông Tổng Thanh tra Nhà nước, và xin kính gửi tới quý Ông lời chào trân trọng.

Ban trị sự tổng hội - Ủy viên thường trực

Giảng sư Lý Tiến Lưu

(ký tên và đóng dấu)"

Ngày 14-6-2002, thừa lệnh Tổng Thanh tra Nhà nước, vụ trưởng Vụ thanh tra xét khiếu tố - Đặng Xuân Thao, có công văn "Thành thật xin lỗi", kính gửi Tổng Hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam miền Bắc. Như thế cũng còn khá. Biết nhận khuyết điểm. Xem đây, mới thông cảm cái việc cách đây mấy năm, bà phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận Ba Đình - Hà Nội, ký Quyết định điều ông Nguyễn Vũ Cường từ chùa Một Cột đi nơi khác. Ông này là Đại Đức Thích Tâm Kiên, nhưng văn bản chỉ gọi tên tục là như vậy và chính quyền điều động "Sư" dễ hơn điều "Linh" như vậy thì cũng dễ hiểu thôi. Chính quyền Trung ương đối với tôn giáo còn hiểu biết lơ mơ lơ mơ thế thì cấp quận sao không lơ mơ lơ mơ với tôn giáo được. Họ nhầm lẫn Đức Chúa Trời với Đức Phật Thích Ca là một nên họ xử án Lê Chí Quang thế thì có gì là lạ!

Phạm Quế Dương (Hà Nội)

Nhà nước

Một vài nhận định

Phạm Việt Vinh

Ngay cả hiện nay, "Nhà nước" vẫn là một khái niệm hoàn toàn không dứt khoát. Trong các bài giảng Khoa học Chính trị tại phương Tây người ta cũng thừa nhận rằng : đối với các nhà khoa học, chưa hề có một định nghĩa thống nhất thế nào là "Nhà nước".

Lý thuyết truyền thống về Nhà nước (cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20) cho rằng một Nhà nước được tồn tại bởi ba thành tố : Một lãnh thổ nhất định, Một khối quần chúng (nhân dân) nhất định, Một hệ thống quyền lực độc lập, tự chủ ; và thêm vào đó là tư cách pháp nhân của Nhà nước. Định nghĩa này mang mô hình một cái tháp : phần dưới là lãnh thổ, ở giữa là nhân dân, và phần đỉnh tháp là cơ quan quyền lực tối cao. Ý niệm Nhà nước (State) như vậy có vẻ như gần gũi hơn với thực thể một Quốc gia (Nation), vì vậy, đã nảy sinh ra khái niệm Nhà nước Quốc gia. Tuy nhiên, chính điều này sẽ gây ra nhiều lúng túng : Nhà nước-State (tương lai) của người Palestin có thể sẽ là một "Quốc gia" kiểu này, nhưng vẫn không được gọi là một "Nation", phải chăng là vì chưa có một "khối nhân dân nhất định" và "một vùng lãnh thổ chắc chắn" ? Các tiểu bang của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (United States) cứ tạm coi là có một cơ quan quyền lực tối cao và một vùng lãnh thổ xác định, nhưng cư dân cứ tự do ngang dọc sang các tiểu bang khác, thì làm sao có thể được gọi là "State" theo nghĩa Quốc gia trên, khi ta hiểu Hợp chủng quốc là một Tập hợp của nhiều Quốc gia ? Có nghĩa là, thế giới vẫn còn phải đi thêm nhiều bước nữa để đến một định nghĩa rõ ràng hơn về khái niệm Nhà nước-State. Thông thường, trong thực tế, "Nhà nước" cũng có thể được hiểu không phải theo nghĩa "hình tháp" hay "State" như trên, mà là "cái chóp của hình tháp" - là cơ quan quyền lực tối cao của một Quốc gia. Khi này, "Nhà nước" là Chính quyền. Các "Cơ quan chính quyền" chính là "Bộ máy nhà nước" - chứ không phải là "Bộ máy của một nhà nước" ! Sự thống nhất tạm như vậy là điều kiện cho các ý kiến sau đây về vấn đề Nhà nước.

Khi đồng ý như vậy, một khác biệt cơ bản sẽ hiện ra giữa Quốc gia và Nhà nước : Một Quốc gia (hay là Tổ quốc) - nếu không bị tiêu diệt, thì mặc dù có được "bành trướng" ra hay thu hẹp lại, bao giờ cũng là một thực thể xác định, nó không phụ thuộc vào hình thái xã hội, không phụ thuộc vào ý thức hệ hoặc bất kỳ tư tưởng chính thống nào ngự trị trong xã hội cũng như trong bộ máy nhà nước. Quốc gia là trung lập, là vô tính, còn Nhà nước thì không như vậy! Nhà nước- theo nghĩa là cơ quan quyền lực tối cao, bao giờ cũng nằm trong tay một nhóm người hay một nhóm đảng phái mang theo những chính kiến nhất định. Ngay cả khi toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước được tuân theo hiến pháp thì cả bản hiến pháp đó cùng với những đạo luật tiếp theo cũng chỉ là sản phẩm của những cá nhân, những nhóm, những đảng phái (hoặc là của đa số nhân dân trong một đất nước dân chủ) có sẵn ít nhiều ý tưởng chính

trị ban đầu. Nhà nước, vì thế- hoàn toàn phụ thuộc vào yếu tố con người, nên luôn luôn chứa đựng những sắc màu chính trị. Quốc gia- ít nhất cũng mang trong nó yếu tố "bất động" là đất đai, độc lập một cách tương đối với con người, vì vậy, có thể nói là "vô chính trị". Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, Việt Nam đã có những thể chế khác nhau, và kèm theo đó là những kiểu hình nhà nước khác nhau : từ nhà nước phong kiến, nhà nước thuộc địa, cho đến các nhà nước cộng hòa, nhà nước xã hội chủ nghĩa ; từ nhà nước quân chủ, nhà nước tương đối dân chủ, cho đến nhà nước hoàn toàn phi dân chủ. Nhưng Tổ quốc, Quốc gia Việt Nam thì vẫn thế, vẫn chỉ là một - tuy hình hài có ít nhiều thay đổi. Khẩu hiệu "Tổ quốc trên hết" - nếu không bị gắn thêm một cái đuôi tư tưởng nào đó, đối với một Quốc gia, có thể được coi như một định đề.

Vì lẽ trên, bất một nhà nước phải mang những danh hiệu định hướng chính trị, bao giờ cũng là một việc làm khiên cưỡng và thiển cận. Nếu dùng theo ngôn từ của những người cộng sản, thì đó là điều "phi biện chứng". Khi đã biết "không có điều gì là tuyệt đối" và mọi sự đều vận động, đổi thay, thì tại sao lại phải "nhốt chặt" nhà nước vào cái khung "xã hội chủ nghĩa" ? Thời cận đại và đương đại, danh từ "Cộng hòa" chỉ mang tải những định chế cấu thành một nhà nước. Khác với hình thái phong kiến và quân chủ, nhà nước cộng hòa dựa trên hệ thống "Tam quyền phân lập", gồm : Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Cấu trúc này đảm bảo cho sự vận hành có hiệu quả của một nhà nước, và điều quan trọng nhất, là để thực thi được quyền làm chủ đất nước của nhân dân. Mang danh "Cộng hòa" tức là nhà nước đã tự định cho mình trách nhiệm bảo vệ dân chủ. Khi không còn dân chủ, một Nhà nước cộng hòa đã phản bội chính cái "danh" của mình- nó là một "Kẻ mạo danh" ! Còn khi cho cái tên Cộng hòa mọc thêm một cái đuôi nào đó, tức là đã phủ lên nhà nước một tấm lưới chính thống và có ý đồ hạn chế dân chủ- nói chung, đó là hành vi không thông minh và phản tiến bộ.

Xưa kia, nhà nước phát xít Đức lấy tên "Xã hội chủ nghĩa quốc gia". Nó đã công khai vứt bỏ đi hai chữ "Cộng hòa" (từ thời Weimar), theo đuổi chủ nghĩa "Quốc xã" tạo ra tằm thắm kịch ghê rợn nhất trong lịch sử loài người. Hiện tại, các nhà nước "Cộng hòa Hồi giáo" coi một tín ngưỡng là "quốc giáo", đương nhiên sẽ chèn ép những người theo tín ngưỡng khác. Thực tế, họ vẫn luôn luôn là mối lo cho thế giới và là một thực thể kìm kẹp chính công dân của mình. Các nhà nước "Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa" đương nhiên là sẽ không "cộng" và "hòa" - tức là sẽ không thể dân chủ với những người "không xã hội chủ nghĩa". Bất mọi người "yêu nước tức là phải yêu Chủ nghĩa xã hội" là vì như vậy. Một nhà nước mang những cái tên dài dài như trên bao giờ cũng có một cấu trúc đàn áp tương ứng để đè bẹp những ai khác chính kiến. Chắc chắn rằng, cái vòng kim cô "xã hội chủ nghĩa" đã là "bà đỡ" cho hàng loạt những cơ quan "an ninh chính trị", "ban tư tưởng văn hóa" cùng với một hệ thống công an đồ sộ và một "siêu nhà nước" với các ban, ngành đầy quyền uy của Trung ương các

đảng cộng sản cầm quyền.

Nhìn chung, tên tuổi của một nhà nước cũng có thể cho thấy rõ cơ cấu hoạt động của một chính quyền. Nhưng thực tế, danh xưng là một điều dễ dàng thay đổi ; và có người sẽ tận dụng điều này với lý do "chiến thuật", "cho từng giai đoạn lịch sử". Tại Việt Nam, khi cần sự ủng hộ của cộng đồng thế giới, thì người ta có nhà nước "Dân chủ cộng hòa" với dáng hình có vẻ như "đa đảng". Khi đắc thắng trên chiến trường và tin tưởng tuyệt đối vào sự "toàn thắng đã tới gần" của Hệ thống xã hội chủ nghĩa thì người ta đuổi khéo đảng Xã hội và đảng Dân chủ "về hưu" và công khai ra mặt "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa" với chiến chiến dịch "cải tạo (tức là tiêu diệt) tư bản miền Nam. Việc thay đổi tên họ kiểu này chỉ chứng tỏ một sự thiếu hụt tư tưởng và một thái độ "ma lanh" ! Với khẩu hiệu "Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" hiện nay, không biết chính quyền Hà nội có sắp đổi tên thành "Nhà nước Tư bản Xã hội chủ nghĩa" hay không, nhưng chắc chắn rằng kể cả lúc đó, đất nước này vẫn không được quyền hy vọng nhiều, khi mà vị lãnh đạo cao nhất - ông Nông Đức Mạnh, vẫn "tâm sự" với báo chí là theo ông, "nhân loại vẫn đang tiến về Chủ nghĩa xã hội". Nghĩa là, với kẻ gian manh, tên tuổi của nhà nước có lúc chỉ là một tấm mạng che. Vấn đề là phải gạt được tấm mạng đó để nhìn cho rõ những bàn tay đang vận hành guồng máy nhà nước. Tại đây, một câu hỏi sẽ được đặt ra: Nhà nước được vận hành, vậy thì phải chăng, nhà nước là một thứ công cụ ? và nếu thế, thì là công cụ của ai ? dùng để là gì ?

Nhiều nhận định cho rằng, thời tiền sử, vào lúc khai sinh của những chính quyền phong kiến thô sơ, nhà nước chưa phải gánh trên vai chức năng "công cụ". Quyền cai trị thực tế và trực tiếp - kể cả quyền điều động quân đội, khi đó thuộc về các lãnh chúa địa phương. Triều đình cùng với ngai vàng được các lãnh chúa dựng lên nói chung là một thực thể "đại diện", có chức năng liên kết, hòa giải, và nhiều khi, chỉ có vai trò tế, lễ. Cho đến khi một lãnh chúa mạnh nhất lên nắm ngai vàng và không thỏa mãn với vị trí khiêm tốn của mình, biến triều đình trung ương thành cơ cấu tập trung mọi quyền lực, thì lúc đó, nhà nước "phong kiến tập trung" mới trở thành công cụ của vua, hoặc của những kẻ đứng sau vua. Trong các thể chế "cộng hòa" đầu tiên và thời tiền tư bản, trái với ý nguyện dân chủ của những người "cộng hòa lý tưởng", một mặt, "Tam quyền" chưa được "phân lập", mặt khác, Nghị viện- cơ quan lập pháp, lại chỉ là nơi tập hợp của tầng lớp quý tộc và giới chủ, nên thực chất, nhà nước là công cụ phục vụ và bảo vệ quyền lợi của các giai tầng trên. Chủ nghĩa Mác- Lê nin đã dựa, và không may là chỉ dựa vào hiện tượng này. Khi nhận thức rằng : "Nhà nước là công cụ trong tay giai cấp thống trị nhằm trấn áp những kẻ thù giai cấp... Chuyên chính là quyền lực đặt nền tảng trực tiếp trên bạo lực và không thể bị chi phối bởi bất kỳ một luật pháp nào", rồi đi đến kết luận : "Nhà nước vô sản là công cụ thống trị của giai cấp vô sản" thì rõ ràng, Lê nin - ông tổ của các hình thái nhà nước xã hội chủ nghĩa đã và đang hiện hành - đã

đi đúng vào vết lầy "phi dân chủ" cũ, với khuôn mặt "ông chủ thống trị mới", nhưng với một thái độ công khai và sắt máu hơn.

Lê nin đã không nhận thấy rằng, với sự thăng tiến mọi mặt của loài người, với khả năng tự cải tiến vô song của chế độ tư bản, khi mà "Tam quyền" dần dần được thực sự "phân lập", đảm bảo cho sức mạnh của mọi tầng lớp được phát huy trong các guồng máy nhà nước và xã hội, thì các nhà nước tiên tiến hiện nay không còn là "công cụ thống trị" của một giai cấp nào nữa. Thực chất, một nhà nước dân chủ hiện đại sẽ không phải là "công cụ" của bất kỳ một ai. Phải chăng, hiện nay, nếu coi "nhà nước là công cụ", tức là đã bị vướng vào cách nhìn của những nhà cách mạng xa xưa ? Ngay cả tại những chế độ dân chủ hiện tại, khi một hay vài chính đảng được tín nhiệm nắm chính quyền lẽo lái quốc gia, thì việc các chính đảng đó hành sự và cố gắng đưa vào chính sách nhà nước những ý tưởng chính trị-suy cho cùng, cũng chỉ là những hoạt động mang tính "ủy nhiệm" bởi những cử tri đã bầu cho họ.

Có thể kết luận rằng : Một nhà nước gắn với ý thức hệ, một nhà nước phi dân chủ, luôn luôn là "công cụ" của một vài người, hoặc của một vài nhóm người nào đó, nhưng không bao giờ là "công cụ" của toàn dân ; một nhà nước dân chủ, phục vụ quốc gia không phải là "công cụ", mà là một thực thể "Đại diện", một "Đối tác ăn lương", được quốc dân trao cho những quyền hạn, chức năng. Về mặt ngữ nghĩa, danh hiệu "Đại diện" cũng phù hợp hơn cho một nhà nước dân chủ. "Công cụ" là bất động, vô tri ; còn "Đại diện" - trong thực tế là được trao cho nhiệm vụ suy tính và quyết định những hoạt động nhiều khi hoàn toàn độc lập. Có lẽ, khi xác định được tư cách Đại diện của nhà nước cho một tập hợp nhân dân đa dạng, với nhiều quyền lợi khác nhau như vậy, người ta mới thấy rõ được bản chất và tính tất yếu của "Đa nguyên chính trị". Khi đó, sự cải tiến, thậm chí đổi thay bộ máy Đại diện- gồm cả ba cơ quan quyền lực cao nhất, sẽ không thể bị coi là chống phá quốc gia, mà là những vận động lành mạnh và tự nhiên. Thêm nữa, quan niệm Nhà nước là Đại diện như vậy mới mở rộng đường cho những suy nghĩ chính xác hơn, những phương sách khoa học và thông minh hơn về các hiện tượng đầy phức tạp như Nhà nước nhẹ, Nhà nước trung gian, Nhà nước hòa giải... cũng như sự chia sẻ quyền lực của nhà nước trong một xã hội công dân và trong môi trường Toàn cầu hóa đầy biến động hiện nay.

Phạm Việt Vinh
(Berlin, 11.2002)

Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng.

(*Thành Công Thế Kỷ 21*, Phần tóm lược, trong 133)

Thời sự quốc tế và Việt Nam

Đôi thủ mới của Hoa Kỳ trong thế kỷ 21 ?

Một sự kiện ít được dư luận chú ý tới, đó là sự ra đời của một thế lực kinh tế mới, đối thủ đồng hạng của Hoa Kỳ ít nhất trong nửa đầu thế kỷ 21.

Ngày 12-12-2002 Hội nghị thượng đỉnh Copenhagen, thủ đô Đan Mạch, vừa thông qua sự gia nhập chính thức của 10 quốc gia mới vào Liên Hiệp Châu Âu năm 2004, nâng tổng số quốc gia thành viên lên 25 thay vì 15 như trước đây. Với sự gia nhập này, tổng diện tích của Liên Hiệp Châu Âu xấp xỉ 3,5 triệu cây số vuông, một dân số 454 triệu người và một tổng sản lượng kinh tế lớn nhất thế giới. Trong thời gian tới sẽ còn nhiều quốc gia khác gõ cửa xin vào.

Thấy gì qua sự mở rộng này ? Người Châu Âu muốn lớn mạnh ngang bằng nước Mỹ.

Giấc mơ này, được nuôi dưỡng từ hơn 50 năm qua, đang dần dần thành hình. Từ sau đệ nhị thế chiến, dân chúng trên "lục địa già" Châu Âu mang rất nhiều mặc cảm trước sức mạnh áp đảo của Hoa Kỳ. Người Đức và Ý đau đớn bị Hoa Kỳ đánh bại, người Pháp và Tây Âu sống trong mặc cảm vì phải trông cậy vào Hoa Kỳ để thoát cảnh đói rách, các quốc gia Đông Âu cũ chỉ muốn được Hoa Kỳ bảo vệ trước sự chèn ép của người Nga. Nói chung "giấc mơ Hoa Kỳ" đã quá lớn để mọi người Châu Âu hướng tới.

Tình cờ trong cuộc chạy đua giành ngôi vị chiếu trên, chia sẻ vai trò lãnh đạo thế giới, những quốc gia sáng lập Liên Hiệp Châu Âu, nhất là Pháp, nhận thấy họ không những có thể lớn bằng mà còn lớn hơn Hoa Kỳ nếu được nhiều quốc gia khác gia nhập vào. Và thực tế đang chứng minh, về kinh tế, Liên Hiệp Châu Âu đang lấn át Hoa Kỳ trên nhiều lãnh vực, đặc biệt là trong các lãnh vực căn bản đã tạo nên sức mạnh của Hoa Kỳ là không gian, hàng hải, truyền tin, tài chánh và nông nghiệp.

Trong thời gian tới, nếu các quốc gia thành viên Liên Hiệp Châu Âu thống nhất được với nhau trong việc thành lập một định chế chính trị thống nhất, nghĩa là có một chính sách ngoại giao và quốc phòng duy nhất, Liên Hiệp Châu Âu sẽ vượt ra khỏi tầm vóc đồng minh để trở thành một đối thủ đáng gờm.

"Lục địa già" đang thay da đổi thịt để cạnh tranh với "Thế giới mới" trong những ngày sắp tới.

Người Việt ăn Tết Congo

Khoảng 600 người Việt đã được đưa tới Cộng hòa Congo (Brazzaville), trong chương trình hợp tác lương thực được ký kết giữa hai chính phủ Việt Nam và Congo-Brazzaville, sau chuyến công du của chủ tịch nước Trần Đức Lương hồi cuối tháng 10 vừa qua.

Tên chính thức của sự hợp tác này là Chương trình an toàn lương thực, được sự bảo trợ của cơ quan FAO (Liên Hiệp Quốc), nhằm giúp nước Cộng hòa Congo-Brazzaville

này tự túc sản xuất lúa gạo. Cũng nên biết, hiện nay mỗi năm nước Congo này nhập 150 triệu USD gạo để cứu đói trên 3 triệu dân (30% dân số).

Sự kiện này quá lý tưởng để có thể biến thành sự thật. Chương trình hợp tác cứu đói dân chúng Congo là có thật, nhưng đó chỉ là một chi tiết nhỏ. Mục đích của chính quyền quân phiệt Nguesso, người tự nhận là tổng thống Congo-Brazzaville sau khi lật đổ đương kim tổng thống dân cử Lissouba năm 1998, là muốn được Hà Nội giúp bảo vệ ngôi vị.

Cũng nên biết, nước Cộng hòa Congo-Brazzaville được độc lập năm 1960. Sau nhiều tranh chấp đẫm máu giữa các phe chống đối để cầm quyền, năm 1969 quốc gia này trở thành một nước cộng sản, Cộng hòa Nhân dân Congo. Năm 1992, Pascal Lissouba lãnh đạo cuộc nổi dậy lật đổ chế độ cộng sản để thành lập một chế độ đa nguyên và trở thành tổng thống. Sau ba cuộc nội chiến đẫm máu (1993, 1997 và 1998-1999), làm hơn 100.000 người thiệt mạng, lãnh tụ cộng sản Denis Sassou-Nguesso, liên kết với những nhóm chống đối võ trang khác, đã đuổi được phe Lissouba ra khỏi nước và lên cầm quyền năm 1999. Nhưng hòa bình thật sự chưa bao giờ có tại nước này. Mỗi lãnh tụ có một lực lượng quân sự riêng, Sassou-Nguesso có nhóm "Cobra", Lissouba có nhóm "Ninja", tất cả đều là lính đánh thuê được tuyển mộ trong các nước Châu Phi lân cận.

Hiện nay, nhóm Cobra của "đương kim tổng thống" Nguesso được chính quyền cộng sản Việt Nam tận tình giúp đỡ bởi những "chuyên gia nông nghiệp" của chương trình an toàn lương thực, mà thực chất là huấn luyện và thành lập một đội quân thiện chiến bảo vệ Nguesso với những vũ khí thô sơ. Nói thẳng ra đây là những lính đánh thuê Việt Nam được Congo tuyển mộ qua để bảo vệ chính quyền Nguesso. Bù lại giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam được trả thù lao bằng dầu thô. Qua lối thanh toán "hàng đổi hàng" này những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam có thể tẩy trắng tiền bẩn một cách hợp pháp.

Chuyện người Việt Nam ăn Tết tại Congo không ngờ có thật, nhưng không văn hóa chút nào.

Giáo Hội Phật giáo, cơ quan có thẩm quyền ?

Đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (giáo hội nhà nước chứ không phải Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đứng đầu là các hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ) đã diễn ra trong hai ngày 7 và 8-12-2002. Linh đình. Chủ tịch nước Trần Đức Lương và chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Phạm Thế Duyệt đều đọc diễn văn. Đại hội cũng được đưa lên truyền hình.

Thế nhưng sao coi về mặt của các nhà sư lại có vẻ tiu nghỉu (một trí thức quốc nội nói mặt họ trông rất «ngu thộn»). Đó là vì trong đại hội này, các vị tu sĩ "nhà nước" đã khẩn khoản xin sửa đổi một chữ, một chữ thôi, trong hiến chương của họ mà không được. Giáo Hội Phật Giáo "chính thức" này do nhà nước thành lập và bắt mọi sư sãi phải gia nhập. Có những nhà sư thực sự là quốc doanh (đôi khi còn có cả quân hàm công an) nhưng đại bộ phận chỉ gia

nhập để được yên thân và tiếp tục tu hành. Một số cương trực chống lại thì bị tù đầy như các hòa thượng Huyền Quang, Quảng Độ, hay thượng tọa Tuệ Sĩ.

Hiến chương, do ban tôn giáo nhà nước soạn thảo, đặt ra phương châm "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" là *phật pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Nhưng cái gì kỳ cục kéo dài quá lâu trở thành nhức nhối. Đã là tôn giáo sao lại còn phải theo "chủ nghĩa xã hội"? Các nhà sư xin đổi phương châm này thành *phật pháp, dân tộc và pháp trị*, nhưng bị từ chối. Để nhấn mạnh sự từ khước này, cả hai ông Trần Đức Lương và Phạm Thế Duyệt nhắc lại phương châm: *phật pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam".

Giáo hội này trước sau vẫn chỉ là một tổ chức ngoại vi của đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam mà thôi. Có khi nó còn được coi là "cơ quan" của nhà nước.

Bản chất đạo tặc của chế độ

Hồi 6 giờ 30 ngày 30-11-2002, một toán công an khoảng 20 người đã xông vào nhà ông Đàm Minh, số 34 đường Trần Phú, thành phố Hải Phòng, khám xét và sau đó bắt ông mang giam giữ tại trại giam Trần Phú, cùng đường với nhà ông.

Ông Đàm Minh, 75 tuổi, là một đảng viên cộng sản kỳ cựu với 50 tuổi đảng. Ông phục vụ trong quân đội lên tới cấp bậc đại úy rồi chuyển sang ngành lâm nghiệp sau 1954. Chức vụ cuối cùng của ông trước khi về hưu là phó giám đốc ty lâm nghiệp tỉnh Hà Bắc.

Một trong những lý do khiến ông bị bắt là ông đã là một trong những người phản đối mạnh mẽ nhất cách xử sự thiếu văn hóa của chính quyền trong đám tang tướng Trần Độ, bạn khá thân của ông. Một lý do khác là ông tỏ ra đặc biệt tích cực trong cuộc vận động dân chủ trong những ngày gần đây. Ông đã có mặt trước tòa án trong phiên tòa xử Lê Chí Quang ngày 8-11-2002. Sau đó về Hải Phòng ông đã đi gặp nhiều bạn bè để tường thuật lại vụ án thô bạo này. Một vài ngày trước khi bị bắt ông đã thông báo cho nhiều người dự định lên Hà Nội gặp Nhóm Dân Chủ để thảo luận phương cách tranh đấu yểm trợ những người dân chủ trẻ đang bị cầm tù như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình.

Chính quyền cộng sản đang lo ngại sự bành trướng của Nhóm Dân Chủ tại Hải Phòng. Có lẽ vì thế mà họ đã ra tay một cách hung bạo với một người mới chỉ đến với cuộc đấu tranh cho dân chủ gần đây để dẫn dắt những người muốn nhập cuộc. Ông Đàm Minh đã được trả tự do sau 11 ngày bị giam giữ.

Trong thời gian ông bị giam giữ một biến cố ngộ nghĩnh đã xảy ra ngày 8-11-2002, nói lên bản chất của chế độ hiện nay tại Việt Nam.

Công an Hải Phòng đã đến trao cho bà Đàm Minh một thư nói là của ông Minh gửi về cho vợ trong đó ông Đàm Minh viết: "Em cứ bình tâm, anh đã khai báo thực thà và sẽ được về". Đây chỉ là một lá thư giả mạo lối bịch, giả tuồng chữ của ông Minh một cách vụng về. Gia đình ông

Minh nhận ra ngay là không phải thư của ông Minh. Nét chữ bắt chước không đúng và còn có sai lầm lớn: ông bà Minh không bao giờ gọi nhau bằng "anh, em" cả!

Bà Đàm Minh, nhũ danh Trần Thị Bảo, cho biết: "*Từ ngày lấy nhau đến giờ chúng tôi không bao giờ xưng hô với nhau như thế cả, chúng tôi chỉ gọi nhau bằng "ông, bà" thôi, nét chữ cũng không phải của ông ấy. Vả lại ông nhà tôi ông ấy ngang lắm, có bao giờ mà ông ấy lại viết như thế !*".

Tại sao có sự lừa gạt rẻ tiền này? Đó là vì công an muốn đánh lừa để bà Minh tưởng rằng chồng mình đã khai hết và sẽ nói hết với công an những việc làm của chồng. Chính quyền sợ phong trào dân chủ sẽ phát triển mạnh tại Hải Phòng một khi ông đã gia nhập Nhóm Dân Chủ.

Theo luật pháp Việt Nam thì giả mạo thư tín là tội có thể bị phạt tù. Nhưng trong trường hợp này chính nhà nước lại giả mạo thư tín trong khi người bị giả mạo thư lại ở tù.

Chủ nhân ngoại quốc đánh đập tàn nhẫn công nhân Việt Nam

Tình trạng chủ nhân Nam Hàn và Đài Loan đánh đập công nhân Việt Nam không còn là những hành vi lẻ tẻ và lén lút nữa. Bây giờ họ không những công khai đánh đập công khai mà còn đánh hội đồng và tàn nhẫn hơn.

Chỉ riêng trong tháng 11-2002 thôi, báo chí trong nước (Lao Động, Tuổi Trẻ) thuật lại rất nhiều vụ đánh đập công nhân Việt Nam của chủ nhân ngoại quốc, sau đây là một vài vụ điển hình.

Lúc 20 giờ ngày 18-11, cô Trương Thị Thanh Thúy, 20 tuổi, công nhân công ty trách nhiệm hữu hạn Sung Chang (quận 12, Sài Gòn) bị ông Yoo Ok Soon (người Đại Hàn) đánh trọng thương vì "dám cãi lại chủ nhân". Cô Thúy bị ông Yoo đâm hai phát vào mặt, sau đó bị túm tóc động đầu xuống bàn làm việc và bị đánh tới tấp. Kết quả kiểm nghiệm y khoa cho biết: cô Thúy bị chấn thương phần mềm (?), sọ não có hai vùng tụ máu (ở thái dương và trán), nhiều vết bầm tím dưới lớp da hai mạn sườn, mặt sưng, hai ngón út và áp út tay phải bị dập gãy. Tỷ lệ thương tật 11%.

Tối 26-11, sau khi bị ban giám đốc công ty Doanh Đức (100% vốn đầu tư Đài Loan) nhục mạ vì đình công phản đối vi phạm luật lao động, một số công nhân bỏ ra về. Liền tức thì khoảng 30 chuyên gia Đài Loan dùng ống nước bằng sắt (đường kính 31 mm) ủa tới đánh đập túi bụi vào nhóm người này, trong đó có cả nữ công nhân. Mọi người đều bỏ chạy, đám chuyên gia này rượt theo đánh. Công an xã chạy tới can thiệp, bắn nhiều phát súng chỉ thiên nhưng đám chuyên gia này vẫn tiếp tục đuổi theo hơn 500 mét nữa rồi mới chịu quay về. Chính quyền địa phương phải huy động gần 100 cảnh sát cơ động và công an mới vẫn hồi được trật tự. Ba công nhân bị đánh trọng thương phải đưa vào nhà thương cấp cứu, nhiều người khác bị thương nhẹ. Tổng giám đốc công ty, ông Chen Chung Hoan, đứng ra xin lỗi rồi... thôi.

Số phận của những phụ nữ Việt Nam được xuất khẩu ra nước ngoài làm "ô sin" (ở đợ) càng đáng thương tâm.

Sau 20 ngày sống trên đất Đài Loan với chức năng "giúp việc nhà", cô Nguyễn Kim Thanh, một thiếu nữ trên 20 tuổi cư ngụ Sài Gòn, phải lên máy bay về lại nước. Lý do là vì cô Thanh bị đối xử tàn tệ. Theo lời kể lại, ngay khi vừa bước xuống phi trường, cô bị người môi giới tước lấy giấy thông hành, rồi đưa đi khám sức khỏe và cho làm "thử" (không lương) 10 ngày trong nhà vợ chồng người môi giới này. Tại đây cô Thanh phải làm việc như một người ở đợ, nghĩa là phải lau chùi, quét dọn, giặt giũ áo quần theo mệnh lệnh bà chủ (rất trẻ). Mỗi lần cô Thanh không làm vừa ý chủ nhân là bị bạt tai, đấm đá và phải đứng vòng tay cúi đầu nghe bà chủ giáo huấn và một cú đập vào người. Sau đó cô được đưa vào làm vệ sinh quét dọn và phụ khuân vác trong một hãng sản xuất rượu, bên cạnh bấy chớ dữ, thay vì trong một gia đình 4 người như theo hợp đồng đã ký kết. Buổi tối cô Thanh được chở tới một căn nhà 4 tầng để quét dọn cho tới 12 giờ khuya. Chịu không nổi ô nhục này, cô Thanh xin về lại Sài Gòn mà không nhận được đồng lương nào.

Cũng nên biết, những phụ nữ muốn được sang Đài Loan "lao động" phải rút ít nhất 15 triệu (1.000 USD) cho văn phòng dịch vụ để hồ sơ được chấp nhận. Khi đến nơi các cô mới ngã ngửa về sự hào phóng của những thương gia Đài Loan đến Việt Nam đầu tư chỉ là một sự lường gạt. Mỗi năm có ít nhất gần một ngàn phụ nữ làm hôn thú với những đàn ông độc thân Đài Loan, hơn một nửa sau đó rơi vào các động mại dâm.

Nhân viên ngoại giao tổ chức nhập cảnh lậu

Tòa án tỉnh Konstanz (Đức) đang thụ lý hồ sơ một băng đảng Việt Nam đưa người nhập cảnh lậu vào Đức qua ngã Thụy Sĩ. Đường dây đã thực hiện thành công 40 vụ đưa người, phần lớn nguy trang là khách tham dự các hội chợ để nhập cảnh hợp pháp vào Thụy Sĩ, sau đó dùng đường bộ lén lút vào Đức.

Trong lúc điều tra, sau khi bắt giữ nhiều người dẫn mối, cảnh sát Đức khám phá ra đường dây này do con gái ông Nguyễn Quý Bình, đại sứ thường trực của Việt Nam cạnh cơ quan Liên Hiệp Quốc ở Geneva, Thụy Sĩ, điều khiển. Nhân viên Tổng cục Hình sự (BKA) đã chứng kiến cô này đích thân đưa một nhóm 9 người lên máy bay ở Nội Bài sang Thụy Sĩ, sau đó dùng đường bộ lén lút vào Đức qua cửa biên giới Hochrein. Cô này hưởng quyền đặc miễn ngoại giao nên không bị khám xét khi dẫn "phái đoàn thương gia" Việt Nam qua các trạm kiểm soát hải quan Thụy Sĩ.

Đường dây này đã có từ lâu và đã đưa hàng ngàn người vào Đức qua ngã này. Cũng nên biết chi phí làm một giấy nhập cảnh lậu là 9.000 USD, vé máy bay và chi phí cho người dẫn đường là 10.000 USD.

Mời quý độc giả tham gia ký tên ủng hộ bản
Tuyên bố về Hiệp Định Biên Giới và tìm đọc
những tiết mục khác trên Website Thông Luận :
<http://www.thongluan.org>

Nhân một năm ngày cắm cột mốc đầu tiên 27-12-2001/27-12-2002

Tuyên bố về Hiệp Định Biên Giới Việt - Trung

Chúng tôi, những công dân Việt Nam trong nước và ngoài nước ký tên dưới đây, sử dụng quyền làm chủ đất nước của mình, tuyên bố phản đối Hiệp định biên giới Việt-Trung đã được ký kết một cách mờ ám với Trung Quốc vào tháng 12-1999. Khi Hiệp định này bị phát hiện, đã có nhiều đơn thư phản đối, nhiều kiến nghị gửi tới lãnh đạo Đảng cộng sản cầm quyền và Nhà nước, đòi phải công khai minh bạch cho toàn dân biết nội dung Hiệp định cùng diện tích đất đai bị mất cho Trung Quốc.

Đã kiến nghị Quốc hội phải bàn bạc về Hiệp định này, nếu cần thì trưng cầu ý kiến toàn dân, nhưng Quốc hội khoá X bất lực, không một ai dám chất vấn Chính phủ lấy một câu về Hiệp định biên giới.

Đất nước là hương hỏa của ông bà tổ tiên để lại, là của cải của toàn dân tộc. Các triều đại trong lịch sử Việt Nam không triều đại nào dám để mất đất đai. Vua Lê Thánh Tông đã nói một câu nổi tiếng còn ghi trong sử xanh: "Để mất dù một tấc đất biến cương là có trọng tội với Tổ quốc".

Việc dựng cột mốc biên giới đầu tiên ở tỉnh Quảng Ninh cứ được tiến hành vào ngày 27-12-2001 đến nay đã được một năm tròn, bất chấp dư luận của nhân dân.

Việc giải trình về Hiệp định biên giới trước Quốc hội khoá XI, đã qua hai kỳ họp, không thấy giải trình.

Việc công bố nội dung Hiệp định biên giới trên báo chí cho toàn dân biết, cũng không thấy tiến hành.

Sự mờ ám, khuất tất, về Hiệp định ký lén lút và thiệt thòi này càng nổi cộm trong lòng dân chúng.

Một lần nữa, chúng tôi yêu cầu lãnh đạo Đảng cộng sản đang cầm quyền và Nhà nước :

1. Phải công bố nội dung Hiệp định trên báo chí cho toàn dân biết.

2. Hiệp định biên giới phải được giải trình với Quốc hội. Nếu để mất đất thì Quốc hội có quyền bãi bỏ các điều ước quốc tế đã ký kết. (Hiến pháp. Mục 13. Điều 84, về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội).

3. Đề nghị Quốc hội khoá XI ra quyết định trưng cầu ý dân về Hiệp định biên giới với Trung Quốc. (Hiến pháp. Mục 13. Điều 84, về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội).

4. Chấm dứt ngay việc đàn áp, bắt bớ, xét xử những người lên tiếng phản đối Hiệp định biên giới Việt-Trung.

Nhân dân Việt Nam trong nước và ngoài nước quyết giữ trọn lòng chung thủy sắt son với toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải mà tổ tiên đã hy sinh bao xương máu đắp xây từng tấc đất mới được như ngày nay.

Nếu lãnh đạo Đảng cộng sản đang cầm quyền và Nhà nước tự thừa nhận trên lời nói lâu nay là công bộc của dân, thì hãy biết nể dân, biết trọng dân, biết lắng nghe ý kiến của dân, mà xem xét lại Hiệp định biên giới. Còn toàn dân tộc Việt Nam không thừa nhận Hiệp định này.

Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 2002

Phạm Quế Dương và Trần Khuê đã bị bắt

Cuộc vận động dân chủ sẽ thắng !

Chiều ngày thứ bảy 28-12-2002, ông Phạm Quế Dương, phát ngôn viên Nhóm Dân Chủ, cùng với bà Phạm Quế Dương và người bạn là Hồ Thu đã bị bắt tại ga Sài Gòn khi họ sắp lên xe về Hà Nội sau một tuần lễ viếng thăm Sài Gòn.

Chiều chủ nhật 29-12-2002, ông Trần Khuê, phát ngôn viên miền Nam của Nhóm Dân Chủ, cũng bị bắt. Ngày hôm sau, thứ hai 30-12-2002, ông bị áp giải về nhà để nghe đọc lệnh bắt chính thức và truy tố về tội "tuyên truyền chống nhà nước xã hội chủ nghĩa".

Hai ông Phạm Quế Dương và Trần Khuê, và toàn bộ Nhóm Dân Chủ, không tuyên truyền chống ai cả. Họ chỉ vận động để đất nước có tự do và dân chủ, điều không một người Việt Nam lương thiện nào không mong muốn.

Bắt giam, giải tòa và bỏ tù, chính quyền cộng sản chỉ chứng tỏ sự thô bạo của một chính quyền đạo tặc đang giấy giụa một cách tuyện vọng.

Bắt giam bà Phạm Quế Dương càng chứng tỏ bản chất tồi tệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Chính nghĩa sẽ thắng. Dân chủ nhất định sẽ thắng.

Cuộc vận động dân chủ sẽ càng mạnh lên sau hành động đàn áp hèn hạ này.

"Lộ trình"

Tôi viết cho quý vị với tư cách cá nhân sau khi đọc hai bài đăng trong Thông Luận : "Việc ta, ta cứ làm" của ông Nguyễn Minh Cần (số 164, tháng 11-2002) và "Việc chúng ta, chúng ta cứ làm" của ông Bùi Tín (số 165, tháng 12-2002). Hai ông đã linh hoạt trao đổi luận điệu về bản "Lộ trình cải tiến bang giao Mỹ-Việt theo hướng dân chủ hóa" (mà ông Nguyễn Minh Cần gọi tắt là "Lộ trình") được công bố sau sự hợp bàn của nhiều nhà nghiên cứu Hoa Kỳ và Việt Nam, trong viện American Enterprises Institute. Qua hai bài đó, tôi cảm thấy nội dung của bản "Lộ trình" có ảnh hưởng quan trọng cho nước Việt Nam, về hiện tại cũng như về tương lai. Vì tôi không có khả năng nói về chính trị nên có ý kiến sau đây : tôi muốn được thấy đăng trong Thông Luận những bài viết để bày tỏ lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên về bản lộ trình này.

Vincent Dinh Văn Toàn (Bagneux, France)

LTS : Xin cảm ơn sự gợi ý của ông Đình Văn Toàn. Tuy nhiên, so với tầm quan trọng của "Lộ trình", chúng tôi thấy những trao đổi ý kiến như thế là đủ. Mặt khác, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không thấy cần phát triển ý kiến về lộ trình này.

Mục lục

1. 2003, năm đấu tranh quyết liệt giữa độc tài và dân chủ
Nguyễn Văn Huy
2. Để trả lại hy vọng và sự sống cho tuổi trẻ
Thông Luận
3. Nguyễn Khắc Toàn bị xử 12 năm tù
Nguyễn Sơn Bá
4. Gián điệp... "đổi mới" ?
Nghiêm Văn Thạch
5. Yêu cầu báo An Ninh Thế Giới đình chính
Nguyễn Thanh Giang và Vũ Thúy Hà
7. Thơ và tội ác
Nguyễn Gia Kiểng
9. Thơ : Cây phượng vĩ nở hoa trái mùa đơn độc
Vũ Cao Quận
10. Bói số đầu năm
Nguyễn Mạnh Hùng
12. Xin đừng quên : nửa thế kỷ trước...
Nguyễn Minh Cần
17. Có một thế hệ văn học mới cũng đang "đoạn tuyệt để lên đường" ?
Đoàn Xuân Kiên
20. Mùa Xuân (chợt) nhớ tới chuyện mai sau
Tướng Năng Tiến
22. Thời kỳ mở nước và dựng nước
Nguyễn Văn Huy
26. Đức Chúa Trời và Phật Thích Ca là một ?
Phạm Quế Dương
27. Nhà nước, một vài nhận định
Phạm Việt Vinh
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
31. Tuyên bố về Hiệp Định Biên Giới Việt-Trung
32. Cuộc vận động dân chủ sẽ thắng !
Thư độc giả

Đừng quên

những người dân chủ đang bị giam giữ vì tội lương tâm :

- **Nguyễn Khắc Toàn**, từ ngày 8-1-2002
- **Lê Chí Quang**, từ ngày 21-2-2002
- **Phạm Hồng Sơn**, từ ngày 27-3-2002

Những người này chỉ có một tội :
Họ đòi dân chủ cho Việt Nam !

Lê Chí Quang đã bị chuyển trại về nhà tù Ba Sao, tỉnh Hà Nam Ninh, từ ngày 20-12-2002.

Mọi thư từ thăm hỏi và ủy lạo xin gửi về :
Bà Nguyễn Thị Kim Chung, 22 Phố Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.